VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

HỒ TRƯỜNG AN * NHƯ CHI
PHẠM DUY * NG. MỘNG GIÁC
NGHIÊM XUÂN HỒNG
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
VŨ THÙY HẠNH
HẠ QUỐC HUY
BÌNH NGUYÊN LỘC
NGUYÊN LƯƠNG * HOÀNG LIÊN
BÙI VĨNH PHÚC
NGUYÊN SA * NGUYỄN V SÂM
SƠN NAM XỬ SĨ
HOÀNG XUÂN SƠN
NGUYỄN BÁ TRẠC * LÊ TÂM
BÙI BẢO TRÚC
DIỆU TẦN * NGU YÊN
VĂN HỌC

Số 15 tháng 4-1987

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Văn Học : *Nhà văn Bình Nguyên Lộc đã từ trần, trang 1.* * **Nghiêm Xuân Hồng :** *Lạc nẻo cố nhân, thơ, trang 4.* * **Nguyên Sa :** *Hoa sen và Hoa đào, thơ, trang 5.* * **Nguyễn Xuân Hoàng :** *Bình Nguyên Lộc ở rừng U Minh, tùy bút, trang 6.* * **Nguyễn Bá Trạc :** *Thơ đứng xoa râu, Bến sông xanh, thơ, trang 12.* * **Bình Nguyên Lộc :** *Chiều hôn nước, truyện ngắn, trang 14.* * **Như Chi :** *Tận khúc, thơ, trang 24.* * **Nguyễn văn Sâm :** *Nước mắt ly rượu, thơ, trang 25.* * **Sơn Nam Xử Sĩ :** *Tìm hiểu truyện Kiều, trang 26.* * **Vũ Thùy Hạnh :** *Thơ ngày nghỉ bệnh, thơ, trang 38.* * **Văn Học :** *Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Đức Lập, trang 39.* * **Hoàng Xuân Sơn :** *Vô cầu, Về, Tuyết, thơ, trang 48.* * **Lê Tâm :** *Như mầu đêm, truyện ngắn, trang 49.* * **Hồ Trường An :** *Mưa trên Lac de la forêt d'Orient, thơ, trang 58.* * **Bùi Bảo Trúc :** *Người con gái có móng tay sơn đỏ gắt, truyện ngắn, trang 60.* * **Hạ Quốc Huy :** *Thư gửi người học trò đã đi xa, thơ, trang 69.* * **Nguyễn Mộng Giác :** *Đàm thoại với nhóm Thế Hệ ở Houston, trang 71.* * **Diệu Tần :** *Đại bại mùa Thu, truyện ngắn, trang 79.* * **Phạm Duy :** *Nhạc tình : Văn Cao, trang 94.* * **Bùi Vĩnh Phúc :** *Thanh Tâm Tuyền, người thi sĩ ấy, trang 103.* * **Nguyên Lương :** *Đọc thơ Ngu Yên, trang 123.* * **Ngu Yên :** *Nguyễn yêu em dù cuộc sống hoang đường, thơ, trang 126.* * **Hoàng Liên :** *Ánh sáng và bóng tối, hồi ký, trang 127.* * **Văn Học :** *Giới thiệu sách mới nhận được, trang 136.* **Hộp thư :** *Trang 138.* **Đại học UCI :** *Thư gửi cộng đồng Việt Nam, trang 140.*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về
Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove California, 92 643 USA
Phone : (714) 832. 8445

Di ảnh nhà văn Bình Nguyên Lộc

NHÀ VĂN BÌNH NGUYÊN LỘC ĐÃ TỪ TRẦN

Nhà văn Bình Nguyên Lộc sau một cơn áp huyết tăng cao vào lúc 1 giờ sáng thứ Năm 5.3.1987 đã tắt thở vào lúc 2 giờ sáng ngay trên xe cứu thương đang trên đường đi đến bệnh viện Davis Medical Center ở Sacramento. Tuy tắt thở nhưng tim còn đập nên nhân viên cứu cấp đã dùng máy giúp cho bộ hô hấp làm việc. Sau hai ngày không hồi tỉnh và không tự thở được, bộ óc đã bị chết nên bác sĩ tuyên bố ông Bình Nguyên Lộc chính thức qua đời vào lúc 10 giờ tối thứ Bảy 7.3.1987.

Nhà văn Bình Nguyên Lộc tên thật là Tô văn Tuấn sinh ngày 7.3.1914 tại làng Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà. Trước chiến tranh, ông làm công chức tại Tổng nha Ngân khố. Kể từ năm 1948, ông thôi làm công chức và chỉ chuyên viết văn viết báo mà thôi. Ông đã viết trên 100 tác phẩm, khoảng 40 cuốn đã được xuất bản, gồm hai loại tiểu thuyết, và khảo cứu dân tộc học, ngôn ngữ học. Những tác phẩm quan trọng của Bình Nguyên Lộc : Đò dọc (1959), Gieo gió gặt bão (1959), Kỷ thác (1960), Nhện chờ mối ai (1962), Xô ngã bức tường rêu (1963), Ái ân thâu ngắn cho dài tiếc thương (1963), Bóng ai qua ngoài song cửa (1963), Hoa hậu Bồ đào (1963), Mối tình cuối cùng (1963), Nửa đêm trắng sụp (1963), Tâm trạng hồng (1963), Đừng hỏi tại sao (1965), Mưa thu nhớ tầm (1965), Tình đất (1966), Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc (1966), Một nàng hai chàng (1967), Quán tai heo (1967), Thầm lặng (1967), Trăm nhớ ngàn thương (1967), Uống lộn thuốc tiên (1967), Đèn Cần giờ (1968), Diễm Phương (1968), Sau đêm bố ráp (1968), Cuống rún chưa lìa (1969), Khi Tử Thức về trần (1969), Nhìn xuân người khác (1969), Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt Nam (1973), Lột trần Việt ngữ (1973)...Tại hải ngoại, năm 1986 nhà xuất bản Văn Nghệ vừa cho tái bản tập truyện ngắn *Kỷ Thác* của nhà văn Bình Nguyên Lộc gồm một số những truyện ngắn xuất sắc trong hơn 500 truyện ngắn ông đã viết. Năm 1987, một tập truyện ngắn xuất sắc khác cũng sẽ được nhà Văn Nghệ tái bản, tập *Cuống rún chưa lìa.*

Nhà văn Bình Nguyên Lộc di cư sang Hoa Kỳ tháng 10.1985, và mặc dù sức khoẻ rất kém, ông đã viết bài gửi đăng trên hầu hết các báo Việt ngữ hải ngoại, sức sáng tác khoẻ như một người cầm bút đang độ sung sức. Thêm vào đó, ông vẫn không bỏ dở công trình nghiên cứu ngôn ngữ học của ông.

Đám tang nhà văn Bình Nguyên Lộc được cử hành lúc 9 giờ sáng thứ Bảy ngày 14.3.1987 tại nhà quàng Sunset Lawn, Sacramento, California.

Sau cái chết của nhà văn Vũ Khắc Khoan hồi tháng 9 năm ngoái, một lần nữa văn giới Việt Nam lại mất một

bậc đàn anh mà lòng đam mê sáng tạo, tinh thần khai phá, và sự ân cần thân ái đối với bạn đồng nghiệp lớp sau là một tấm gương sáng cho làng văn.

Giới cầm bút hải ngoại đau xót báo tin buồn này cho quí bạn đọc. Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến, và xin cầu chúc cho linh hồn Anh được phiêu diêu ở Chốn Vĩnh Cửu !

Nghiêm Xuân Hồng, Mặc Đỗ, Mai Thảo, Phạm Duy, Võ Phiến, Nguyên Sa, Trần Ngọc Ninh, Nguyễn Đình Hoà, Tạ Tỵ, Đoàn Thêm, Cao Tiêu, Đan Quế, Linh Bảo, Nguyễn thị Vinh, Phạm Việt Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Sĩ Trung, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm văn Hải, Huỳnh Sanh Thông, Huyền Châu, Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Đạt Thịnh, Lê Huy Oanh, Đỗ Quí Toàn, Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Minh Đức Hoành Trinh, Túy Hồng, Trùng Dương, Viên Linh, Phạm Công Thiện, Lôi Tam, Hoàng Anh Tuấn, Duyên Anh, Hà Huyền Chi, Huy Lực, Du Tử Lê, Nguyên Vũ, Trúc Chi, Đỗ Tiến Đức, Phùng Minh Tiến, Hạ Quốc Huy, Hoài Điệp Tử, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Đặng Phùng Quân, Đào Trung Đạo, Nguyễn văn Sâm, Tuấn Huy, Trần Hoài Thư, Thi Vũ, Hà Thúc Sinh, Phan Lạc Tiếp, Thái Tú Hạp, Vi Khuê, Luân Hoán, Nguyễn Xuân Quang, Hoàng Ngọc Ẩn, Chu Vương Miện, Cao Thế Dung, Đào Trường Phúc, Thế Uyên, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Tường Giang, Nguyễn Hữu Nghĩa, Tôn Thất Tuệ, Lê Mỹ Hương, Hoàng Xuân Sơn, Mai Kim Ngọc, Huỳnh Hữu Cửu, Cao Đông Khánh, Nguyễn Ngọc Ngạn, Võ Kỳ Điền, Lê Tâm, Phan thị Trọng Tuyến, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Trần Diệu Hằng, Lê thị Huệ , Hàn Song Tường, Tưởng Năng Tiến, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Như Chi, Ngu Yên, Bắc Phong, Huỳnh Liễu Ngạn, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Ni Tấn, Phan Tấn Hải, Hoàng Phủ Cương, Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập, Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong, Bùi Vĩnh Phúc, Vũ.H. Quang, Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Nghiêm Xuân Hồng

Lạc nẻo cố nhân

Từ ai tắm suối Hoa nghiêm
Soi mình dòng nước, khép duyên nụ cười
Giơ tay vớt ánh sao rời
Tấm thân cây cỏ ngậm ngùi trúc tơ,
Rừng phong rụng lá ước mơ
Suối trong rũ mộng bên bờ tịch liêu
Rằng xưa...nơi bến Phong-kiều
Vẽ lầm...trăng úa, tiêu điều nhụy hoa...
Trang kinh hồn mộng chói loà
Nửa cơn địa-chấn phai nhoà tang thương...
Lối đi dặm liễu mờ sương
Tấm y hoại sắc vô thường...như nhiên,
Nhẹ bàn tay ngát hương thiền
Thong dong Bửu-nữ tới miền Kim-luân,
Gặp người lạc nẻo cố nhân
Trao bông linh-thoại ân cần nắng mưa,
Rằng xưa nhiều kiếp hương thừa
Rằng nay mới thực là vừa cơ duyên
Cho hay túc trái triền miên
Băng khe tình lụy tới miền thênh thang...

*

Ai-đi-công-quả-cho-đời,
Cho ta đứng lặng ngậm ngùi chiếc thân...

Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

Nguyên Sa

Hoa sen và hoa đào

Em vào tắm dưới hoa sen
Những khe nước chẩy, những miền hải lưu
Những thuyền lạc dưới trời sao
Hỏi sen hay hỏi hoa đào của anh
Chỗ đào có lá sen xanh
Bờ xa cỏ thấp nghiêng mình dáng sông
Tuyệt vời giữa một dòng trong
Đầu sông tóc ướt lưng vòng biển khơi.

Tùy Bút

Nguyễn Xuân Hoàng

Bình Nguyên Lộc ở rừng U Minh

Tặng Bùi Văn Tr.,
những tháng ngày
ở Kinh Làng Thứ Bảy

Tôi là một người đọc sách bình thường như tất cả những người ham đọc sách bình thường khác. Nhưng đối với một số tác giả, tôi là một người đọc sách bất công. Tôi biết chắc điều đó. Bởi vì, ít ra, có lúc tôi đã là một người đọc bất công đối với nhà văn Bình Nguyên Lộc.

Thuở đó tôi đang học năm cuối trung học tại trường Petrus Trương Vĩnh Ký. Tôi chọn ban Toán và rất say mê tiểu thuyết. Tôi lập cho mình một tủ sách riêng và cuốn nào vừa mới phát hành tôi cũng mua một quyển, nhiều khi để đó không coi, nhưng nhất định là không thể không mua.

Tôi nhớ truyện ngắn ký tên Bình Nguyên Lộc mà tôi được đọc lần đầu là truyện *Ba Sao Giữa Giời*. Truyện lấy khung cảnh xóm Máy Đá, nơi có Viện cơ thể học chứa những xác người không thân nhân thừa nhận. Nhân vật xưng tôi trong truyện là một sinh viên y khoa, có một người bạn tên Hùng học dưới anh một lớp. Hùng là một sinh viên nhút nhát, sợ ma và sợ vi trùng trên các xác chết. Hồi còn ở trung học Hùng có yêu một cô gái và cô ta cũng yêu anh nữa, nhưng cô này một hôm đã âm thầm bỏ anh đi lấy chồng, coi như giữa hai người chẳng có gì xảy ra. Hùng bực tức và đau khổ lắm. Anh tiết lộ cho nhân vật xưng tôi biết một điều bí ẩn: cô gái kia có ba nốt ruồi trên lưng, mà anh hay nói đùa với cô rằng đó là ba sao

giữa giời. Tiếng "giời", anh nói theo giọng Bắc, cho có vẻ Kiều. Anh không thích ngành y khoa, nhưng vẫn theo học vì muốn tìm lãng quên. Một hôm tình cờ anh khám phá ra trong viện cơ thể học xác một phụ nữ có ba nốt ruồi trên lưng. Từ đó Hùng trở thành một con người khác, hoàn toàn khác.

Ông anh cả tôi, lúc đó là trung úy Biệt Động Quân, vừa từ Bồng Sơn, miền Trung về, quẳng cho tôi một đống sách và hỏi:

"Mày đọc truyện *Ba Sao* chưa?"

"Em đọc rồi!"

"Mày còn muốn theo ngành y khoa nữa không?"

"Dạ, vẫn còn."

"Tại sao?"

"Em muốn làm giảm bớt nỗi đau khổ về thể xác của con người."

"Thế thì xoàng quá! Xoàng quá!"

"Tại sao?"

"Vậy là mày chưa đọc xong cái truyện *Ba Sao*. Đọc lại đi chú nhỏ."

Nhưng tôi đã không đọc lại. Tôi thấy truyện ấy tầm thường. Ở cái tuổi mười tám, tôi dễ bị lôi cuốn bởi những truyện tình thời thượng, bị hấp dẫn bởi thứ văn chương nhiều chữ kêu mà rất ít nghĩa hơn... Mặc dù học ban toán, nhưng tôi sống lãng đãng như kẻ mộng du.

Đậu Tú Tài hai, tôi ghi tên theo học lớp dự bị y khoa. Y khoa, đó là giấc mộng của đa số bạn cùng lứa tôi hồi đó. Nhưng trong giờ Sinh vật học của giáo sư Lachasse, tôi cứ bị săn đuổi bởi thơ tình Xuân Diệu, trong giờ Thực Vật học của giáo sư Phạm Hoàng Hộ, tôi cứ bị con bướm trắng của Nhất Linh bay qua bay lại. Hà Thúc Nhôn, người bạn cùng học hồi ở Nha trang với tôi, cũng là một người lãng mạn, nhưng đó là loại lãng mạn về thời cuộc, và sau cùng anh đã trả giá cho sự lãng mạn chống tham nhũng ấy bằng cái chết của anh tại quân y viện Nguyễn Huệ Nha Trang. Tôi sớm nhận ra trường thuốc không phải là con đường tôi đi. Tôi học triết. Nhưng rốt cuộc rồi tôi cũng biết thứ triết học mà tôi thu nhận được ở nhà trường, chẳng qua cũng chỉ là một "thứ lãng mạn có trình độ" kiểu khác mà thôi.

Tôi vẫn tiếp tục bất công với Bình Nguyên Lộc. Tôi không đọc bất cứ một truyện nào khác của ông nữa, mặc dù trong kệ sách của tôi vẫn không thiếu sách của ông.

Nhiều năm sau, khi tôi nhận làm việc cho tòa soạn tạp chí *Văn* của ông Nguyễn Đình Vượng ở đường Phạm Ngũ Lão, có đôi lần tôi được diện kiến với một Bình Nguyên Lộc gầy ốm, mái tóc chải rẽ đường ngôi ngay chính giữa, đeo một đôi kính đen kiểu rất xưa và ăn mặc như một công chức thời Pháp thuộc. Tác giả *Đò Dọc*

càng gây trong tôi một dị ứng về những gì ông viết. Hồi đó tôi thích Sơn Nam hơn. Tác giả *Hương Rừng Cà Mâu* để lại trong tôi nhiều vẻ đẹp rất văn học khi viết về phong tục miền Nam, còn Bình Nguyên Lộc cũng xuề xoà như Sơn Nam thôi, vậy mà đầu óc tôi lúc đó sao cứ nghĩ tưởng rằng ông chỉ là một người kể chuyện bình thường.

Mặt khác, khi Sàigòn vừa xuất hiện cuốn *Nguồn gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam*, Bình Nguyên Lộc dưới mắt tôi còn là một người thiếu nghiêm túc trong cố gắng làm một nhà biên khảo nghiên cứu về nhân chủng học và dân tộc học. Cuốn sách ấy, tôi còn nhớ, được tác giả *Đò Dọc* gửi tặng với lời dặn là phải đọc kỹ và cho biết ý kiến.

Một lần nữa tôi đã bất công với ông. Tác phẩm dày cộm ấy tôi đã để một chỗ khá cao trong kệ sách gia đình, một chỗ để quên lãng.

Cho đến năm 1980, khi tôi nằm tù ở rừng U minh, đẩy phà chở xe be trên Kinh Làng Thứ Bảy, đốn cây cất trại đào kênh, làm ruộng, theo bạn tù lâu năm đi lấy mật ong ở rừng tràm, lội trên những đường mòn ngập nước giẫu đầy những gốc lồ ô nhọn và bén như dao... tôi mới lại có dịp "nghe" truyện Bình Nguyên Lộc.

Người kể truyện Bình Nguyên Lộc cho tôi nghe là một "tù nhân cảnh sát", anh tên Bùi Văn Tr. và đã nằm ấp ở đây năm năm trước ngày tôi đến.

Tr. là một tay bắt rắn nhà nghề, săn chuột xuất sắc, và là một người lấy mật ong thuộc loại thượng thừa. Nhưng mặc dầu được Tr. giải thích thuyết phục gấy cả lưỡi, tôi vẫn không cách nào ăn được rắn và chuột. Dù sao tôi cũng khôn là đã không hề chê mật ong.

Một hôm, nhân ngày nghỉ của trại, Tr rủ tôi đi rừng. Sau khi bắt được hai con rắn lớn cho bữa cơm chiều, Tr kéo tôi ngồi nghỉ trên bờ một hố nước sâu. Tr. nói đây là hố bom. Năm đầu tiên ở đây, Tr. đã gặp ngay tại hố này một cây thập tự bằng gỗ tràm với nguyên một bộ xương chôn vùi dưới nước. Anh nói đó là xác của một người lính QLVNCH đã bị chúng bắt và chôn sống dưới nước sau khi đã trói chân tay vào thân cây thập tự. Nhìn đám tràm thấp và chắc thịt trước mặt, Tr. hỏi tôi:

"Ở Sàigòn có hay đọc sách không?"

"Có. Thỉnh thoảng!" Tôi đáp e dè.

"Có biết ông Bình Nguyên Lộc không?"

"Có. Có biết!" Tôi hơi ngạc nhiên.

"Ông đó viết có hay không?"

"Hay...!" Tôi đáp hơi ú ớ.

"Đọc truyện *Rừng Mắm* chưa?"

"...."

Tôi ngọng thật. Hình như tôi chưa đọc truyện nào của ông sau truyện *Ba Sao Giữa Giời*. Và đó cũng là một truyện tôi đọc rất láo.

"Chưa đọc phải không?" Tr. cạy một hòn đất nhỏ nghiêng mình lấy đà liệng xuống hố nước.

"Có lẽ chưa!" Tôi rụt rè trả lời anh. Trong khung cảnh đó, tôi không đủ thành thật để dám nói rằng tôi có cầm bút và viết một vài cái truyện gì gì đó, cũng tầm tầm vậy thôi, nhưng sao tôi lại có thể tỏ tệ lơ là với những người cầm bút đương thời như thế.

"Tôi thì tôi đọc không sót một truyện nào của ông Bình Nguyên Lộc. Tôi khoái truyện dài *Đò Dọc*, và các truyện ngắn *Ba Con Cáo, Cho Tay Này, Lấy Tay Kia*... Tôi cũng mê *Ba Sao Giữa Giời*. Nhưng thích nhất vẫn là *Rừng Mắm*."

"Tại sao?"

"Bởi vì trong *Rừng Mắm* tôi thấy có tôi ở trỏng!"

"..."

"Tiếc là anh chưa đọc. Thôi để tôi kể anh nghe: Nghe cũng như đọc chớ khác gì. Chuyện vầy: một gia đình bốn người gồm có thằng con tên Cốc cùng với tía má nó và ông nội nó, sống trong một vùng đất khô cằn là rừng U minh, khai hoang làm ruộng. Cả nhà đã ở đó năm năm trời, xung quanh không tiệm quán chợ búa hàng xóm láng giềng. Với lại cũng không có tiền nữa. Anh nghĩ coi bây giờ mình coi vậy mà khá hơn cái gia đình bốn người trong truyện *Rừng Mắm* của ông Bình Nguyên Lộc nhiều. Cả cái đám tù mình đây, từ sĩ quan công chức học tập cải tạo cho tới vượt biên cũng gần cả ngàn chớ phải chơi đâu. Vui hơn cái gia đình của thằng Cộc cả ngàn lần lận.

Còn tiền thì tuy có chút ít cũng bị nó cướp, nó đổi rồi. Có trắng tay thì bất quá cũng trắng tay như nhà thằng Cộc là cùng. Nhưng mình còn có tiếp tế, chớ thằng Cộc trong truyện thèm một chén chè, thèm một trái xoài thấy mồ cố tổ mà có được đâu. Còn mình, chè thỉnh thoảng vẫn có, xoài thì đâu đến đỗi. Nhưng nghĩ cho cùng, truyện ông Bình Nguyên Lộc có chuyện gì đâu. Cái điều quan trọng mà tôi khoái ổng là cái rừng mắm..."

"Rừng mắm là rừng của những cây mắm?"

"Phải rồi. Có biết cây mắm không?"

"Không. Tôi chưa bao giờ nghe nói đến cây mắm! Cây đó dùng làm gì? Cất nhà hay làm củi chụm?"

"Cây mắm không thể làm gì khác ngoài làm vật hy sanh. Cái hay của ổng là vầy. Ổng nói rằng bờ biển mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hằng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lỏng và không bao giờ thành đất thịt được, nếu không có rừng

mắm mọc trên đó cho chắc đất. Chừng nào mắm ngã rạp, tràm sẽ mọc lên. Rồi sau mấy đời tràm, đất thuần rồi, cây ăn trái mới mọc được. Ông nói đời ông nội và tía má thằng Cộc là đời mắm, còn đời thằng Cộc là đời tràm, đến đời con cháu của Cộc sẽ là đời lúa, mít, xoài, dừa, cau... Ông Bình Nguyên Lộc ổng viết một câu mà tôi thấm lắm. Ổng nói là "đời mắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ hưởng. Tôi ở đây đã năm năm, xa nhà, xa vợ, xa con, chịu bao nhiêu là cay đắng tủi nhục, nhưng mà tôi an lòng lắm. Ông Bình Nguyên Lộc ổng hay thiệt..."

Tr. ngưng nói ngó đăm đăm xuống hố bom. Trước mặt tôi là một rừng tràm bát ngát..

"Anh nghĩ coi, tụi mình là cây mắm hay cây tràm đây?"

* *
*

Tám tháng sau tôi vượt trại giam kinh Làng Thứ Bảy, chính Bùi Văn Tr. đã giúp tôi một tay. Tất cả những gì tôi có, tôi đã để lại cho anh. Phần anh, anh đã tặng tôi chiếc áo vá trăm mảnh do chính tay anh ráp nối. Chiếc áo ấy, tôi thích lắm, tiếc thay, tôi đã không giữ được. Người tài xế xe đò chạy đường Kiên Giang - Sàigòn nói với tôi là nếu phải tù cải tạo về thì nhớ trình Lệnh Tạm Tha ở các chốt công an, còn nếu trốn trại, ông ta nói nhỏ, hãy để cái áo kia lại đi. Tôi đau xót hiểu đó là một lời khuyên đáng lưu tâm.

Tết năm 81, tôi đến thăm Bình Nguyên Lộc. Căn nhà nằm cuối đáy một con ngõ yên tĩnh. Cánh cổng thấp, nơi mà Mai Thảo mỗi lần đến thăm đã phải "dựa xe vào thành tường, bên cạnh hai chậu vạn niên thanh trấn môn xanh ngắt, một màu xanh muôn thuở". Căn nhà yên lặng. Tôi gõ cửa rất nhẹ. Không một tiếng trả lời. Tôi chờ thật lâu. Sau đó, gõ mạnh hơn. Tiếng người nói rất khẽ là cửa không đóng xin cứ tự tiện. Tôi mở cửa bước vào nhà. Phòng khách tối, nhưng tôi vẫn thấy được cả tấm trần nhà gần như xụp xuống những rui mè, rơm rạ và những thanh gỗ nhỏ gãy sụm như bị nước đọng từ mái quá lâu làm mục rã. Bình Nguyên Lộc nằm ở phòng trong. Căn phòng hẹp. Cửa sổ mở ngó ra sân nước. Ánh sáng chiếu vào một chiếc bàn nhỏ có một bình nước và hai cái ly. Mấy lọ thuốc tây không mới lắm.

Sau khi hỏi thăm sức khỏe ông, chúng tôi nói chuyện về những người viết Sàigòn cũ, ai ở ai đi. Ông nhắc đến ông Nguyễn Đình Vượng và Mai Thảo, ông cũng kể tên một vài người đã đến thăm ông. Và phần tôi, tôi đã kể cho ông nghe về chuyện một độc giả của

ông ở rừng U minh nói về cây mắm, cây tràm, cây xoài... Ông nằm im lặng nghe không nói, mắt dán lên trần nhà. Đến khi tôi đề cập truyện *Ba Sao Giữa Giời*, và nhắc lại câu ông anh tôi nói, Bình Nguyên Lộc cười:

"Truyện đó viết lâu quá rồi, tôi không còn nhớ. Tuy nhiên tôi có thể nói sự sống mới là cái quí, chớ thân thể đâu phải là điều quan trọng."

Đầu năm 85, tôi đến Mỹ. Tháng Mười, 85, tôi hay tin ông cùng gia đình cũng đã đến. Tôi không có cơ hội gặp ông, nhưng vẫn theo dõi những bài viết của ông.

Cuộc sống mới cuốn hút tôi trong những trăn trở không vui. Nhưng mỗi lần đọc ông tôi thấy mình học được một điều: sự bình tâm trước cuộc đời xô dạt và sự lạc quan trước những dao động của thời thế. Ông viết như chơi. Ông viết như nói. Như thể ông là người có nhiều tay và trí nhớ ông là chiếc tủ có nhiều ngăn kéo. Nói gì thì nói, tôi vẫn mang nơi tôi một món nợ tinh thần khó trả lại cho ông.

Khi Nguyễn Mộng Giác báo tin cho tôi hay là Bình Nguyên Lộc đã qua đời, tôi không biết tôi phải làm gì với món nợ kia. Tôi muốn đọc lại cái truyện ngắn của ông mà tôi đã đọc lần đầu, năm tôi vừa mười tám tuổi. Truyện *Ba Sao Giữa Giời* in lại trong tập *Ký Thác*. Bình Nguyên Lộc viết:

"Tôi đau cho cái nghĩa đời con người liền sau khi chết. Phút trước đây, mạng anh quí biết là bao nhiêu, mà phút sau này, xác anh lại là đồ bỏ. Ra cái quí chính là sự sống chớ không phải là thân thể nữa. Có đau hay không cho thân thể của con người?"

Cám ơn anh Bình Nguyên Lộc!

Xin vĩnh biệt ông *Rừng Mắm!*

"Anh nghĩ coi, tụi mình là cây mắm hay cây tràm đây?" Câu hỏi của anh Bùi Văn Tr. ở U minh vẫn còn trong đầu tôi. Chỉ có một điều tôi chắc, đó là tôi không phải và không thể là xoài, mít... gì ráo.

Cali 10-3-87

Nguyễn Xuân Hoàng

Nguyễn Bá Trạc

Thơ đứng xoa râu

Đôi lúc thơ là tiếng lặng im
Là hoa bên đá lá bên thềm
Là cây bên suối mây bên gió
Là lúc thơ về bắt lặng yên

Là lá hoa là gió là trăng
Là đoá hoa thơm nở giữa rằm
Là xưa như nắng xanh như núi
Là ánh sao mờ chiếu lạnh căm.

Là tiếng mây trời khóc lặng yên
Là trong u tối nhốt ưu phiền
Là con chim sáo bay trên sóng
Là lũ cây rừng đứng ngả nghiêng.

Là đá cheo leo dựng giữa trời
Là lòng yêu mến thủa xa xôi
Là bông hoa phượng sau mùa hạ
Là lúc chim bay vẫn mỉm cười.

Lụa ở trong tằm lụa chảy ra
Thơ có khi đau cũng khóc oà
Thơ mùa đông lạnh như Nam cực
Thơ có khi thơ chẳng có vần.

Nhiều cơn buồn bực ứa ra thơ
Sao thơ thương tích tự bao giờ
Thơ con mắt tinh như cú
Soi vào chính giữa tâm tư.

Đây lúc thơ về giữa lặng im
Cùng hoa bên đá lá bên thềm
Cùng cây bên suối trôi bên gió
Là lúc tâm hồn bỗng lặng yên.

Là bóng ai về giữa tháng năm
Là cụm hoa ngâu lạnh chỗ nằm
Là xanh như núi xưa như nắng
Là ánh trăng mơ chạy giữa rằm.

Thơ vẫn là tre vẫn là măng
Vẫn là gió thổi vẫn là trăng
Vẫn giọng thơ xưa nguyệt với rằm
Vẫn xanh như nắng xưa như núi
Vẫn bóng sao cô quạnh chỗ nằm.

Và những con đường thơ đã đi
Đã cười đã khóc đã chia ly
Trên vùng xa thẳm lưng triền núi
Thơ đứng xoa râu chẳng nói gì.

Berkeley 25 tháng 2 năm 1987

Bến sông xanh

Men bờ sông xanh
bơi về nơi em
bước lên tiếng cười rộn rã hương thơm

Khép cánh cửa ngày đêm xô xát
bến sông xưa
bóng sao chìm
tiếng em hát như em bé hát

Em, một đêm anh ngửa mặt nhìn
thả ý nghĩ đi trên bờ ruộng

Còn em hỡi, bơi trong dĩ vãng
buộc tóc ngón tay hay đuôi tà áo
trên con thuyền
giữa lá sen

Anh nghe tiếng bên sông gọi lại
Khi cuối đông hoa cải phất phơ bay
Khi xuân về nở những nhành mai.

Bình Nguyên Lộc

Chiêu hồn nước.

*H*ai tay nhét vào túi quần, Hà nện mạnh gót giày trên vỉa hè đại lộ Hàm Nghi, miệng ngâm nho nhỏ bài thơ của chính chàng, vừa đăng trên một số báo Xuân năm nay:

Gầy gõ (1)
Đường đêm
Tiếng giày dạ khách.
Chập chờn
Chiếc bóng phong sương
Tâm tư lệ nặng phố phường
Lầu hoa cửa khép
Trầm hương mơ hồ!

Bài thơ dài lắm, nhưng chàng chỉ ngâm tới đó rồi nín thinh để lắng nghe dư âm giọng ngâm của chàng, giọng ngâm mà mấy năm trước đây, đêm nào cũng vang lên trên làn sóng phát thanh của đài Sài gòn, thử xem nó còn được cái phong độ cũ hay không.

Trăng gầy "loáng" áo
Nàng thơ...
Gặp nhau
Thêm mấy dại khờ hồn si.
Cầm bằng như gió bay đi
Giang hồ, mình lại xa gì với ta!
Em ngùi son phấn phôi pha,
Đời tôi, nghệ sĩ tài hoa phong trần!

---

(1) Mượn thơ của Hà Liên Tử

Thi sĩ đa cảm, đa tình thật! Tất cả những gì chàng ghi trong bài thơ nầy, đều là chuyện tưởng tượng cả: chàng không có gặp cô gái giang hồ đồng tâm nào đang ngậm ngùi cho cảnh phấn lợt hương phai của nàng hết. Thế mà ngâm đến đây, chàng nghẹn ngào mắt rưng rưng lệ.

Thoáng nhìn đã vội bâng khuâng,
Ngược xuôi, đôi kẻ rời chân ngậm ngùi!
Vắng đêm
Lọt nửa tiếng cười
Nhẹ tan trong gió,
Ai người chợt nghe?

Hà không còn ngâm tiếp được nữa. Chàng đã khóc mùi, thương không biết bao nhiêu kẻ "cùng một lứa bên trời lận đận" mà chàng đã bịa ra trong bài thơ.

Chàng dừng chân lại trong lúc khóc để chặm khô nước mắt rồi tiếp tục rảo bước. Một nỗi buồn mênh mông, xa vắng thấm vào đáy hồn chàng.

Thế mà chàng lại thích được buồn thật buồn như vậy. Đằng xa kia, chợ hăm chín Tết vào lúc mười một giờ đêm vẫn cứ ồn ào, có lẽ còn ồn ào hơn lúc đầu hôm nhiều, để rồi tan vào buổi cuối năm vài tiếng đồng hồ sau đó. Đêm mai, tối lại là không còn gì nữa, vì ai cũng bận việc nhà cửa, sau khi rước ông bà về.

Chàng không về nhà mà chịu được, nhưng phải trốn cảnh náo nhiệt, thả bách bộ trên con phố vắng vẻ nầy như chàng đã thường đi trong đêm khuya như vậy ở nhiều phố khác.

Năm nay thi sĩ đã ba mươi tuổi rồi, nhưng chưa yêu thật sự bao giờ cả. Những mối tình hời hợt qua đường, không gọi là yêu được. Chàng cứ mơ gặp một mối tình lớn, một mối tình đáng kể như trong tình sử bất hủ của nhơn loại, và kéo lê nỗi buồn về đêm của chàng trên các đường phố vắng để nhìn khói hương trầm qua những cánh cửa nửa khép của các lầu hoa mà chàng biết trong đó đang ẩn trú nhiều bậc giai nhân cũng thèm yêu như chàng.

Tâm tư lặng lẽphố phường
Lầu hoa cửa khép
Trầm hương mơ hồ.

Hà lắng nghe tiếng giày của chàng trong đêm vắng, nhìn bóng chàng đang chuồi trên vỉa hè, bóng đen mà đèn đường kéo dài ra, trông ốm nhom và rất yếu đuối...

Gầy gõ
Đường đêm
Tiếng giầy dạ khách
Chập chờn
Chiếc bóng phong sương.

Đi thơ thẩn, chàng lạc bước tới góc bến Bạch Đằng, bị gió sông lạnh thổi hắt vào mặt, chàng mới hay.

Hà ngước lên nhìn. Bờ sông không còn một bóng người. Bờ sông Thủ Thiêm đen thui và bên phải của chàng, bến thương khẩu leo lét vài bóng đèn ngủ gục.

Bỗng tiếng giầy của ai vang lên, và người ấy đi trên vỉa hè bờ sông, đã từ hướng cầu quây cũ tiến đến đây. Tiếng giầy ấy thưa nhưng lại dòn, nện mạnh lên gạch lề đường nhưng nghe không nặng, người bộ hành ấy chắc còn trẻ, khỏe mạnh, nhứt là đã quen đi giầy từ lâu rồi.

A kia, đó là tiếng bước của phụ nữ nó có biệt sắc riêng của nó, biệt sắc ấy có lẽ do cái phần diện tích đế giày đụng chạm với gạch, nhỏ quá, nghe rõ là truy nguyên được căn cước ngay.

Hà day lại thì thấy đó là một người đầm... mà không, đó là một người đàn bà Việt mặc duýp se-rê màu ngà với chiếc bơ-lu-dông đỏ ở thân trên.

— Bò lạc giả!

Hà nói thầm trong bụng như vậy vì thấy người ấy chỉ đi thong thả, lang thang, không có ý định về đâu cả, nên chàng nghĩ ngay rằng ả ta là một cô gái ăn sương. Bò lạc giả là tiếng lóng của bọn ăn chơi chỉ hạng gái nầy, để phân biệt với bò lạc thật là những thiếu nữ ở tỉnh mới lên, còn bơ vơ chưa tìm được nơi nương dựa.

Người đàn bà ấy dong dải cao, dáng điệu rất yêu kiều thanh lịch. Mặc dầu không có ý gì, Hà cũng nhìn thử gương mặt xem ả ta sắc diện đẹp hay xấu.

Bấy giờ ả ta đã đi gần tới bên thi sĩ và Hà thấy đó là một thiếu phụ đã quá xuân, trạc ba mươi, mặt hoa đã héo, mặc dầu giồi hóa trang. Tuy nhiên dấu vết đẹp xưa vẫn còn thấy bóng dáng lờ mờ trên đó.

Ả ta xăm xăm đi lại trước mặt Hà, chàng vừa toan lắc đầu để xua ả thì giật nẩy mình mà nghe một câu tiếng Pháp rất đúng giọng đầm:

— Xin lỗi ông, ông có lửa hay không?

Ả vừa hỏi vừa mở xắc lấy thuốc điếu, lấy cả hai điếu để mời chàng. Thì ra đó là một me Tây. Buồn cười, Hà móc hộp diêm ra và hỏi đùa cũng bằng tiếng Pháp:

— Có lẽ nhớ các ổng, nhìn bến tàu cho đỡ nhớ à? Thơ mộng lắm!

Chàng vừa đánh diêm trao lửa, vừa ngâm mấy câu thơ của Sa Giang Trần Tuấn Kiệt:

Rải rác mưa tro mờ bến Chương Dương
Ánh đèn đêm yên lặng chơi vơi buồn
Tôi khép áo mưa, ngồi trên băng lạnh

Trông ngóng những con tàu tha hương.

— Không -người đàn bà miệng ngậm thuốc, chìa đầu điếu ra để đón lửa và đính chánh -không, tôi tìm cái khác.

— Khách à ?

— Không có gì sai hơn. Nhục nhã thay cho kẻ nào nghĩ quấy!

Hà kinh ngạc đến cực độ. Một me Tây, không thể nào biết nổi câu châm ngôn của võ sĩ phái Jarretière hồi thời Trung cổ Pháp ấy, và nói ra rất đúng giọng *"Honni soit qui mal y pense"*.

Ngượng quá, chàng không biết làm sao chữa được sự lỡ lời, nên ấp úng nói:

— Tôi xin lỗi bà...

— Không hề gì, nhiều người đã lầm rồi, chớ không riêng gì ông. Xin cám ơn chút lửa nầy.

— Thưa bà, bỏ qua đi cho...

— Đồng ý.

— Và cho tôi được hân hạnh biết quí danh... của ông ở nhà.

— Tên tôi và tên của nhà tôi chắc không nói lên được điều gì bên tai ông. Tôi đang buồn đi lang thang, mà xem ra ông cũng thế, thì ta cùng đi bách bộ một vòng, có lẽ thú hơn.

— Có hân hạnh nào bằng.

— Và xin nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt vậy.

— Càng thích hơn.

Họ băng qua đường để thả trên vỉa hè đá đỏ bên ấy. Người đàn bà hỏi:

— Anh không đi chợ Tết sao?

— Khi nãy có đi mấy vòng với lũ bạn, nhưng tôi lại trốn mà tách riêng ra.

— Tìm hứng hay tìm ai ?

— Không tìm gì cả? Đi bậy cho buồn vậy thôi!

— Quái lạ! Ai lại tìm buồn ?

— Chớ chính bà không tìm buồn hay sao mà lại ở chốn nầy. À, khi nãy bà đã bảo rằng bà đang "tìm cái khác". Nếu không phải là chuyện riêng tư, thì cái khác ấy là cái gì?

— Em không biết nói ra có ích gì hay không? Đã trễ lắm rồi!

— Trễ lắm rồi? Tàu chạy rồi à ?

— Không, không thể nào anh hiểu được đâu mà hỏi mất công.

Hà thích ghê, nghe câu chuyện có vẻ mơ hồ như là truyện trình thám trong các phim phóng đãng bí mật, toát mồ hôi lạnh. Nhưng không muốn quá tò mò, phần lại nghi kỵ, cứ còn ngờ vực người đàn bà nầy là một gái ăn đêm, khôn khéo toan lừa chàng vào tròng bằng một thủ đoạn siêu đẳng nào, Hà hướng câu chuyện sang nẻo khác.

— Bà có lạnh không ?

— Bên ngoài thì không.

Chà, ả ta trường trải lắm đây và có học nữa. Nói như thế tức là ngầm bảo rằng ả ta đang lạnh lòng lắm và cần người an ủi. Thằng nào lơ mơ thì chết với ca-líp nầy.

Đang buồn, cần bạn, nhưng bỗng đâm sợ, Hà toan từ giã con hồ ly nguy hiểm để rút đi trước khi tai họa xảy tới. Chàng chợt thấy rằng cả hai đều đến trước vũ trường Mỹ Phụng và cô ả đang quẹo lên Hai Bà Trưng.

— Sao lại quẹo, thưa bà ?

— Em ở đường nầy, đằng kia.

— Vậy à, thì ra vô tình, tôi đã đưa bà về nhà, đã trót như vậy, tôi xin đưa bà luôn tới cửa, có bất tiện cho bà không?

— Không có gì, nếu việc đó chẳng làm nhọc ông.

Hà đoán người nầy có lẽ là nhơn tình dài hạn của một Pháp kiều vì phố Hai Bà Trưng đầu dưới sông thuộc khu người Pháp ngày trước. Như vậy, không còn gì hay ho nữa, và sở dĩ chàng đưa ả ta về nhà chỉ vì lịch sự thôi.

Chàng lặng lẽ đi bên cạnh người ấy, không nói, không rằng, nhưng ả ta lại nói:

— Anh có gia đình chớ ?

— Vâng !

— Anh ở trong ngành hoạt động nào ?

— Ơ... hơ... tôi là tài tử.

— Với nghĩa nào? Cái tiếng Việt ấy có nhiều nghĩa lắm...

— Xin Bà hiểu theo nghĩa artiste.

— Vậy à? Thế thì em đã lầm...

— Bà ngỡ tôi là gì ?

— Em không ngỡ là gì hết. Nhưng em đã lầm mà cả quyết rằng anh không thể hiểu cái điều anh hỏi em. Chính chỉ có những người tài tử mới hiểu em được.

— Nhưng rất tiếc là đã trễ ?

Hà hỏi xong, cười to lên, có vẻ nhạo báng ả ta.

— Phải, rất tiếc là đã quá trễ.

Người đờn bà ấy lặp lại lời Hà một cách nghiêm trang như để ngầm đính chánh ngộ nhận của chàng rằng bà ta chỉ làm bộ bí mật vậy thôi, chớ thật ra thì không có gì cả.

Bấy giờ Hà đã nghe mỏi chân vì đã đi quá xa và quá mau, đường lại cứ dốc lên mãi. Chàng chợt nhớ ra là người đàn bà nầy đi mau quá sức, chàng chưa thấy cả đàn ông Việt Nam nào mà đi mau đến thế. Chàng lại chợt nhận thấy họ đã đến đại lộ Thống Nhất rồi mà xem ra ả ta cứ còn muốn đi nữa.

— Hình như là bà ở xa lắm?

— Đằng kia.

— Xa như vậy lại chỉ đi bộ ?

— Bên ấy, em chỉ đi bộ nên quen rồi.

— Bên nào, thưa bà ?

— Bên Bọt-Đô.

— Bà ở Pháp mới về ?

— Em ở Pháp mới về.

— Nghĩa là... ?

— Nghĩa là em có Pháp tịch, sống bên Pháp và về đây để... tìm cái đó.

Thế là đã rõ. Tác phong của người nầy là tác phong của một cô đầm: dám xin lửa đàn ông ban đêm, đi lang thang một mình trên đường vắng, đi mau quá (theo nhịp sống của Âu châu) và đi bộ giỏi quá (bên Âu Châu, những người bậc trung đi bộ trong thành phố hằng năm bảy cây số là thường).

Không còn gì lạ về con người của thiếu phụ nầy, chỉ còn một chút xíu là... *cái đó* thôi.

Cái đó là cái gì mà bà ta tìm trong đêm tối, sợ rằng không ai hiểu cả, và đồ rằng chàng hiểu, nhưng tiếc rằng là đã trễ?

Hà rất hối hận đã chế giễu cái vụ "đã trễ ấy". Chàng lại lặng lẽ mà đi, và giây lát, tò mò quá, chàng hỏi:

— Nhưng sao lại trễ thưa bà ?

— Vì mai, em đã lên đường về Pháp, và có thể không bao giờ trở lại đây nữa.

Thiếu phụ đã dừng chân, đưa tay ra cho chàng bắt và nói bằng tiếng Pháp:

— Cảm ơn và vĩnh biệt !

Hà đã thừ người ra lúc nghe câu trước. Rất đa cảm, chàng hay ngậm ngùi trước mọi cảnh chia ly, cho dẫu là với người quen sơ. Chàng cầm tay thiếu phụ nghẹn ngào nói:

— Bà đi thật à? Tôi cứ ngỡ...

Thiếu phụ cười dòn dã :

— Anh cứ ngỡ gặp phải kỷ nữ me Tây ?

— Xin lỗi bà, ai lại...

— Nầy, hay mời anh vào chơi giây lát. Đêm nay chắc tôi cũng không ngủ.

Hà xem lại thì đó là ngôi nhà chung cư Cửu Long. Khi họ lên tới lầu, bà ấy đẩy cửa một căn buồng hẹp lé thì Hà ngạc nhiên hết sức mà thấy buồng trang hoàng như một căn nhà bình dân với nào tranh gà, tranh lợn, tranh Tàu trên vách, đặc biệt nhất là một bàn thờ tạm dọn trên chiếc bàn con với gần đủ đồ thờ, bình hương, độc bình, đèn, nhang.

Thiếu phụ cười nói, như để xin lỗi:

— Cục cựa không được. Nhưng không làm sao khác hơn.

Đến ở mười hôm, không thể mướn nhà.

— Té ra bà chỉ mới về đây thôi ?

— Vâng, rồi mai lại đi.

— Sao bà vội thế ?

— Rồi anh sẽ hiểu ?

Thiếu phụ rót nước trà từ bình thủy ra hai cái ly bằng lát-tích, thứ rẻ tiền, mua trên vỉa hè hai bên chợ Bến Thành. Nàng ngồi trên giường nhường chiếc ghế độc nhất trong buồng cho khách và nói:

— Đáng lý thì ngày mồng một em mới đi, để được nghe tiếng pháo giao thừa, như hồi năm 1958 mà em đã về một lần như vậy, nhưng nghe rằng năm nay cấm đốt pháo nên em lấy vé ở lại ngày ba mươi Tết.

— Té ra bà đã về đây một lần rồi ?

— Vâng !

— Nhưng bà đã ra đi năm nào ?

— Năm 1954.

Hà ngắm kỹ thì quả thiếu phụ nầy đã có một thời đẹp lắm. Hớp từ từ hớp trà nóng, thiếu phụ cũng nhìn chàng rồi nói:

— Anh là người khách đầu tiên và cuối cùng của em. Em mừng quá.

— Hân hạnh cho tôi.

— Thành thật mà nói thì không có gì hân hạnh cho anh. Em chỉ mừng vì được trò chuyện thân mật với một người Việt Nam, chớ không vì cá nhân của anh đâu. Anh đã mua sắm Tết chưa?

— Đã xong cả.

— Có bánh tét, dưa hấu chớ ?

— Có. Các thứ hoa cũng đã mua xong. Tôi mua được một cành mai đẹp lắm.

— Mai thui...

— Không, một cành mai mà họ cắt ngang để bán.

Nhưng thiếu phụ không nghe nữa. Nàng nhìn vào khoảng không, rồi say sưa nói to lên một mình: "Mai thui... ba chặt cành mai vào giữa tháng chạp, ba thui cành ấy nơi bị chặt, ba chặt lá, rồi ba cặm trong độc bình có chứa nước..."

"Thế rồi hăm lăm hoa ra nụ và tối ba mươi nó âm thầm nở. Sáng mồng một là bàn thờ vàng óng. Nó bền và đẹp hơn hoa nở sẵn trên cành bị cắt ngang, rồi... rồi ba..."

Bà ta còn nói gì nữa, nhiều lắm, lầm thầm trong miệng rồi nghẹn ngào không tiếp được. Lâu lắm bà ta chấm dứt trễ muộn câu nói nửa chừng ấy bằng một tiếng nấc.

Như là kẻ đóng trò, hay một con mẹ điên, thiếu phụ thình lình ngước lên nhìn khách rồi cười dòn mà rằng:

— Em chưa già mà đã lú lẩn. Em có làm buồn lòng anh lắm

không?

— Không, thưa bà.

— Em đã ba mươi rồi. Không, em chỉ mới ba mươi thôi, nhưng già quá, lòng em héo hắt, bằng cớ là em chỉ sống quay về dĩ vãng thôi. À, anh chắc còn trẻ lắm?

— Tôi cũng ba mươi.

— Tuổi sung sướng! Của anh và của người khác. Trời ơi, sao tôi lại già thế nầy! Tôi chỉ tiếc thương dĩ vãng, không hưởng được những gì đang có trong lứa tuổi tôi. À... ha... ha... em lại lẩn thẩn nữa, xin lỗi anh. Em cám ơn anh, đã đến, đã vào đây. Có lẽ em sẽ nhớ anh trọn đời.

Tôi tên là...

— Đừng, anh đừng nói tên. Anh là người Việt Nam, bao nhiêu ấy là đủ lắm rồi. Em đã gặp một thanh niên Việt Nam, không, em đã gặp quê hương Việt Nam vào một đêm cuối năm, trong đời em.

— Nhưng, bà đi bên ấy làm gì, và về để tìm bà con hay...

— Ông có gan nghe câu chuyện không hay mà khá dài hay không?

— Tôi đoán là hay.

— Đoạn đầu rất xoàng. Đoạn sau, chỉ hay đối với em thôi. Đoạn đầu rất cổ điển mà báo chí sách vở ở đây nói đến khá nhiều rồi, về người khác mà trường hợp giống trường hợp em. Năm đó em học ban Trung Học Pháp Việt ở Sài gòn. Nhơn kỳ nghỉ hè, em về quê, một làng hẻo lánh kia, rồi bị một nhóm quân nhân Pháp hiếp.

"Sợ gia đình em thưa kiện, chúng nó phao vu em rồi bắt em đi. Ra tỉnh bị giam một thời gian thì em được thả, nhưng có còn gì nữa đâu để mà quay về. Vừa lúc ấy thì một sĩ quan Pháp phải lòng em và bao em.

"Em bằng lòng theo nó, vì cũng chẳng thiết làm lại cuộc đời, và một năm sau, đạo quân viễn chinh rút lui, em theo y về bên ấy và được y cưới luôn, rồi em xin vào Pháp tịch.

"Hai năm đầu em vui được với cảnh lạ, nhưng khi hay tin cha mẹ em qua đời, em bỗng chạnh nhớ quê nhà.

"Ban đầu chỉ là một nỗi nhớ nhung nhè nhẹ thôi. Nhưng càng ngày lòng sầu xứ càng sâu đậm, em không chịu nổi nữa nên vào cuối năm 1958 ấy, em có dư chút ít, xin thông hành với tư cách du khách về đây, cũng lúc cuối tháng chạp như năm nay.

"Không thể nào mà anh tưởng tượng nổi sự thèm khát quê hương của một kẻ lìa xứ vĩnh viễn không hy vọng trở về như em. Thèm như là thèm một món cá nướng chấm mắm nêm, thèm hương bưởi, thèm tiếng chuông chùa ngân nga vào buổi hoàng

hôn, thèm cảnh cấy mạ vào đầu mùa lúa. Thèm chết đi được là vào lúc gần Tết, tức là khoảng đầu năm dương lịch. Nhớ Tết như nhớ nhà, nhớ nước, bởi vì Tết là sum hợp gia đình.

"Em chỉ về cho đỡ ghiền vậy thôi, chớ bà con xa gần gì cũng chẳng còn ai, không có lấy một mái tranh để mà vào. Mười hôm lưu lại đất nước nhà năm ấy đã làm cho em thất vọng vô cùng, định không về nữa. Nhưng rồi lại nhớ và năm nay lại về.

Hà chợt hiểu vì sao mà tranh Tàu bình dân lại treo vách buồng buyn-đin và người thuê buồng lại dọn bàn thờ phiền phức như thế này: nàng muốn tạo lại không khí gia đình đầm ấm mà về tới đây, nàng vẫn nghe thiếu.

Hà nghe nao nao buồn khi nhìn khói nhang mà chủ phòng đã đốt lên lúc nãy. Đêm mai, nhà nhà sẽ ngát hương trầm, nhà nhà sẽ đoàn tụ, trong khi đó thì một người sẽ bay trên vạn dặm trùng dương vì không còn lấy một mái tranh để mà vào, thèm mái tranh quyện khói lam chiều ấy mà không bao giờ được hưởng.

— Thì ra cái đó là...

— ... là gì chính em cũng không nói ra cho đích xác được. Một vũng ao tù trong thôn xóm chăng? Một chơn trời quen thuộc? Một mùi cá nướng? Một vài tiếng mục đồng? Hay là tất cả những thứ ấy nó họp lại để làm một linh hồn của quê cha đất tổ mà em ngỡ từ bỏ được, nhưng không thể được.

Mỗi đêm, em đi lang thang như vậy qua hết phố nầy đến phố khác, lắng nghe những tiếng thì thầm bí mật trong không, rình rập mãi một cái gì không biết, nó có thể cho em thoáng thấy cái vô hình mà em tìm, nhưng không gặp.

Bơ vơ quá, đang sống trong thủ đô Việt Nam mà em nghe rằng mình chỉ đi bên lề nước Việt thôi, không làm sao mà len vào linh hồn của đất nước được.

— Cây cỏ, núi sông vẫn có linh hồn. Nhưng ta chỉ nắm tay được với linh hồn cảnh vật qua trung gian của một linh hồn khác thôi, linh hồn người. Có lẽ bà tìm một hồn bầu bạn mà không dè.

Thiếu phụ đặt vội ly trà lên nệm, nhìn sửng Hà giây lâu rồi nói:

— Ừ, có lẽ đúng, anh nói có lẽ đúng.

— Linh hồn bầu bạn ấy là vật xúc tác của hai linh hồn khác, linh hồn đất nước và linh hồn của chính ta.

— Anh nói có lẽ đúng. Thuở còn con gái, em mơ yêu. Ông Hoàng tử đẹp trai của em là một thanh niên Việt Nam, cố nhiên. Rồi, rủi ro của số phận đã xô em vào tình cảnh không hay. Giấc mơ thiếu nữ không bao giờ thỏa cả, em chưa được yêu lần nào.

Trong giờ khắc năm tàn tháng lụn, chàng thi sĩ đa tình và trơ trọi nhìn lại người đàn bà mà tấm lòng đi lang thang khắp bốn phương trời, đau xót khôn nguôi cái đau mất gốc! Dấu vết hường

nhan ngày xưa của nàng đang lặn hụp chìm nổi trong niềm u uẩn triền miên, trong bóng ngày rơi rớt của buổi chiều tà, bóng nầy bỗng đẹp rực rỡ lên, trong cái bừng dậy cuối cùng của tất cả những gì đang hấp hối.

— Thưa bà, tôi có thể là tâm hồn bầu bạn mà bà đang tìm hay không?

Thiếu phụ mắt sáng lên, môi mấp máy, nhưng rồi nàng lại châu mày mà rằng:

— Cám ơn anh đã có lòng. Nhưng xúc động hời hợt trong một phút của anh rồi không đi đến đâu cả. Không thể nào em đủ thì giờ để đợi anh hỏi lại cặn kẽ lòng anh. Đã trễ quá rồi như em đã nói, và anh đã chế giễu vì không tin.

Nhưng cám ơn, cám ơn không biết bao nhiêu. Trong đời em, đã có một lần em suýt vớ được linh hồn đất nước. Có bị dòng đời lôi cuốn đi, một chút xíu may mắn ấy cũng đủ sưởi ấm lòng em trên đường trôi giạt.

— Ngày mai bà đi ?

— Vâng, cám ơn và vĩnh biệt !

— Nhưng bà có thể trở lại...

— Không, chồng em kiếm không được bao nhiêu tiền. Về nước là một xa xỉ phẩm.

Hồn nước Việt Nam đã xuống lầu, ra phố, ngảnh lại nhìn qua cánh cửa sổ khép nửa chừng, những sợi khói nhang trắng đục từ từ bay lên trần.

Hồn mất gốc mở toát cửa ra, lặng nhìn theo quê hương dần xa, trong khi nó sắp bị cuốn vào dòng đời cuồng cuộn chảy.

Trong đêm lặng, bốn cánh tay giơ lên, vẫy tiễn đưa nhau.

Từ đó, đêm đêm Hà nện mạnh gót giày lên vỉa hè đại lộ Hàm Nghi, dáo dác đón trong gió lạnh hồn người bạn một giờ nó như còn lẩn quất đâu đây:

Gầy gõ
Đường đêm
Tiếng giày dạ khách
Chập chờn
Chiếc bóng phong sương
Tâm tư lê nặng phố phường
Lầu hoa cửa khép
Trầm hương mơ hồ!

Chàng hay ngước lên những cửa sổ khép sơ mà trong đó biết đâu lại không có một kẻ đang tìm một linh hồn.

Giang hồ mình lại xa gì với ta
Em ngùi son phấn phôi pha,
.....

Thoáng nhìn đã vội bâng khuâng
Ngược, xuôi đôi kẻ rời chân, ngậm ngùi !

Nhưng từ đó cảm xúc của chàng đã có duyên cớ thật. Nghẹn ngào và lệ thắm của chàng không còn là cái nghẹn, là nước mắt tầm phào của một thi sĩ đa tình và giàu tưởng tượng nữa.

Bình Nguyên Lộc

Như Chi

Tận khúc

Giấy đam mê mời gọi
Mực rơi rụng trái mùa
Chẳng còn chi để tỏ
Hồn mây tan theo mưa.

Nửa đời qua chóng vánh
Hai bàn tay mong manh
Một năm bao mùa lạnh
Đời bọt nước long lanh.

Chiều qua chiều hư ảo
Bóng xế niềm quạnh hiu
Lập loè tràng hia mão
Trống chiêng rơi tiêu điều.

Tận khúc mùa tịch lặng
Vèo một thoáng thu phong
Dặt dìu trôi sóng nắng
Suối chảy một dòng trong.

20 tháng 2. 1987

Nguyễn văn Sâm

Nước mắt ly rượu

Rượu trong ly sóng sánh
Theo từng tiếng thở dài
Rượu ngoài ly đong lạnh
Giọt nước mắt quan hoài.
Nguyễn văn Sâm

Nốc nữa bạn, thoả nam nhi chi chí
Kỳ vô phong, xệ lắm chớ ủ ê.
Mượn nước đắng nuốt trôi sầu vạn kỷ,
Dùng âm thanh tiêu diệt những ê chề.

Nốc nữa bạn, chuyện quê nhà kệ nó,
Mặt dàu dàu, giúp chó được cho ai ?
Số con rệp, chúng không mang chữ thọ,
Tội tình chi đeo đẳng nỗi u hoài ?

Nốc nữa bạn, tức chi phường lớn họng ?
Từ ngàn xưa, màn kịch giống nhau thôi !
Tay ăn cướp giết người, tay chuông gióng
Vậy mà coi, đủng đỉnh chóp bu ngồi !

Nốc nữa bạn, ta đang già rồi đó,
Chục năm nay bó rọ xứ này đây.
Bao chí lớn mang theo còn xếp xó.
Tiếc chi gan. Cuộc sống vốn cù-nhầy ?

Sơn Nam Xử Sĩ

Góp ý kiến với hai ông Bình Nguyên Lộc và Triều Khê
về bài :

Tìm hiểu truyện Kiều.

***Lời toa soạn** :Nhà văn Bình Nguyên Lộc ngoài tài viết truyện còn là một người rất say mê nghiên cứu về ngôn ngữ học. Cuốn " Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam " của ông là một công trình khai phá bạo dạn và công phu về nguồn gốc dân tộc ta, từ đó ông cũng thường đưa ra những khám phá táo bạo về nguyên ngữ học, chẳng hạn hai bài đã đăng trên Văn Học số 8 & 9 và số Tết 1987. Ngành tầm nguyên từ ngữ Việt là một khu rừng hoang sơ ít có người khai phá, nhưng Bình Nguyên Lộc là người mạnh dạn đi tiên phong trên con đường cam go này.*

Cái chết đột ngột của nhà văn Bình Nguyên Lộc hôm 7.3.1987 tại Rancho Cordova Bắc California đã làm văn giới mất đi một bậc đàn anh, và giới nghiên cứu dân tộc học, ngôn ngữ học mất đi một người bạn đường.

Như nhà văn Bình Nguyên Lộc đã viết trên Văn Học số 14, cái thú của người nghiên cứu là sau khi nêu một giả thuyết, một khám phá, được nhiều người chú ý tới và tranh luận với nhau để tìm ra chân lý. Vì vậy, Văn Học xin đăng bài góp ý công phu này của Sơn Nam xử sĩ, *như một nén-hương-đặc-biệt tưởng nhớ nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Bình Nguyên Lộc.*

Đọc xong bài *Tìm Hiểu Truyện Kiều* của ông Bình Nguyên Lộc, tôi cũng có những nhận định và cảm nghĩ gần giống như ông Triều Khê và hoàn toàn đồng quan điểm với ông khi ông nhắc nhở

ta đừng nên *"mải cãi cọ"* về từ ngữ *"mà quên đi mất tính chất ký thác tâm sự trong truyện Kiều"* — và *"Tại sao ta không cảm thơ... mà cứ đem kỹ thuật, khoa học, kính hiển vi chiếu mãi vào, soi mói, bới móc mãi những cái đẹp ít có. Ta đã hết rung động rồi chăng, đã khô cằn rồi chăng? Ta không dùng trực giác mà mải mê lý luận."* (Văn Học số 11 tr. 103) — Đồng thời tôi cũng hoàn toàn đồng ý với ông TK về những nhận xét, giải thích và mô tả nhân vật và sự vật liên quan tới hai từ *Lơ láo* và *Ghềnh* trong những câu Kiều do ông BNL nêu ra.

Dưới đây chỉ là một vài ý kiến góp thêm với ông TK về những từ ngữ của truyện Kiều do ông BNL đề ra và giải nghĩa trái ngược với những chú thích truyện Kiều đã phổ biến từ trước tới nay — đồng thời góp ý với ông BNL về mối liên hệ giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ thuộc tộc ngữ Mã Lai — Đa đảo (Malayo-Polynesian).

*
* *

Mở đầu bài Tìm hiểu truyện Kiều, ông BNL viện dẫn bản Kiều chuyển Nôm ra Quốc ngữ của cố thi sĩ Tản Đà với câu:

Phong tình có lục còn truyền sử xanh

mà các bản Quốc ngữ đều viết là *"Phong tình cổ lục"* — *và ông cho biết: "Theo thi hào núi Tản thì không bao giờ có cuốn sách cổ nào tên là "Phong tình"* cả, và chữ Nôm thì *"Có"* và *"Cổ"* đều viết như nhau, vậy đó là *Có*, chớ không là *Cổ."*

Tôi còn nhớ hồi trước 1940 (ở Hà Nội) tôi có cuốn truyện Kiều này của cụ Tản Đà và có đọc bài báo (không nhớ tên tờ báo) chất vấn cụ về câu trên. Đúng như ông BNL kể lại, cụ đã xác nhận là chính cụ chuyển Nôm sang Quốc ngữ là *"Có"* — nhưng khác với ông BNL, cụ nói hai chữ *"Có"* và *"Cố"* — chứ không phải *"Cổ"* — đều viết như nhau trong nhiều bản Nôm. Tức là chữ 固 Hán Việt đọc là *Cố* với nghĩa là "sẵn có; có từ lâu", thì Nôm đọc là *Cố* (trong: cố sức, cố gắng, cố cùng, cố ý...) hoặc là *Có* (trong: có công, có của, có lúc...) — do đó khi các bản Nôm viết chữ *Cố* này được chuyển sang Quốc ngữ, thì đều viết "Phong tình *cố* lục", chỉ riêng cụ Tản Đà viết "Phong tình *có* lục". Ông BNL nói *"Có"* và *"Cổ"* đều viết như nhau là ông đã sai: *Có* 固 và *Cổ* 古 viết và đọc đều khác nhau, nhưng *Cố* và *Có* viết như nhau mà đọc khác nhau. Ba tập Nôm in mộc bản khoảng từ 1879 đến 1925 được sao lại trong cuốn Đoạn Trường Tân Thanh Khảo Lục của G.S. Bùi Hữu Sủng, đều viết 固 và được chuyển sang Quốc ngữ là *Cố* tức "Phong tình *cố* lục", chứ không là *có* tức "Phong tình *có* lục" như cụ Tản Đà. Đa số các bản Quốc ngữ in sau 1935 đều viết là "Phong tình *cổ* lục" có lẽ chuyển từ những bản Nôm chép tay và đã do một số nho sĩ tự ý sửa *cố* 固 (có từ lâu) thành *cố* 故 (cũ, lâu ngày) rồi thành *Cổ*

古 (xưa, xưa cũ) — vì 3 chữ đều có liên hệ về tự dạng, âm và nghĩa.

*
* *

Sau đoạn mở đầu, ông BNL nêu ra câu đã làm ông "tốn thì giờ khá nhiều" :

Rắn thân về với triều đình
Hàng thần lơ-láo, phận mình ra sao.

(Nhiều bản Nôm và Quốc ngữ viết: ... *phận mình ra đâu).*

Xin lần lượt nhận xét các từ ngữ theo thứ tự trước sau trong câu này:

● ***Rắn thân.*** Không biết ông BNL trích câu này trong bản Quốc ngữ nào đã viết "Rắn thân". Ba bản Nôm (nói trên) và các bản Quốc ngữ tôi đã đọc từ trên 50 năm nay đều viết *"Bó thân"* — và cũng không có bản nào viết "Trói thân" hoặc "Bó tay" để có thể dịch ra tiếng Anh là "bound hand and foot". Nếu tác giả truyện Kiều nghĩ rằng Từ Hải tự trói để nộp mình cho nhà vua, thì chắc chắn cụ đã viết: "Trói thân về với triều đình" chứ không thể viết "Bó thân", vì *Bó* và *Trói* có nghĩa khác nhau — và nếu nghĩ rằng Từ Hải quy thuận một cách không gò bó (tức là do sự thỉnh mời) thì tác giả có thể viết "Mang thân về với triều đình", chứ không viết *"Rắn thân"* vì từ *Rắn* có nghĩa là: dấn, sấn tới, xông tới (theo tự điển VN của Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ).

● ***Hàng thần.*** Ba bản Nôm (nói trên) đều viết chữ *Hàng* 降 nghĩa là: quy phục (trong những từ ngữ: đầu hàng, quy hàng, trá hàng...) chứ không viết *Hàng* 行 nghĩa là: lớp, nhóm người (trong những từ ngữ: hàng xóm, hàng phố, hàng sĩ phu, hàng quan chức...) — và các bản Quốc ngữ có chú thích đều đồng loạt giải nghĩ tương tự như nhau là: người bề tôi mới *về hàng,* (Lê Văn Hoè). VN Tự Điển của hội KTTĐ, (Hà nội, 1931) cũng viện dẫn câu này của truyện Kiều khi giải nghĩa từ ngữ *"Hàng thần".* Sự kiện này (chú thích theo nghĩa chữ *Hàng:* quy phục) cho thấy các bản Quốc ngữ đều chuyển đúng chữ (và nghĩa) của các bản Nôm - và tôi tin chắc rằng trăm phần trăm những người đọc truyện Kiều — (ngoại trừ ông BNL) đều hiểu *"Hàng thần"* theo nghĩa này.

Giả thiết tác giả cũng nghĩ như ông BNL thì tôi tin rằng cụ sẽ viết: *"Bầy tôi* lơ láo..." hoặc *"Quần thần* lơ láo..." chứ không dùng từ ngữ *"Hàng thần"* với nghĩa: đám bề tôi: bầy tôi — vì từ *"Thần"* (bề tôi; quan của triều đình) tới nay vẫn còn giữ tính chất thuần Hán, chưa được Việt hóa như từ *"Quan",* bởi vậy có thể nói quan lớn, quan nhỏ, chứ không thể nói "thần lớn, thần nhỏ" mà phải nói "đại thần, tiểu thần", tức là nếu dùng trong tiếng Việt từ *"Thần"* này phải có một từ thuần Hán khác đứng trước, và khi dùng với từ

Hàng (Hán đã Việt hóa) từ *"Thần"* vẫn phải có một phụ từ thuần Hán đi kèm: vd. hàng triều thần, hàng đại thần, hàng công thần — chứ không thể viết: hàng thần trong triều đình, hàng thần lớn, hàng thần có công — hoặc viết cụt lủn: *hàng thần*, tương tự như viết: hàng đoàn hàng lũ, hàng xóm, hàng phố... — phải chăng ông BNL quen lối viết này nên mới gán cho từ ngữ *"Hàng thần"* của truyện Kiều cái nghĩa mới lạ đó?

● ***Lơ-láo.*** Đây là một từ đôi thuần Việt và chung của cả nước. Nó không bắt gốc hoặc vay mượn từ tiếng Mã lai-Đa đảo, và cũng không phải của riêng miền Bắc. Từ đôi *Lơ Láo* là do hai từ đơn *Lơ* và *Láo* kết hợp tương tự như những từ đôi: lơ lảng, lả lơi, lơi lỏng... Tự điển VN của Lê Văn Đức/Lê Ngọc Trụ và Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của đều xếp *Lơ láo* vào từ mục *Lơ* và từ mục *Láo* khi giải nghĩa riêng rẽ hai từ tố này. Nếu *Lơ* và *Láo* đều là từ đơn (tức là tiếng đơn có nghĩa riêng biệt) thì xin hỏi ông BNL *Lơ* và *Láo* được tạo ra do những từ nào trong tiếng Mã Lai? -phải chăng *Lơ* bắt gốc từ *Lơ là* (mà ông cho là tiếng Phù nam) và *Lơ láo* (mà ông cho là tiếng Mã Lai) — và *Láo* bắt gốc từ *Lơ láo* (Mã Lai)? — và tại sao *Lơ là* (Phù nam) và *Lơ láo* (Mã lai) là 2 từ nhị âm đồng nghĩa — (đúng ra chỉ là một từ duy nhất nhưng đọc trại tức là chuyển âm khác đi một chút như *Vào/Vô* trong tiếng Việt hoặc *Pulao/pulô/cù lao* giữa ba ngôn ngữ Mãlai, Phù nam và Việt nam) — với nghĩa là "lãnh đạm, thờ ơ", lại chỉ có phần nào tương tợ với *Lơ* trong *Lơ là*, nhưng khác với *Lơ* trong *Lơ lửng* và khác hẳn với *Láo* trong tất cả các từ đôi tạo ra bởi từ này như *Lơ láo, Thao láo, Láo liên, Láo liếng, Láo dáo: Láo nháo* (theo Tự điển VN của L.V.Đức)?

Ông BNL còn nói *Lơ láo* là tiếng miền Bắc (không dùng trong miền Nam) đồng nghĩa (thờ ơ, lãnh đạm) với *Lơ là* là tiếng miền Nam mượn của Phù nam — và ông xác quyết *Lơ láo* là một từ đã "Tử vong" tức là nó đã chết hẳn, ngày nay không còn người Việt nào sử dụng nó nữa. Tôi hoàn toàn không tán đồng những ý kiến này của ông vì: — từ *Lơ láo* được sử dụng tại cả ba miền chứ không riêng miền Bắc. Đại Việt Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của (soạn thảo và ấn hành tại Saigon từ thế kỷ trước, vào khoảng thập niên 1890) có ghi và giải nghĩa *Lơ láo* trong cả 2 từ mục *Lơ* và *Láo* có thể chuyển âm thành *Ngơ ngáo* (có sắc thái mạnh hơn *Lơ láo)* và vẫn còn được sử dụng dưới cả hai hình thái tại cả ba miền VN chứ đâu đã "Tử vong"! — *Lơ láo* hoàn toàn không khác nghĩa với *Lơ là:* xin coi *Lơ láo, Ngơ ngáo* và *Lơ là* trong Tự điển VN của LVĐ thì sẽ rõ.— khi nhận thấy *Lơ láo* có thể chuyển ra *Ngơ ngáo*, ông Triều Khê thắc mắc về "luật tắc nào" đã tạo ra sự chuyển biến này, và đề nghị hỏi GS. Tiến sĩ Nguyễn Đình Hòa, một chuyên gia

về ngôn ngữ học. Tuy vậy ông TK vẫn chấp nhận *"Lơ láo"* là *"Ngơ ngáo"* tức là *"L"* có thể chuyển thành *NG* được". Trong khi chờ đợi ông hỏi G.S Hòa và mong được Giáo sư giải thích, tôi đồng ý với sự xác nhận của ông là *L* có thể chuyển ra *NG* và xin nêu ra một thí dụ về trường hợp chuyển biến này: *Lơ/Ngơ* (làm *lơ*/làm *ngơ; lơ đi/ngơ đi*) — *Lời/Ngời (lời* việc/*ngời* việc) — *Lả/Ngả* (Hải đường *lả/ngả* ngọn đông lân) — *Lủn/Ngủn* (ngắn thun *lủn*, lủn củn/ngắn *ngủn*, cụt *ngủn, Loác/Ngoác (loác* mồm/*ngoác* mồm ra; *loa loác/ngoa ngoác)* — *Lỉm/nghỉm* (chìm *lỉm*/chìm *nghỉm)*...

Nhưng trường hợp *L* chuyển *NG* hơi khác với trường hợp *L* chuyển *NH ở* hai điểm:

(1) *Loo NG* thì có sự khác biệt sắc thái hoặc mức độ giữa hai từ, một nhẹ một nặng hơn hoặc một yếu một mạnh hơn (như giữa Lơ/Ngơ, Lơ láo/Ngơ ngáo), và hình thức chuyển biến này được sử dụng chung tại cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

(2) Trái lại *Loo NH* thì hai từ giữ nguyên vẹn ý nghĩa không có khác biệt sắc thái hoặc mức độ; và đây chỉ là sự chuyển âm có tính cách phương ngữ (dialect) tức là miền Bắc dùng *NH* và miền Nam dùng *L* (như *Lời lẽ* (Nam)/*(Nhời nhẽ* (Bắc), *Lợt lạt* (Nam)/*Nhợt nhạt* (Bắc), ngoại trừ *Lẹ* và Nhẹ miền Nam coi như hai danh từ khác biệt: *Lẹ* là nhanh chóng và *Nhẹ* là không nặng (miền Bắc cũng dùng *Nhẹ* với nghĩa này), bởi vậy *Lẹ làng* (Nam) khác hẳn nghĩa với *Nhẹ nhàng* (Bắc và Nam) và *Lanh lẹ* (Nam) tương đương với *Nhanh nhẹn* (Bắc).

Cũng xin lưu ý ông TK là trong VN Tự Điển của hội KTTĐ cũng có từ đôi *ngơ ngáo* trong từ mục *Ngơ* nhưng giải nghĩa hoàn toàn khác hẳn với *Lơ láo*. Từ điển này viết: *"Ngơ ngáo:* Cũng nghĩa như ngơ ngác" và *"Ngơ ngác:* Sảng sốt không định được chủ ý — (thí dụ) "Ngơ ngác như người mất cắp". Và học giả Lê Văn Hoè (trong Truyện Kiều Chú Giải), tuy không giải nghĩa nhưng cho thấy từ đôi *Lơ láo* mô tả vẻ mặt của kẻ hàng thần vì *"hổ thẹn, ngượng ngùng"*, tức là vẻ mặt *Lơ láo* là hậu quả của sự hổ thẹn và ngượng ngùng — ông viết: "Kẻ hàng thần lấy làm *hổ thẹn ngượng ngùng* nên mặt mũi *lơ láo"*, và như vậy ông đã gián tiếp không chấp nhận lối giải nghĩa trong VN Tự Điển của hội KTTĐ: *"Lơ láo:* Sượng sùng bỡ ngỡ" — *"Sượng sùng:* Nói bộ mặt bẽn lẽn, ngượng ngập" — và *"Bẽn lẽn:* Dáng bộ thẹn thùng" — ba từ đôi này và phần giải nghĩa đã được ông BNL thâu gồm lại để lý luận về nghĩa của *Lơ láo* tương tự như sau:

Vì: *Lơ láo* (là) Sượng sùng; *Sượng sùng* (là) Bẽn lẽn; *Bẽn lẽn* (là) Mắc cở; *Mắc cở* (là) Hổ thẹn — thì: *Lơ láo* (là) bẽn lẽn, mắc cở, hổ thẹn.

VN Tự Điển của Lê Văn Đức cũng giải nghĩa giống như trên

tức là: *"Lơ láo:* bỡ ngỡ sượng sùng", và gồm thêm 2 nghĩa tố nữa là: "ngơ ngáo, lạ người lạ cảnh" — chứ không viết *Lơ láo* chuyển thành *Ngơ ngáo,* nói cách khác 2 từ đôi này không là 2 dạng thái khác nhau của một từ đôi duy nhất. Bởi vậy từ điển này giải thích *Ngơ ngáo* với những nghĩa tố khác hẳn với *Lơ láo: "Ngơ ngáo:* bơ ngơ báo ngáo, dáng người không hiểu chi ráo, mắt ngó qua ngó lại để tìm hiểu, vẻ mặt ngây ngô". Như vậy cả 2 từ điển VN (của hội KTTĐ và của ông LVĐ đều giống nhau ở phần cốt yếu của *Lơ láo* và *Ngơ ngáo.*

Các từ điển Việt—Pháp và Việt—Anh phần lớn đều dựa vào những nghĩa tố của *Lơ láo* trong các từ điển VN để chuyển dịch sang ngoại ngữ là: confus, honteux (Pháp) — hoặc: to be ashamed. Tuy nhiên cũng có một vài tự điển Việt—Anh và dịch giả Truyện Kiều chuyển *Lơ là* sang tiếng Anh một cách khá chính xác: *Lơ láo:* stare at, goggle at; to be like a fish out of water (Từ điển Việt—Anh của Bùi Phụng) — *Hàng thần lơ láo:* as a submissive and bewildered nebel(Bản dịch của Lê Xuân Thủy). Tự điển Pháp—Việt của Ban Tu Thư Sống Mới (1973) dùng *Lơ láo* và *Thao láo* để dịch từ Pháp *Hagard.*

Ngoài ra tôi nhận thấy nghĩa của *Ngơ ngáo* giải thích trong hai từ điển VN/KTTĐ và L.V.Đức/L.N.Trụ nên dành cho *Lơ láo* thì mới đúng (mặc dù lối giải nghĩa chưa được đầy đủ và chính xác) — và hai từ này (như đã trình bày ở trên) chỉ là hai dạng của một từ duy nhất, đồng bản chất nhưng khác nhau về sắc thái và mức độ.

*
* *

● ***Lơ là.*** Đúng là một từ của miền Nam nhưng lại là một từ hoàn toàn Việt và xuất hiện chỉ mới gần đây mà thôi (sau 1900) chứ không phải là một từ mượn của Phù Nam. Bằng chứng là trong VNQÂTV của H.T.Của (1896) không thấy có từ này — và phải đợi tới sau đệ nhị thế chiến mới thấy nó xuất hiện trong các từ điển biên soạn tại miền Nam. Nó là một từ hoàn toàn VN vì được tạo ra bởi từ đơn *Lơ* (với nghĩa như trong *lơ đi, bỏ lơ, giả lơ, ngó lơ, lơ đễnh)* có thêm từ tố phụ *Là* (có lẽ do *Lảng* được giản lược hóa — như búi *tóc*/búi *tó, lường* gạt/*lừa* gạt, *biển*/*bể, Khinh*/*khi, Chẳng*/*chả, Ghềnh*/*ghề v.v...,* bởi vậy *Lơ là* được xếp vào từ mục giữa *"Lơ là"* của Phù Nam và *"Lơ là"* của VN thì cũng chỉ là ngẫu nhiên như trường hợp *"Cắt"* của tiếng Việt và "to *Cut"* của tiếng Anh (người Anh đọc là *Cắt,* Mỹ đọc *Cớt).* Ngoài ra cũng xin nhắc ông BNL là trong tiếng Mã lai — Nam dương còn có một từ hoàn toàn đồng âm,với *Lơ là* của Phù Nam nhưng nghĩa lại khác hẳn: *Lơ là* (viết là lelah) nghĩa là *nhọc mệt* (tired) chứ không là *thờ ơ, lãnh đạm* (heedless) — và biết đâu tiếng *Lơ là* của Phù Nam thời

xưa có thể đồng nghĩa với *Lơ là* của Mã lai — Nam dương hiện thời?

*
* *

*T*rong đoạn kế tiếp, ông BNL đề ra thêm một câu nữa của truyện Kiều:

Chiếc cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Ông đã viết "Chiếc cầu" thay vì "Nhịp/ Dịp cầu" của các bản Kiều đã ấn hành từ trước tới nay (cả Nôm và Quốc ngữ) — rồi mới cho biết là ông "chưa hiểu rõ lắm *Ghềnh* là cái gì?". Có lẽ cũng vì quên rằng tác giả truyện Kiều đã viết "Nhịp cầu nho nhỏ" để mô tả đúng kích thước và tầm cỡ của chiếc cầu nhỏ và ngắn chỉ một nhịp (khoảng 2-3 mét) chứ không dài tới 2-3 nhịp, đủ bắc qua khe suối nhỏ tại quãng "ngọn" là quãng nhỏ hẹp nhất của nó: "Bước lần theo ngọn tiểu khê", bởi quên như vậy nên ông mới cho rằng VN Tự Điển của KTTĐ "định nghĩa khá đúng" từ *Ghềnh* là "vũng sâu có xoáy mạnh". Vì chấp thuận nghĩa này nên ông dịch *Ghềnh* sang tiếng Anh là Whirlpool, rồi ông giải thích thêm về địa dư *Ghềnh* là nước có xoáy mạnh, nghĩa là nước bị *đá ngầm* ngăn", bởi vậy có *"Ghềnh* sông Đồng Nai... từ chân thác đổ xuống lối 5 cây số" — và tại khu biển nằm sát núi Hải Vân vì "tại chơn Ải-Vân quan có *đá ngầm* nên *Ghềnh xuất hiện"*. Cũng vì hiểu về *"Ghềnh"* như trên nên ông mới lập luận rằng ngôi mộ Đạm Tiên và khu nghĩa địa (do ông tưởng tượng ra chứ truyện Kiều không hề nói tới), theo khoa địa lý Tàu, không thể đặt bên bờ "con sông con" có *ghềnh* (hiểu theo nghĩa trên) — và nếu thật sự có ngôi mộ và nghĩa địa thì "không thể có ghềnh ở đó được" — ông còn nói tiếp là như "ghềnh sông Đồng Nai" ở gần *"chơn thác"* thì ghềnh của "con sông nhỏ" nơi mộ Đạm Tiên cũng phải như vậy: lý do này "cho thấy rằng không thể có ghềnh".

Sau một hồi lý luận về *Ghềnh* (là vũng nước sâu xoáy mạnh và có đá ngầm) và về khoa địa lý Tàu (không cho mộ tại nơi có *đá ngầm,* hoặc có *ghềnh* hiểu theo lối giải thích trên), ông kết luận rằng: "Ta khó lòng mà nghi ngờ Tố Như tả không đúng. Vậy thì *Ghềnh* phải mang thêm một nghĩa là *Whirpool*. Nếu ta cứ dịch là Whirpool, người ngoại quốc đọc, rủi ro họ biết cách thức lập nghĩa địa của Tàu, họ sẽ chê Nguyễn Du tả không đúng thì hơi phiền cho văn chương ta." — Nói như vậy là ông đã dùng người nước ngoài để chê tác giả truyện Kiều và cho rằng sự chê bai này còn liên hệ tới giá trị của nền văn học VN!.

Nhưng đâu đã hết ông BNL còn xác quyết ở cuối bài là "người miền Nam thường lẫn lộn *Ghềnh* và *Gành*. Gành là danh từ của Phù Nam mà Nam Kỳ xưa vay mượn, có nghĩa là cái vịnh nhỏ, và

họ cũng thắc mắc hỏi sao cạnh nghĩa địa lại có cái vịnh. Đó là lầm lẫn danh từ, và thắc mắc ấy không cần phải có lời giải đáp dài dòng." — Nói cách khác, ông cho *Ghềnh* và *Gành* là hai từ hoàn toàn khác biệt: *Ghềnh* là tiếng miền Bắc với nghĩa của từ điển KTTĐ (đã được ông bổ khuyết) là "vũng sâu ở sông to xoáy mạnh vì bị đá ngầm ngăn" — còn *Gành* là tiếng miền Nam mượn của Phù Nam với nghĩa là "cái vịnh nhỏ", và đồng bào miền Nam đã đọc lẫn lộn hai tiếng này tức là đọc (biến âm) *Gành* ra *Ghềnh* nhưng vẫn hiểu đó là "cái vịnh nhỏ", bởi vậy "họ cũng thắc mắc" đặt ra câu hỏi trên khi đọc thấy "cạnh cái nghĩa địa" nơi mộ Đạm Tiên "lại có cái vịnh", tức là cái *Ghềnh* mà "họ" cũng đọc là *Gành.*

Tóm lại, về từ *Ghềnh* ông BNL đã quá tin vào định nghĩa của từ điển KTTĐ, rồi tự ông thêm vào đó yếu tố "đá ngầm chỉ có ở sông to", hoặc ở nơi có chân núi chạy ngầm ra biển — và cũng vì ông quá tin vào "Nguồn gốc Mã-lai" của tiếng Việt (do ông phát hiện) nên ông gán cho tiếng *Ghềnh* dùng tại miền Nam chính là từ *Gành* mượn của Phù Nam dù bị đọc lẫn lộn mà vẫn còn y nguyên nghĩa cổ xưa của nó là "cái vịnh nhỏ". Vì vậy ông có thể hiểu được tại sao lại có *ghềnh* giữa con suối nhỏ tại nơi mộ Đạm Tiên.

Xin thưa với ông rằng từ điển KTTĐ đã định nghĩa *"Ghềnh"* một cách hoàn toàn sai lạc và từ điển Lê V. Đức cũng lặp lại gần đúng câu định nghĩa này có ghi thêm *Ghềnh* cũng đọc là *Gành* — nhưng hai từ điển Việt-Pháp của học giả Đào Đăng Vỹ và Việt-Anh của giáo sư Ng. Đ. Hoà (thêm cả từ điển Việt-Anh của học giả Ng. V. Khôn) đều coi *"Ghềnh"* là thác nước, thác lớn (tức là — chute d'eau, cataracte trong tiếng Pháp; waterfall; cataract trong tiếng Anh). Và cụ Đào Đăng Đĩ coi *Ghềnh đá* là vách đá ở sát biển (tức là falaise trong tiếng Pháp) trái lại với định nghĩa của từ điển L.V. Đức là "Gành có nhiều tảng đá to" *(Gành* tức *Ghềnh* là "chỗ nước sâu giữa sông có nước xoáy mạnh). Học giả Lê V. Hòe giải nghĩa *Ghềnh* là chỗ cao chênh vênh cạnh giòng nước" — và khác hẳn với những từ điển trên, ĐVQÂ Tự Vị của H.T. Của giải nghĩa: *"Ghềnh* (còn đọc *Ghình)* là "tầm vông, không sát, đầu cao đầu thấp" và *Gập Ghềnh:* là "nghiêng triềng, lắt lẻo". Tuy không nói gì về *"Ghềnh* danh từ" nhưng từ điển này có *Gành,* là "chỗ đá đất gio gie bên mé biển: gành đá, gành đất, gành Hàu (ở Phước Tuy), gành Rái (ở cửa Cần Giờ) — *(gio gie* là gio ra, gie ra, lố ra nhiều như thể gành đá" — và *gio* là "ló ra, trề ra, lồi ra". Như vậy, những định nghĩa/giải thích của từ điển H.T. Của (soạn thảo từ thập niên 1890) tuy không hoàn toàn chính xác và đầy đủ về mỗi từ nhưng cũng cho ta thấy:

(1) *Ghềnh/Gành* không phải là vũng nước/chỗ nước sâu có xoáy mạnh vì có đá ngầm — nhưng là nơi có sông suối, mé biển

hoặc gần chân đồi núi có nhiều tảng đá hoặc mô đất lớn tạo nên một địa thế hoặc "chênh vênh" hoặc "gập ghềnh" — ở sông và suối thì dòng nước tại nơi *ghềnh* cũng thường có tính cách *"ghềnh"* tức là chảy theo triền dốc hoặc chênh đầu cao đầu thấp, nghiêng triềng, lắt lẻo" (HTC), như khúc ghềnh sông Đáy tại địa điểm *Chùa Ghềnh* ở Phủ Lý, tỉnh Hà Nam BV, (do ông TK mô tả) — hoặc như con suối lớn chảy trên một ghềnh dài tại địa điểm *Chợ Ghềnh* cũng đọc là Chợ Gành gần chân đèo Ba Dội (núi Tam Điệp) tỉnh Ninh Bình B.V. Ghềnh ở suối thường chẳng sâu lắm, có khi rất nông (10-20cm) hoặc ráo cạn vào mùa khô hoặc trời hạn hán-đây là trường hợp cái ghềnh của con suối nhỏ gần mộ Đạm Tiên.

(2) *Gành* là một từ thuần túy Việt (tại miền Bắc cũng có nơi biến *Ghềnh* thành *Gành*) với nghĩa vừa đề cập — từ điển H.T. Của cho thấy từ thế kỷ trước, từ Gành đã mang nghĩa đó, chứ không phải nghĩa của *"Gành"* "Phù Nam" là "cái vịnh con" — tức là tiếng Việt không hề mượn từ Gành của Phù Nam, và cũng chẳng có sự "lẫn lộn Ghềnh và Gành" nào cả về phía đồng bào miền Nam: sự vay mượn và lẫn lộn này chỉ có nơi ông BNL mà thôi! Ngoài ra, ông còn không nhận thấy rằng trong tiếng Việt rất thường có sự chuyển đổi giữa 4 cặp âm *anh/ach, ênh/êch, inh/ich, iêng/iêc* trong các từ đơn như: tính/tánh, chính/chánh, bệnh/bịnh, lệnh/lịnh, mảnh/miếng, cảnh/kiểng, nhếch/nhách mép, (buồn) tênh/tang, vểnh/vảnh (tai)... do đó *ghềnh/gành* chỉ là một từ chứ không là hai từ khác nhau về cả âm và nghĩa.

(3) Có một sự kiện khá lý kỳ trong tiếng Việt do học giả Lê V. Hòe phát hiện trên 30 năm trước đây (coi: Tìm Hiểu Tiếng Việt của LVH in tại Hà Nội 1950) là mỗi âm vận thường tạo ra một số từ liên hệ với nhau về ý nghĩa — thí dụ cặp âm vận *ăn/ăt* tạo ra: cắt chặt, gặt, ngắt, xắt, vặt (râu), cắn (đứt), dẫn, xắn (bánh chưng). Nếu sử dụng quy lệ này cho cặp *ênh/êch* ta sẽ thấy từ *ghềnh* có liên hệ ý nghĩa với: kềnh (càng) kênh, chênh vênh, (chồng) chềnh, chếch lệch; ghếch, nghềnh, vênh, vểnh, xếch... bởi vậy chính học giả LVH đã dùng từ đôi *"chênh vênh" để giải nghĩa từ Ghềnh* (như trên) mặc dù chưa chính xác lắm vì cái ghềnh nơi mộ Đạm Tiên có thể ở ngay trên dòng "tiểu khê" tức là ở giữa và 2 bờ dòng suối chứ không riêng ở bên "cạnh dòng nước" mà thôi.

Tóm lại, muốn biết về *Ghềnh*, ta phải tới những nơi có cái địa hình mà người dân địa phương (tại miền đồi núi và miền bờ biển có đồi núi) gọi là *Ghềnh/Gành* và đặt ra những thành ngữ, ca dao trong có từ này thì mới thấy rõ được hình thể nó: Nguyễn Du với biệt hiệu Hồng sơn liệp hộ đã sống ngay tại vùng đồi núi Hồng lĩnh (thuộc hai tỉnh Nghệ Tĩnh) và Huỳnh Tịnh Của có lẽ đã qua lại vùng duyên hải có đồi núi tại miền Nam nên cả hai cụ đều biết rõ

"Ghềnh/Gành là cái gì", khác với *xoáy nước* và *thác nước* như thế nào còn những người chỉ sống với sách vở ở tỉnh thành và đô thị chưa từng qua lại những nơi có *Ghềnh/Gành* để nhìn tận mắt như quý vị tác giả mấy cuốn từ điển Việt Nam, Việt-Anh và Việt-Pháp nói trên, thì dĩ nhiên chỉ có thể giải thích từ này và nhiều từ ngữ khác nữa theo tưởng tượng của mình, tức là định nghĩa hoặc giải thích và phiên dịch lệch lạc hoặc sai lạc. Tôi nhận thấy có khá nhiều lầm lỗi như vậy trong những từ điển này.)

*
* *

Trở lại với ông BNL về vấn đề: liên hệ giữa tiếng Việt và những ngôn ngữ thuộc ngữ tộc Mã lai — Đa đảo (Malayo-polynesian) — tôi rất khâm phục công trình nghiên cứu và sự phát hiện của ông trong lãnh vực ngôn ngữ tỉ giảo và ngữ học lịch đại (comparative & historical linguistics). Nhưng tôi nhận thấy ông đã thiếu thận trọng khi gán ghép những từ thuần Việt (như *lơ láo* và *ghềnh/gành)* vào gốc Mã lai — Đa đảo, tức là coi những từ này có liên hệ gốc gác với những từ đồng âm hoặc cận âm nhưng khác nghĩa trong các ngôn ngữ thuộc ngữ tộc đó. Đúng như nhận định của ông TK, đây "chẳng qua là có sự trùng hợp mà thôi" — và ông TK đã chứng minh sự trùng hợp này bằng thí dụ: Fun của tiếng Anh khác hẳn với *Phần/Phấn* (xin thêm: *Phân* trâu bò) của tiếng Việt. Thí dụ này lấy trong 2 ngôn ngữ Anh và Việt không có liên hệ nguồn gốc với nhau không thể chứng minh được sự trùng hợp đồng âm dị nghĩa dị căn và dị nguyên giữa nhiều từ của hai ngôn ngữ đồng tộc nhưng đã tách rời và cách biệt nhau từ nhiều thiên niên kỷ như tiếng Việt và tiếng Mã lai (cũng là tiếng của Nam dương) là 2 ngôn ngữ có nhiều từ đồng căn (tức là đồng âm hoặc cận âm, và đồng nghĩa hoặc cận nghĩa) — và loại từ này thường chỉ giới hạn trong số 200 từ căn bản (basic words) đại đa số danh từ như: mặt, mắt, chân/cẳng, tay, bụng, dạ, bố, mẹ/bu, con/nít, cháu, cá, cây, sông, núi/non... tương đương với tiếng Mãlai là: muka, mata, kaki, tangan, lambung (dạ dày: bụng dạ) bapa, ibu, anak, chuchu (tjutju) ikan, kayu (kaju), sungai, gunong/gunung.

Ngoài số 200 từ căn bản, những từ đồng âm dị nghĩa khác đều do mỗi dân tộc tự sáng tạo ra tức là không có liên hệ gì với nhau về gốc gác-và ta có thể tìm ra khá nhiều từ ngữ thuộc loại này trong hai ngôn ngữ Việt—Mã, Mã lai—Nam dương) như: *Ao* (chuôm)/*ao* (tre lớn bụ); *am* (hiểu)/*am* (:thông thường); *ba-bị/ba-bi* (:con heo); *bù-cu, bù khú/bu-ku* (:khớp, gút); *đan* (áo)/*đan* (:và/and); *đi* (lại)/*đi* (:ở, tại); *cố làm/cô-lam* (:ao chuôm); *tua* (tủa)/*tua* (:già); *quát* (tháo)/*quát* (:khỏe, mạnh); *lạ kỳ/la-ki* (:người trai, chồng); *lê la/lê-la* (:hung dữ); *xa lạ/xa-lạ* (:lỗi lầm).

(Ghi chú: Từ Mã lai phiên âm bằng vần quốc ngữ VN.

Nhưng bên cạnh những từ đồng âm dị nghĩa lại có một số từ vừa đồng âm hoặc cận âm vừa đồng nghĩa hoặc cận nghĩa trong hai ngôn ngữ Việt và Mã lai — Nam dương, như hai thí dụ ông BNL nêu ra trong phần *Tái bút* của THKL: *Tahan* (Mã): *Hãm* (Việt), *Lit-lit* (Mã): *Leo-lét* (Việt). Như đã nói trên, ông BNL đã thiếu thận trọng khi làm việc gán ghép này: ngữ học lịch đại cho biết ngoài 200 từ căn bản lại còn một số từ thiết dụng khác giống nhau trong hai ngôn ngữ đồng tộc, và được tạo ra do nền văn hóa nguyên thủy (khi 2 dân tộc chưa tách rời để sống cách biệt nhau hàng ngàn hoặc vạn dặm) — và cũng như từ căn bản, những từ này thường là danh từ như *Pana:* Ná, *Tangga: Thang*/cầu thang. *Tơlang: Làng, Nơgori: Nơi*/*Nước* (xứ), *Nona:* cô *Nàng*/*Nạ* (trong: *Nạ* dòng... Ngoài những từ đồng âm đồng nghĩa hoặc cận âm cận nghĩa khác, thường thường chỉ là những trùng hợp ngẫu nhiên giữa các ngôn ngữ hoàn toàn dị tộc trên thế giới — như *Cắt* (VN)/*Cut* (Anh)/*Couper* (Pháp) — *Bó Buộc* (VN)/*Bind, Bound, Bundle* (Anh)/*Balle* (Pháp), *Bự* (VN)/*Big* (Anh) — *Bụi cây* (VN)/*Bush* (Anh)/*Buisson* (Pháp) — *Mỏng mảnh* (VN)/*Mince* (Pháp) — Hổ thẹn (VN)/*Honte, Honteux* (Pháp)... Ba từ *Hãm* (VN): *Tahan:* (Mã), *Thắn* thường đọc *Thắng* (Nam VN): *Tơhan* (Phù nam), và *Leo-lét* (VN): *Lit-lit* (Nam dương), mà ông BNL gán ghép vào cái gốc Mã lai — Đa đảo, thật ra chỉ là những từ thuộc loại "trùng hợp ngẫu nhiên" như mấy từ Việt—Anh—Pháp trên đây.

Hơn nữa, tôi còn nhận thấy: *Hãm*陷 là một từ Hán đã hoàn toàn Việt hóa (như những từ *Chúng* trong "chúng ta", *Tại* trong "tại đây",..... *Tiêu* trong "mất tiêu, tiêu mòn", *Học, Sách, Hoa, Quả, Thuyền...)* từ này đã chuyển nghĩa trong trường hợp *"hãm* máy/xe", nhưng vẫn còn gần nguyên nghĩa trong *"hãm* trà/tiết canh" và sát nguyên nghĩa trong "vây/kìm//giam/*hãm; hãm hại*" - còn 2 từ *Thắn* (Thắng) và *Leo-lét* là những từ thuần Việt vì được thiết lập theo những quy tắc tạo từ đơn và từ đôi của tiếng Mẹ VN:

● ***Thắn*** (từ đơn) là biến thái của *Chắn*/*Chặn* — tức là: (1) phụ âm đầu *CH* và *TH* chuyển đổi lẫn nhau, thí dụ: để *Thừa* ra: để *Chừa* ra — *Chen*/*Chèn* — cái *Then* cửa — *Chộp: Thộp* — *Thêm* — *Chêm* (nghĩa là đặt *Thêm* vào giữa. *Thiền: Chiền* (trong Chùa *Chiền)* — *Chốc* (trong *Chốc* lát): *Thốc* trong "một ngôi mộ *thốc")* — *(2)* Cặp nguyên vận *Ăn*/*Ắt* tạo ra "nghĩa lõi" chung của những từ: *chắn*/*chặn, gắn, hắn, ngăn* (chặn), *tần* (tiện) — *chắt* (bóp), *gắt* (gao), *khắt* (khe), *ngặt, (se)* sắt, thắt chặt... xin coi thêm *ăn*/*ắt* và *ênh*/*êch* ở đoạn trên).

● ***Leo lét*** (từ đôi) do cặp điệp vận *eo-ét* (như trong: *kẻo kẹt, xèo*

xẹt: tạo lập do nguyên âm gốc E cũng như cặp *e-et trong: be bét, choe choé, le lét, loe loét, lòe loẹt/nhoe nhoét, sè sẹt, toe toét* — Nguyên vận *Eo* tạo ra "nghĩa lõi" của những từ: *eo* (hẹp) — *èo* (ợt) — *ẻo* (lả) — *keo* (kiệt)/*kẹo* — (khẳng) *kheo* — *héo* (hon) — *lèo tèo-nghèo* (khó) — *nheo* (nhóc) — *teo* (tóp)...và nguyên vận *ET* chỉ là hình thái điệp âm của E/ Eo để tạo ra 2 cặp điệp vận: *e-et* và *eo-et* với những từ đôi xuất phát từ 2 cặp này. Nếu tách hẳn tiếng *Lét* (ra khỏi từ đôi *leo-lét)* để nó trở thành từ đơn — rồi do từ đơn này (coi như từ gốc) tạo thêm một số từ đôi, ta sẽ có *la-lét* (mắt la mày lét), *lấm lét, lét-lét* (tức *len lét)* và thấy rằng nghĩa của từ *Lét* khác với nghĩa của điệp âm *lét* (trong leo *lét)* đồng thời từ đôi *Lét-lét* (tức *len lét)* có dạng thức y hệt *Lit-lit* của tiếng Nam-dương, nhưng nghĩa lại hoàn toàn khác biệt: có lẽ ông BNL thấy *Lét* (VN) và *Lit* (ND) có dạng thái rất gần gũi nhau nên ông cho là hai tiếng đồng nghĩa — rồi nhân có sự trùng hợp ngẫu nhiên về nghĩa của *Leo-lét* (VN) và *Lit-lit* (ND) nên ông gán luôn cái "gốc Mã-lai" vào một từ thuần Việt! — Nếu đối chiếu *Lét-lét* (VN) với *Lit-lit* (ND), ông sẽ thấy ngay là hai từ này gần y hệt nhau nhưng lại hoàn toàn khác nghĩa — và nếu tìm về nguồn cội ngữ-nghĩa (semantic) của *Leo* (trong *leo-lét)* và *Lét* (trong lét-lét: len lét) theo phương pháp phân tích dạng tố (morphem analysic) như vừa trình bày sơ lược trên đây, ông sẽ thấy *leo-lét* là một từ thuần Việt không có chút nào liên hệ với *Lit-lit* của ND và sự đồng nghĩa hoặc cận nghĩa của 2 từ này chỉ là một trùng hợp ngẫu nhiên như *Cắt* (VN) và *Cut* (Anh-Mỹ) hoặc *Hổ-thẹn* (VN) và *Honteux* (Pháp) mà thôi!

*
* *

Sơn Nam Xử Sĩ

Ghi Thêm:

(1) Khi viết xong bài này, tôi được đọc bài góp ý kiến của Ô. Võ Đình (Văn Học, Xuân Đinh Mão): rất hoan nghênh các ý kiến của ông về bài của ông BNL và những sai lầm, lệch lạc trong nhiều định nghĩa của một số từ điển VN cũng như trong những tiếng phiên dịch của một số từ điển Việt-Anh và Việt-Pháp.

(2) Ba ấn bản Kiều chữ Nôm (dẫn trên) do cụ Bùi Hữu Sủng sưu tầm sao chép lại và phiên sang chữ Quốc ngữ (in tại Saigon, 1971) — gồm có:

A. Bản *Kiều Thị Oánh Mậu,* (Đoạn Trường Tân Thanh) in năm 1902 tại Hà Nội.

B. Bản *Quan Văn Đường* (Kim Vân Kiều Tân Truyện) in năm 1925 tại Hà Nội.

C. Bản *Duy Minh Thị* (Kim Vân Kiều Tân Truyện) in năm 1879 tại Trung Hoa.

(Cư sĩ Duy Minh Thị là học giả miền Nam — và bản Kiều này có một số ít từ ngữ được chuyển sang phương ngữ miền Nam như *Chi* (gì), *vô* (vào)... nhưng vô hại vì đây là chỉ là cách đọc biến trại của địa phương).

(3) Về từ *Ghềnh:* VN Tự Điển KTTĐ đã tự mâu thuẫn khi đưa ra thí dụ "Đôi ta hết sức lên *Ghềnh* — Em ra đứng mũi cho anh chịu sào — ghềnh là "xoáy nước" thì phải nói "vào ghềnh".

Vũ Thùy Hạnh

Thơ ngày nghỉ bệnh

Buổi sáng nghe chim hót
Muốn vui cùng cỏ cây
Chiều qua sân lá rụng
Lại buồn như mọi ngày.

Có phải thời gian bệnh
Thiêm thiếp những vòng quay
Hay ta ngày ngật ốm
Lả trên lưng tháng ngày.

Có phải chiều đang thắm
Hay bình minh đang phai
Hay mặt trời thẩm mệt
Nên mênh mông đêm dài.

Có phải hồ chóng mặt
Nên trăng thấy lao đao
Hay ta lòng nước cạn
Trăng đã mất lối vào.

Có phải ta bóng núi
Hay ta hồn biển sâu
Hay là ta hạt bụi
Thở nhịp tim địa cầu.

Có phải nghe chim hót
Thoáng vui cùng cỏ cây
Chợt nhìn sân lá rụng
Lại buồn như mọi ngày.

Văn Học

Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Đức Lập.

VĂN HỌC: *Trước hết xin anh Nguyễn Đức Lập cho độc giả Văn Học biết qua về tiểu sử, vì mặc dầu rất nhiều độc giả đã đọc anh nhiều, nhưng chắc chắn một số không nhỏ vẫn tò mò muốn biết đôi chút về đời tư của anh.*

NGUYỄN ĐỨC LẬP: tôi sinh năm 1945 tại Quảng Ngãi, và vào Sài gòn sống từ hồi mới 6 tuổi, và ở Sài gòn từ đó tới ngày tôi vượt biên năm 1980. Tôi qua định cư tại Mỹ năm 1983.

VH: *Như vậy anh ở trại tị nạn đến 3 năm. Lý do vì sao anh kẹt lại trại tị nạn lâu như vậy?*

NĐL: Vì tôi không có thân nhân nào hết ở ngoại quốc. Tôi xin các phái đoàn, thì họ không nhận ngay mà cũng không từ chối. Cuối cùng, sau khi Úc và Pháp chính thức từ chối, tôi mới được phái đoàn Mỹ nhận.

VH: *Anh ở trại tị nạn nào ?*

NĐL: Trại Palawang ở Phi luật tân.

VH: *Từ khi qua Mỹ, anh đến định cư ngay tại Cali hay đã ở các tiểu bang khác trước khi về đây?*

NĐL: Đầu tiên tôi qua North Carolina, ở đó 3 tháng, và qua Cali để dự họp với các trưởng hướng đạo VN trên thế giới tại Costa Mesa. Sau đó tôi ở lại đây luôn.

VH: *Từ khi qua Cali đến nay, anh chỉ làm báo và sinh hoạt với một vài hội đoàn khác, có đúng vậy không?*

NĐL: Tôi làm báo và sinh hoạt với đoàn thể hướng đạo.

VH: *Chúng tôi nghe nói anh là con trai của nhà văn nữ Tùng Long tại Sài gòn. Nguồn tin ấy đúng không?*

Nhà văn Nguyễn Đức Lập trong buổi họp mặt ra mắt hai tác phẩm " Cuộc chiến tàn chưa ?" và " Những đêm không ngủ" tại quán cà phê Nguyệt Cầm hôm 22.2.1987 ở thành phố Westminster, California.

NĐL: Đúng.

VH: *Giữa tác phẩm của thân mẫu và những gì anh đã viết lâu nay, có ảnh hưởng gì không?*

NĐL: Theo tôi nghĩ thì không có ảnh hưởng. Từ hồi còn nhỏ, cũng như khi tôi đã lớn, mẹ tôi cấm tôi và anh em tôi không được viết văn, làm báo hoặc làm thơ.

VH: *Tại sao vậy ?*

NĐL: Tại vì cha tôi là Hồng Tiêu Nguyễn đức Huy là một trong những nhà báo đầu tiên ở Miền Nam và sống bằng nghề báo. Mẹ tôi thì cũng nhờ nghề báo để nuôi con. Trong bao nhiêu nghề mẹ tôi cần để nuôi bầy con, mẹ tôi đã chọn hai nghề là đi dạy và viết văn. Mẹ tôi đã cảm thấy tất cả cái gút mắc và khó khăn của nghề viết, nên không muốn cho anh em chúng tôi đi theo nghề này. Nhất là theo mẹ tôi, làm thơ như cha tôi thì không thực tế. Mẹ tôi khuyên mỗi đứa con phải có một nghề vững chắc đã, sau đó muốn viết lách gì hãy viết.

VH: *Từ trước tới nay, anh Lập có làm đúng như lời khuyên của thân mẫu không?*

NĐL: Hồi mới đậu tú tài I, tôi có lén mẹ tôi giữ mục "Từ thành đến tỉnh" cho một tờ báo ở Sài gòn. Tờ này, một nhật báo, do ông Trọng Nguyên làm Tổng thư ký. Một bữa ông ấy gặp mẹ tôi ngoài chợ, mới hỏi: "Chị cho thằng Lập đi làm báo làm chi? Chị em mình đã khổ quá vì nghề báo rồi, tại sao chị còn cho thằng Lập đi làm báo? Mẹ tôi kêu tôi về, bắt hứa không được làm báo nữa. Điều áy náy cho tôi, là khi qua đây, tôi đã không giữ lời hứa với mẹ.

VH: *Hiện giờ bà cụ ở bên đó với ai, và đời sống ra sao?*

NĐL: Mẹ tôi năm nay đã 75 tuổi, và đã thôi viết từ hồi ông Hoàng Đức Nhã đưa ra quyết định mỗi báo phải đóng 10 triệu mới được ra báo tiếp. Hiện mẹ tôi sống với các anh chị tôi và các cháu. Đời sống vẫn bình thường.

VH: *Tại Sài gòn ?*

NĐL: Vâng. Thỉnh thoảng em tôi bên Tây Đức có gửi về tiếp tế. Còn tôi thì không gửi được gì về cả. Không gửi thư mà cũng không đủ sức gửi quà cáp gì về cả.

VH: *Song thân anh không muốn anh theo nghiệp viết lách. Chúng tôi nghe hồi ở Sài gòn, anh Lập theo ngành luật. Tự anh lựa chọn ngành này, hay do song thân?*

NĐL: Tự tôi lựa chọn. Đầu tiên tôi chọn Văn Khoa. Nhưng học Văn Khoa một thời gian tôi nản quá nên ghi song song bên luật. Sau đó tôi tốt nghiệp luật khoa, và ra tập sự luật sư. Tôi đã hoàn tất thời gian tập sự, và mở văn phòng hơn 1 năm thì Sài gòn thất thủ.

VH: *Nhìn chung các tác phẩm của thân mẫu anh, nhà văn Tùng Long, các nhân vật đều thuộc giới bình dân từ trung lưu trở xuống, và tác phẩm nào cũng bàng bạc một không khí đạo đức đơn*

giản và sát với nếp nghĩ của đa số dân chúng, như ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ, tác phẩm nào cũng có hậu. Không khí truyện của nhà văn Tùng Long có ảnh hưởng gì đến lối viết của anh không?

NĐL: Tôi nghĩ không có ảnh hưởng, vì dường như tôi chưa viết được truyện nào có hậu cả.

VH: *Trong "Cuộc chiến tàn chưa?", ngay trang đầu, anh Lập không đề* "tập truyện ngắn" *mà đề là* tập chuyện ngắn." *Ý của anh muốn nói điều gì khi dùng chữ* chuyện ngắn?

NĐL: Tôi đã trình bày trong lời tựa của tập chuyện này như sau: "Hồi xưa,thời Pháp thuộc, có thơ Sáu Trọng, có vè Nọc Nạn, có vè Cô Thông Tầm, có vè Thầy Thông Chánh bắn Tây, có bài Hành Vân Mật Yên Hùng mượn hình ảnh Từ Hải ca tụng người yêu nước, có bài Tứ Đại Oán Ngũ Viên Thiệu để nói lên tiếng nói u uất nghẹn ngào của người dân thấp cổ bé miệng.

Tập truyện ngắn "Cuộc chiến tàn chưa?" nầy ra đời, chẳng qua cũng chỉ là một thứ thơ Sáu Trọng, một thứ vè Thông Chánh bắn Tây, để kể lại sự đấu tranh của người dân Việt trong cuộc chiến đấu mới này mà thôi."

Chuyện tôi viết ra chỉ là *những chuyện kể* như những bài vè trong dân gian thời trước.

Lý do thứ hai là *truyện* theo tôi nghĩ là một chữ Nho, được dịch ra tiếng VN là *chuyện.*

VH: *Khi viết, có phải anh mặc nhiên đặt ra hai tiêu chuẩn:*

— Về hình thức, anh nhằm sự đơn giản cho đa số những người bình dân hiểu.

— Về nội dung, từ nhân vật kết cấu cũng sát, phù hợp với đa số quần chúng.

Có phải đó là những gì anh nhắm tới khi viết các truyện này hay không?

NĐL: Khi nãy tôi nói là không chịu ảnh hưởng nhiều từ các tác phẩm của mẹ tôi. Nhưng có một điều tôi thấy là suốt bao nhiêu năm viết báo viết văn của mẹ tôi, tác phẩm của mẹ tôi được phổ biến khắp nơi, tận các làng xã xa xôi. Mặc dù có nhiều người nói rằng mẹ tôi không phải là nhà văn, nhưng theo tôi nghĩ, sở dĩ sách mẹ tôi được nhiều người đọc, vì mẹ tôi viết rất đơn giản, dễ hiểu. Do đó, nếu muốn tác phẩm mình được quần chúng đọc, thì mình nên kể nhiều chuyện cách sao cho có nhiều người nghe.

VH: *Anh Lập có hy vọng những lời anh viết trong* "Cuộc chiến tàn chưa?" *và* "Những đêm không ngủ" *đến được đa số quần chúng hay không? Đa số trong nước hay tại hải ngoại này?*

NĐL: Tôi nghĩ người viết nào cũng hy vọng như vậy. Và đa số đó là đa số về ngoài này, chứ tác phẩm của mình được chuyển về nước thì chắc khó.

VH: *Nếu đa số ở hải ngoại, thì liệu những anh Ba chị Tư chú Năm từng là độc giả của thân mẫu anh tại VN, khi đổi môi trường*

sống như hiện nay, có còn là độc giả của anh không?

NĐL: Đó là vấn đề thực tế. Chắc chắn có sự thay đổi trong đời sống và tâm cảm những người bình dân khi họ qua định cư ở hải ngoại. Nhưng tôi hy vọng những chuyện kể của tôi sẽ gợi lại cho họ được nhiều điều cần.

VH: *Gợi lại cho lớp đã từng sống như sinh hoạt anh mô tả, hay gợi lại cho lớp trẻ?*

NĐL: Đối với lớp cũ, mình gợi lại. Đối với lớp trẻ tôi mô tả cho lớp trẻ thấy được cuộc sống quê hương hiện nay của cha chú họ như thế đó.

VH: *Trong các đối thoại của "Cuộc chiến tàn chưa?" Anh dùng nhiều tiếng chỉ có ở nông thôn Miền Nam, không giống như một số nhà văn gốc miền Nam khác thường dùng ngôn ngữ phổ thông cho cả ba miền đều hiểu. Các nhà văn Miền Nam như Hồ Trường An, Nguyễn văn Sâm, Võ Hoàng, Võ Kỳ Điền, Kiệt Tấn, Lê Mỹ Hương, Phạm thị Trọng Tuyến, Nguyễn thị Ngọc Nhung, trừ một số trường hợp đặc biệt, đều dùng ngôn ngữ "chuẩn" cả, tức là ngôn ngữ Bắc. Anh Lập chỉ dùng ngôn ngữ thuần túy Miền Nam. Theo anh nghĩ, điều này có ảnh hưởng gì tới mục đích phổ cập hay không?*

NĐL: Tôi nghĩ không có trở ngại gì lắm đâu!

VH: *Như trong truyện* "Kế hoạch liên hoan", *anh dùng những tiếng:* "cái tài xí xọn", "te-rẹt". Xí xọn *thì tôi hiểu, nhưng* te rẹt *là cái gì, tôi không hiểu.*

NĐL: Khi tôi viết, tôi nghĩ: nếu lấy nhân vật là một bà già trầu miền quê miền Nam, thì không thể bắt bà già trầu đó nói giọng Bắc. Có thể có vài tiếng sẽ làm cho độc giả thắc mắc, nhưng đó cũng là một cách gợi lại những tiếng Việt Miền Nam đã mất.

VH: *Ví dụ như "te-rẹt". Nó là cái gì?*

NĐL: "Te rẹt" là xèn xẹt đi từ nhà này qua nhà kia, lê la nói chuyện.

VH: *Ở Trung và Bắc, gọi là những người "ngồi lê đôi mách" phải thế không?*

NĐL: Cũng có ngồi lê đôi mách, nhưng còn có cái gì khác. Đó là người đàn bà trong nhà trong cửa không lo gì hết, nhưng hàng xóm có động dao động thớt là có mặt.

VH: *Như vậy là "ăn cơm nhà vác ngà voi".*

NĐL: Một loại như vậy.

VH: *Hầu hết các nhân vật trong "Cuộc chiến tàn chưa?" là những người bình dân ở tầng lớp thấp, ít học, sống bình dị, và chịu đựng lịch sử một cách cũng rất bình dị. Những bà Tư Tào Tháo, cô Sáu Trọc, bà Mười Linh v.v... có thể nói họ sống bằng cảm tính hơn là lý tính. Khi chọn những nhân vật tiêu biểu đó, anh có chủ trương gì không?*

NĐL: Sở dĩ tôi chọn như vậy, vì trong cuộc đấu tranh với

cộng sản, người ta thường hay nói đến chủ thuyết, cơ cấu, tổ chức. Nhưng ít ai nói tới cuộc tranh đấu với cộng sản của tất cả các tầng lớp nhân dân. Thực ra, cộng sản gặp khó khăn không phải do chủ thuyết chống lại thuyết cộng sản, không phải là những tổ chức, mà chính là phản kháng của tất cả tầng lớp nhân dân, trong đó giới bình dân nông thôn phản kháng mạnh nhất.

Từ nhỏ tới lớn tôi không sống ở nông thôn, nhưng sau khi cộng sản chiếm Sài gòn, tôi về nông thôn sống, tại một ấp. Ấp đó là bối cảnh hầu hết chuyện tôi kể. Trong truyện dài "Người sau cùng" tôi cũng lấy hoàn toàn bối cảnh từ ấp đó.

***VH:** Những nhân vật trong tập truyện này là những nhân vật anh từng gần gũi, chứ không phải là những mẫu tưởng tượng.*

NĐL: Đây là những mẫu người tôi đã tiếp xúc, đã gần gũi. Dĩ nhiên khi viết mình cũng phải thêm thắt chút ít. Tôi về sống ở cái ấp đó 5 năm. Hồi đó tôi đi, gia đình cũng không biết tôi đi đâu. Cho tới hồi tôi bị bệnh nặng lắm, gia đình tôi mới biết.

***VH:** Anh về ấp đó theo chủ trương đẩy dân đi kinh tế mới của V.C. hay tự ý? Và một luật sư ở Sài gòn như anh về sống với những chị Tư bác Năm ở ấp đó có gặp sự xa cách, ngờ vực, nghi kỵ nào không? Từ phía chính quyền hay từ phía những người dân trong ấp.*

NĐL: Trong "Cuộc chiến tàn chưa?" tôi hay dùng chữ "giả dại qua ải". Ấp đó không phải là một khu kinh tế mới, mà là một ấp tân lập, thành hình trong đợt di dân lập ấp thời ông Phan Quang Đán làm Tổng trưởng bộ này. Ở đó dân tứ chiếng tụ về, nên người này không biết được gốc gác dòng họ người kia. Đời sống của tôi suốt 5 năm ấy rất khó khăn, phải giữ mình, đến độ trong nhà không được có cuốn sách nào hết. Lúc đầu tôi ở tuốt trong rẫy xa, cách đường 8, 9 cây số. Tôi che cái chòi ở trong đó.

***VH:** Khi sống biệt lập như vậy, sức lao động có đủ nuôi sống anh không? Hay phải nhờ nhà tiếp tế?*

NĐL: Tôi xuống đó, nhà tôi không biết mà! Tôi ở rẫy một thời gian thì chính quyền không cho ở sâu trong rẫy nữa, bắt phải ra vùng gần đường. Tôi ra ở lẫn lộn với các đồng bào trong ấp.

***VH:** Trong tập truyện, các nhân vật bình dân hầu hết đều chưa hề có kinh nghiệm về cộng sản trước 1975, và sau 1975, họ nhận ra được bộ mặt thực của cộng sản một cách trực tiếp chứ không qua lý luận. Một số nhân vật là cán bộ cộng sản, kể cả ở cấp khá cao, đi tập kết bỏ lại vợ con tại Miền Nam. Theo anh, những nhân vật cộng sản này đều xấu, nếu họa hoằn có một người cộng sản như Năm Lượng (trong Thực tế phũ phàng) thì cuối cùng cũng bị bọn cộng sản tham nhũng đẩy giạt ra ngoài lề. Theo kinh nghiệm của anh, số người cộng sản như Năm Lượng được nhiều ít?*

NĐL: Ở vùng ấp tôi ở, cũng có vài cán bộ phục viên, họ là bộ

đội bị thương nên được chuyển qua dân sự và cho phục viên. Họ bất mãn với chế độ, nhưng người dân thường cũng không có cảm tình với họ. Chính những người phục viên này gây rắc rối cho chính quyền địa phương rất nhiều. Cho nên như tôi có kể trong tập chuyện, khi chọn tập đoàn trưởng, đáng lý chọn một người phục viên, chính quyền lại chọn một ông cựu thượng sĩ VNCH. Chọn như vậy cho dễ sai hơn.

VH: *Số người như Năm Lượng có thể là một thành phần trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ CS hay không?*

NĐL: Tôi mong như vậy, nhưng cho tới ngày tôi đi, số người bất mãn với chế độ như Năm Lượng chưa phải là đối lực của cộng sản. Vả lại phải chú ý điều này: có những người cộng sản bất mãn với chế độ, nhưng họ không nghĩ chủ trương sai, mà người thực hiện chủ trương chưa đúng. Có người lại nghĩ (và nhiều người nghĩ như vậy lắm) nếu ông Hồ Chí Minh còn sống thì không đến nỗi tệ như vậy. Họ nghĩ như vậy, nên dù họ có bất mãn, nhưng không mấy hy vọng họ sẽ là đối lực chống lại chế độ cộng sản.

VH: *Ngược lại, những nhân vật mình tạm gọi là "chính diện" trong tác phẩm của anh: những người bình dân chất phác chân thật. Khi cộng sản vào họ không có ý niệm nào về chuyện đổi đời cả. Họ vẫn tưởng mọi sự y như vậy, như bà Tư Tào Tháo trong chuyện đầu chuyện cuối. Họ là những nạn nhân ngây thơ mà anh viết về họ một cách thân ái. Anh có hy vọng họ sẽ là lực lượng chính trong một thay đổi lớn lao sau này tại VN không?*

NĐL: Ở cả hai miền Nam Bắc, đều đã đi xa con đường dân tộc. Miền Bắc dùng dân tộc làm chiêu bài. Còn Miền Nam (thì như anh đã sống ở Miền Nam rồi) đi xa con đường dân tộc ra sao anh đã thấy. Bây giờ muốn giải quyết vấn đề, phải có một cuộc cách mạng dân tộc để đánh tan ảnh hưởng ngoại lai làm ung thối xã hội VN, từ Nam tới Bắc. Đã nói tới cuộc cách mạng dân tộc, thì toàn dân đóng góp vào, mà lực lượng chính của cách mạng là thành phần đa số. Nếu chỉ nói tới lý thuyết, cơ cấu, tổ chức, tức là chỉ chú tâm đến thiểu số thôi.

VH: *Nhưng những nhân vật "đa số" trong* "Cuộc chiến tàn chưa?", *vì không có ý thức về chính trị, chỉ phản ứng trước những gì xảy đến qua cảm tính mà thôi, có thể là một sức mạnh chính trị có ý thức và tổ chức được không?*

NĐL: Ngày xưa khi Mãn Thanh xâm chiếm Trung hoa, có rất nhiều phong trào phản Thanh phục Minh, nhưng đều thất bại. Vì triều Minh thời Ung Chính quá tồi tệ, trong khi nhà Mãn Thanh dù là ngoại tộc, nhưng đã đem no ấm cho dân. Ở VN, nhà Lê tạo được công đức lớn, nhưng khi nhà Trịnh chuyên quyền, các cuộc phù Lê cũng thất bại vì các vua cuối triều Lê cũng không phải là những minh quân. Người dân không cần lý thuyết mà chỉ thấy những điều trước mắt. Nên nếu cộng sản đem tới cho đa số đời

sống tốt đẹp, thì dĩ nhiên những nhân vật của tôi không hề muốn chống lại. Nhưng đây là điều không bao giờ có.

Thông thường, nói đến khả năng có thể có một cuộc quật khởi tại VN, người ta thường đề cập đến khía cạnh kinh tế. Tôi không hoàn toàn đồng ý với lối nhìn này. Vì theo kinh nghiệm của tôi, sức chịu đựng của người dân Việt thật kinh khiếp. Như trường hợp gia đình bà Năm Ký trong tập chuyện này. Bà Năm Ký có thật, 5 con, góa chồng, không canh tác được, chỉ đi làm mướn cho người ta. Chỉ sống bằng khoai mì mà 6 mẹ con vẫn chưa tới mức chết đói. Nếu theo thống kê của lương nông quốc tế, thì VN phải có nhiều triệu người chết đói. Khi nói đến một cuộc nổi dậy, thì nên nói theo Kinh Dịch: "Cùng tắc biến" — như vậy VN đã đến chỗ *cùng* chưa, và *cùng* mặt nào để cho nó *biến* mặt nào — Nhiều người nhìn ở chỗ kinh tế VN suy sụp và *cùng* ở kinh tế nên sẽ *biến ở mặt đó*. Nhưng theo tôi sức chịu đựng của người dân còn, nên mặt đó chưa *cùng*. Cho nên nếu muốn vận động, phải nhìn rõ điều ấy. Phải chịu cho rõ *cùng* ở mặt nào.

VH: *Ngay từ đầu, anh hy vọng rất nhiều ở những nạn nhân cộng sản thuộc hạng bình dân đông đảo như các nhân vật trong tập chuyện này. Nếu có những thay đổi tại VN y như thay đổi chính sách kềm kẹp tại Trung cộng, những người đó được dễ thở hơn một chút, thì theo anh Lập, họ sẽ ra sao? Hay như Machiavel đã viết trong Le Prince, lúc ấy họ lại quay sang biết ơn kẻ đã đàn áp họ?*

NĐL: Vấn đề ở đây là xem cộng sản *cùng* ở điểm nào. Nếu cộng sản không *cùng* về kinh tế, thì dù có sửa sai về kinh tế như Trung cộng, cũng không đi tới đâu. Cũng phải *biến* ở một mặt khác với kinh tế.

VH: *Cách sáng tác, cách chọn đề tài của anh Lập, rõ ràng không phải của một người viết để mà chơi. Cũng không phải là viết để cho mình. Anh không phải là người cùng với giai cấp những nhân vật anh viết trong* Cuộc chiến tàn chưa. *Việc chuyển vị trí như vậy, rõ ràng có một mục tiêu. Mục tiêu đó là gì?*

NĐL: Tôi cho rằng ảnh hưởng văn hóa ngoại lai gây một tác hại lớn lên đất nước chúng ta, khiến từ lâu dân tộc VN bị bế tắc. Khi tôi về sống ở nông thôn, tôi nghiệm ra rằng chính những nhân vật mộc mạc ấy là những người ít bị tác hại hơn những trí thức thành thị. Muốn phục hồi lại văn hóa dân tộc, tôi muốn dùng những mẫu sống mộc mạc chơn chất ấy để hoặc gợi lại, hoặc nhắc lại cho bạn đọc.

VH: *Ngoài các tác phẩm lấy mẫu là những người bình dân* thuần phác, *anh còn viết nhiều tác phẩm hơi có khuynh hướng* phục cổ *như truyện anh đăng trên tờ Tin Việt,* Kiếm Đạo. *Liệu việc nhắc các cổ sự trong khi kiến thức Hán học trong độc giả bây giờ ngày càng ít đi có vẻ "ngược gió" lắm không?*

NĐL: Nhiều người cho rằng tôi đang làm chuyện "trái mùa".

VH: *Có thể lắm. Chẳng hạn bây giờ nhắc đến Khổng Minh không có nhiều người Việt biết cho bằng nhắc tới Lệnh Hồ Xung.*

NĐL: Nhiều người cho rằng tôi phí công. Nhưng theo một số phản ứng của độc giả, qua thư từ liên lạc, tôi lại thấy mình đã không phí công.

VH: *Các độc giả ấy thuộc lớp tuổi nào?*

NĐL: Thường thường là mấy cụ già (cười).

VH: *Nếu những lời chứng quí giá của anh chỉ tới các cụ già, để các cụ đọc xong rồi để đó, thì uổng quá.*

NĐL: Nói thế chứ tôi vẫn nghĩ lời tôi viết có ảnh hưởng một số lớp trẻ.

VH: *Số đó là số nào ?*

NĐL: Tôi không hiểu được số đó là số nào. Một số bạn đọc đã liên lạc với tôi bằng thư hay điện thoại thuộc vào lớp trẻ. Dù bị xem là làm việc trái mùa, nhưng tôi không nghĩ mình đã hoài công. Vì theo tôi, lịch sử cứ lặp đi lặp lại hoài. Nhắc chuyện xưa cũng là một bài học cho tương lai.

VH: *Anh Lập nghĩ thế nào về tương lai và ảnh hưởng của văn học hải ngoại?*

NĐL: Tôi không dám đưa ra kết luận nào. Có điều tôi rất mừng là ở hải ngoại càng ngày càng có nhiều người viết, một số ít vẫn giữ lối viết cũ nối dài từ Sài gòn, còn phần lớn viết có chủ đích. Đó là điều đáng mừng, vì nếu loại văn chương có ý thức ấy càng bành trướng, thì sự ra đi của mình mới có ý nghĩa hơn.

VH: *Hiện nay, người ta nói nhiều tới sứ mệnh người cầm bút. Theo anh Lập, sứ mệnh ấy là gì?*

NĐL: Tôi chỉ trả lời riêng trường hợp của tôi thôi. Tôi không coi đó là sứ mệnh. Thứ nhất, đó là cái nghiệp. Đúng ra, tôi là đứa con bất hiếu, vì đã hứa với mẹ rồi mà vẫn viết văn làm báo. Cái nghiệp nó vậy thì đành vậy.

Thứ hai nữa, tôi cho đó là một bổn phận. Tôi mắc nợ nhiều bài học của người đi trước nên bây giờ tôi có bổn phận viết ra những điều tôi biết.

VH: *Sau khi xuất bản tập thơ* Những đêm không ngủ *và tập chuyện* Cuộc chiến tàn chưa, *kỳ này, anh còn định cho xuất bản cuốn gì nữa?*

NĐL: Hai cuốn này không do tôi xuất bản, vì tình trạng tài chánh của tôi ra sao, anh biết rồi. Chính những người bạn trẻ của tôi quen từ bên đảo đã giúp tôi in hai cuốn này, mở đầu cho nhà xuất bản Hoa Gấm. Hiện tôi đã viết xong một truyện dài tên *Người Sau Cùng* được 400 trang đã đăng trên Tin Việt.

Tập truyện ngắn Khung Rào Hẹp viết về đời sống trên đảo tị nạn đã hoàn tất từ lâu nhưng chưa in. Ngoài ra cũng có một tập truyện ngắn nữa viết về đời sống tại Mỹ, chưa kể truyện dài *Kiếm đạo* đang đăng trên Tin Việt.

Hoàng Xuân Sơn

Vô cầu

Nhón gót đi trong đêm
Sợ làm mất giấc ngủ
sợ hư không trở mình
rung rinh sàn gỗ chuyển
Chợt nhớ sân đất mềm
vô tình chẳng ai biết
giữa gỗ và đất
giữa chân không và trang phục giả hình
niềm ước mơ có thật
sống không cầu giữa khoảng trời xanh.

Về

Ngán thay mùa gió chướng
đầy trời ngọn quỉ phong
ra đường nghe ớn lạnh
biết quay về được không ?

Tuyết

Tuyết đến thế là cùng
dăm ba ngày đóng cửa
hồi tỵ kẻ viếng thăm
mùa đông như sợi chỉ
giăng mắc đến muôn trùng
ngồi buồn châm ngọn lửa
đốt những vòng hư không.

Lê Tâm

Như mầu đêm.

*N*gười đàn bà mình mỏng đứng tựa lưng vào cây cột điện đầu cúi xuống, mái tóc uốn đã duỗi dài che gần kín hết khuôn mặt, một chân gác lên chiếc ghế dài có cô gái đang ngồi trước mặt. Ánh sáng của ngọn đèn dầu để trên mặt thùng chiếc xe bánh mì của người đàn ông ngồi thụt đầu xuống sau thùng xe, chập chờn bay lượn quét lên người họ màu vàng nhợt nhạt. Bên trong là phòng bán vé của bến xe, mấy người khách lỡ chuyến đắp ny-lông nằm ngủ dưới đất bị muỗi cắn cứ một lát lại co chân lên gãi sột soạt, cùng với những tiếng chóp chép làu bàu trong miệng. Phía ngoài con đường chìm ngập trong bóng tối mờ mờ những bóng người qua lại.

Cô gái đang ngồi bỗng duỗi thẳng hai chân về phía trước, há miệng ngáp một cái dài, rồi than;

— Sao hôm nay vắng thế ?

Không có tiếng ai đáp lại. Cô gái khẽ ngúc ngắc cái đầu co chân lại, rồi hướng mặt nhìn vào phía trong khu phố chợ. Dãy nhà lụp xụp vây quanh bãi xe đậu nhấp nháy những ánh đèn mù, bỗng như rùng mình vì tiếng khóc ré của một đứa trẻ bất chợt cất lên. Người đàn bà vẫn giữ nguyên dáng đứng, nhưng mặt nghiêng về một bên có vẻ nghe ngóng. Tiếng khóc của đứa trẻ càng như muốn cất lên cao, giãy giụa trong tấm màn đêm dày đặc. Cô gái nhổ một bãi nước miếng xuống đất, giọng có vẻ khó chịu:

— Gớm, con cái nhà ai mà khóc dữ !

Người đàn bà ngước mặt lên nhìn cô gái như muốn hỏi vừa nói gì. Cô gái không để ý, duỗi chân chà chiếc dép lên chỗ vừa nhổ nước miếng, tiếp:

— Chắc lại đói sữa.

Người đàn ông ngồi sau thùng xe bất ngờ góp chuyện:

— Đếch phải, tại làm dữ quá đè lên cả thằng bé.

Cô gái quay bật người lại rủa:

— Đồ nhảm! Tưởng ế, từ tối đến giờ ngủ rồi chứ.

Cô gái co hai chân bỏ qua mặt ghế, quay người đối diện với người đàn ông. Người đàn ông nhô đầu lên cười hềnh hệch:

— Có phải... đâu mà ế.

Cô gái cười hinh hích, thúc thúc mũi dép vào thùng xe làm ngọn đèn rung rinh muốn tắt. Người đàn ông gắt lên:

— Làm cái khỉ gì thế? Coi chừng tắt đèn.

Cô gái đáp ngay :

— Cho tắt. Đồ ăn nói tục tĩu.

Người đàn ông vặn lại :

— Chứ không thật sao? Ế đứng dồn cục, bị công an bắt lên trại cải tạo phơi khô cả đống.

Cô gái lại hinh hích cười, rủa thêm:

— Đồ chúa đểu...

Nhưng chợt nhớ ra, cô gái im bặt, rồi hỏi nghiêm chỉnh:

— Có đi cải tạo hả ?

Người đàn ông làm ra vẻ từng trải pha một chút chán chường:

— Sơ sơ ba năm.

Cô gái chồm người về phía trước ;

— Ở đâu ?

— Tiên lãnh !

Như chỉ chờ có thế, cô gái reo lên :

— Tôi cũng ở trên ấy !

Người đàn ông nhăn mặt, cao giọng :

— Sướng lắm hay sao mà la lớn vậy ?

Cô gái bẽn lẽn nhìn xuống đất. Người đàn ông hạ giọng, tiếp:

— Về năm nào ?

Cô gái chưa trả lời thì cả hai đều quay nhìn. Từ trong phòng bán vé một ông già quấn quanh cổ một chiếc khăn mặt vừa ngáp, vừa dụi mắt bước ra. Ông già đi sát vào mé tường, được vài bước đứng lại vén quần tiểu. Người đàn ông khịt khịt mũi nháy mắt với cô gái. Cô gái giả bộ làm lơ quay mặt nhìn ra đường. Người đàn bà từ nãy đến giờ vẫn đứng yên bỗng hỏi:

— Mấy giờ rồi ?

Người đàn ông giơ cánh tay đeo đồng hồ lên sát ngọn đèn xem giờ, đáp:

— Mười... giờ, ủa...

Người đàn ông nhổm người dậy lấy ngón tay khõ khõ lên mặt đồng hồ, rồi áp vào tai nghe. Khom khom một lát, người đàn ông ngồi xuống thở hắt ra, bực bội:

— Lại chết mẹ nó rồi !

Ông già quay trở vào đứng lại trong ánh đèn há miệng ngáp tiếp mấy cái. Người đàn ông lên tiếng hỏi:

— Ngủ không được hả bác ?

Ông già đưa tay lên gãi gãi trên đầu :

— Ối cha! Muỗi như đàn ong.

Người đàn ông gạ :

— Ngủ không được thì mua bánh mì ăn, bác.

Ông già đút hai tay vào lưng quần, bước tới trước ngần ngừ nhìn mấy cái bánh mì bày trên mặt thùng xe. Người đàn ông đứng dậy vồn vã bảo cô gái:

— Ngồi xích ra cho bác ngồi.

Cô gái nhích người ngồi ra quá nửa phần cái ghế. Ông già bước đến có vẻ ngần ngại ghé mông ngồi xuống sát đầu ghế. Người đàn ông liếc nhanh cô gái rồi cười cười có vẻ đùa cợt bảo ông già:

— Bác cứ ngồi tự nhiên.

Ông già ngượng nghịu như bị bắt quả tang điều gì, nhích người vào một chút rồi cầm lên một cái bánh mì bóp bóp. Ông già hỏi:

— Sao nó cứng thế này ?

Giọng người đàn ông liến thoắng đáp :

— Đâu có cứng bác. Bánh con mới lấy hồi chiều, không tin bác ăn thử một cái xem.

Ông già để cái bánh xuống lắc đầu :

— Tôi đau răng ăn đồ cứng không được.

Rồi như sợ một cái gì, ông già đứng phắt dậy:

— Thôi cám ơn.

Cô gái đưa tay lên bịt miệng cười. Ông già nhìn cô gái ngơ ngác rồi bước vào phòng bán vé. Cô gái bỏ tay cười thành tiếng, chế nhạo:

— Bánh một phần bột mì, ba bốn phần bột sắn, cứng như đá, mà mời ông già ăn. Đồ u ám.

Người đàn ông lườm cô gái, cúi đầu xuống khuất sau thùng xe không đáp lại. Tiếng cười nói của cô gái bỗng trơ ra nhạt nhẽo, rồi vụt biến mất trong màu đen tối đang đặc lại ở chung quanh. Người đàn bà ngồi xuống bên cạnh cô gái nói:

— Chắc cũng phải mười một giờ rồi.

Cô gái kêu lên :

— Làm gì đã khuya vậy.

— Mày không thấy sao? Người ta tắt đèn ngủ hết rồi.

Cô gái quay mặt nhìn lại phía sau. Dãy nhà vây quanh bến xe đã tắt hết đèn từ lúc nào. Mấy chiếc xe đậu trên khoảng đất trống chỉ còn nhìn thấy những hình thù lờ mờ. Cô gái thở dài có vẻ chán

nản, ưỡn ngực vặn vẹo rồi hỏi người đàn bà:

— Về chưa ?

Người đàn bà lắc đầu không đáp. Cô gái chồm người tới phía trước gõ gõ ngón tay vào thùng xe:

— Ngủ hả ?

Người đàn ông yên lặng không buồn ngước mặt lên. Cô gái tiếp:

— Ế, ngó thấy rầu rĩ. Thôi đêm nay về ngủ với em đi?

Người đàn ông bỗng gắt lên :

— Im đi con ngựa.

Cô gái bật lên tiếng cười khô khan:

— Dám, vợ nó xẻo tai.

Nói xong cô vươn vai đứng dậy:

— Chán quá, vào trong chợ kiếm cái gì ăn đã.

Cô gái bỏ đi ra ngoài kéo lê đôi dép lẹt xẹt trên mặt đường. Người đàn bà nhìn theo cô gái rồi co chân lên cúi đầu úp mặt vào đùi.

Cô gái bỏ đi được một lúc thì có tiếng chân người từ ngoài đường đi vào. Người đàn bà và người đàn ông đều ngước mặt lên nhìn ra. Người đi vào là một người đàn ông còn trẻ, đứng lại phía sau lưng người đàn bà có vẻ như đang đắn đo điều gì. Người đàn bà thấy khách còn trẻ e dè ngồi im, người đàn ông bán bánh mì tưởng khách mua bánh lên tiếng mời:

— Anh, ăn bánh ?

Khách đáp :

— Không.

Rồi nói tiếp, hình như hỏi người đàn bà :

— Liên tối nay không ra ?

Người đàn bà quay mặt ngước lên cười :

— Nó mới bỏ đi đâu đó.

Người khách lộ vẻ thất vọng bước trở ra con đường, nhưng đi được vài bước khách đứng lại trong bóng tối gọi lại:

— Này...

Người đàn bà vội đứng dậy bước nhanh ra chỗ khách. Người đàn ông bán bánh mì nghễnh cổ nhìn theo. Tiếng người khách và người đàn bà thì thầm nghe không rõ. Bên trong phòng bán vé tiếng sột soạt, chóp chép, làu bàu lại nổi lên. Người đàn ông đứng dậy nhìn quanh trong bóng đêm, thở dài nói một mình:

— Giờ này mà chưa thấy ra đẩy xe về !

Người khách trẻ theo người đàn bà đi vào con hẻm tối. Người đàn bà đang đi chợt đứng lại ngồi thụp xuống đưa tay mò tìm vật gì trên mặt đất. Người khách hỏi:

— Gì vậy ?

Người đàn bà vẫn đưa tay tìm kiếm đáp nhỏ:

— Hòn đá. Chỗ này bị sình, tìm mấy hòn đá đi cho khỏi bẩn chân.

— Còn xa không ?

— Gần đến rồi.

— Khiếp! Nhà gì như đi xuống âm ti địa ngục.

— Nói quá. Một quãng nữa là đến rồi.

Người khách ngập ngừng :

— Hay thôi vậy ?

Người đàn bà hoảng hốt đứng bật dậy choàng tay ôm lưng khách, nói như van lơn:

— Tội mà! Qua khỏi chỗ này là đến rồi.

Người khách gỡ tay người đàn bà ra, giọng miễn cưỡng:

— Vậy thì đi. Đứng đây lỡ gặp tụi du kích thì sao?

Người đàn bà cầm lấy tay người khách, ngồi xuống rờ rẫm. Một lát người đàn bà nói:

— Đây rồi. Bước theo cẩn thận nghe.

Qua khỏi chỗ sình, con hẻm bỗng hẹp hẳn lại. Đất ướt nhẹp bám chặt lấy dép. Những căn nhà thấp tẹt nấp mình trong bóng tối bỗng bất ngờ nhô ra cản lối đi. Không khí ẩm mốc nặng mùi. Người khách bước theo người đàn bà, cứ một lát lại ngước mặt lên hít thật đầy lớp không khí ở khoảng trống trên mái nhà. Mò mẫm một lát đến chỗ đất khô, không khí thoáng nhẹ, người đàn bà bước vào một mái hiên mở cánh cửa gỗ. Người đàn bà bước vào trong đứng nép bên cánh cửa, nói nhỏ:

— Vào đi.

Người khách bước nhanh vào nhà. Trong nhà mọi vật đều là một mầu xám bẩn, hiện ra trong ánh sáng của ngọn đèn dầu tù mù để ở một góc nhà. Những miếng ván gỗ thùng đóng ghép ngăn chia một phần gian nhà làm bếp tối om, một tấm màn cũ lủng mấy lỗ ở phía dưới kéo ngang một phần gian nhà còn lại để hở ra một đầu cái giường gỗ ở bên trong, hai chiếc ghế tựa châu đầu vào nhau để ở giữa khoảng trống, chung quanh là quần áo cũ vắt xô lệch cái thấp cái cao trên tường ván và những đồ vặt vãnh khác để bừa bộn dưới chân tường. Người đàn bà nhấc một cái ghế để sang một bên, mời khách:

— Ngồi đó đi.

Người khách vẫn đứng yên có vẻ không bằng lòng cảnh tượng trong gian nhà. Người đàn bà không để ý thái độ của khách, bước đến vén tấm màn. Bên trong, một bà cụ nằm co quắp ôm một đứa bé đang ngủ say trên giường. Người đàn bà cúi xuống lay vai bà cụ, gọi:

— Mẹ, mẹ...

Bà cụ choàng mở mắt quay mặt nhìn. Sau khi nhận ra cánh quen thuộc, bà cụ lật bật ngồi dậy bước xuống đất khom khom định bồng đứa bé lên thì người đàn bà đã bảo:

— Để con, mẹ cầm cái gối.

Người đàn bà luồn hai tay xuống dưới người đứa bé, bồng con lên nựng:

— Thằng chó này, ngoan lắm mà !

Bà cụ cầm cái gối khom khom bước qua mặt khách, đến một góc nhà lấy manh chiếu dựng ở đấy trải ra và bỏ chiếc gối xuống. Người đàn bà bồng con đặt xuống chiếu, vừa sửa chỗ nằm cho con vừa hỏi mẹ:

— Thằng Cu tối có khóc không mẹ ?

Bà cụ đáp lại bằng một giọng khàn đục run run:

— Nó khóc vật vã đòi ăn cơm mãi, tao phải dỗ dành, dọa dẫm đủ thứ mới chịu nín.

Bà cụ lắc lắc cái đầu nuốt những tiếng còn lại trong cuống họng như một giọng rên nhỏ. Người đàn bà ngước lên hỏi mẹ:

— Thằng Cu có ăn hết mấy cái bánh sắn không mẹ?

— Ăn được hơn một cái rồi không chịu ăn nữa...

Bà cụ chép miệng, tiếp :

— Ăn mãi nó cũng chán.

Người đàn bà vỗ vỗ tay vào đùi con nựng:

— Thằng chó này bữa nay sinh hư, để mai mẹ mua gạo nấu cơm cho con ăn.

Người đàn bà nói hết câu thở dài đứng dậy, bước đến đứng ép sát ngực vào khách nhỏ nhẹ bảo:

— Vào giường ngồi đi, anh.

Không đợi khách, người đàn bà bước đến nằm xuống giường. Người khách quay lại nhìn bà cụ đang ngồi quạt đuổi muỗi cho cháu ở góc nhà, rồi lưỡng lự bước vào. Người đàn bà bảo khách:

— Kéo tấm màn lại.

Người khách ngồi xuống bên thành giường đưa tay kéo tấm màn. Người đàn bà nhích người ra gối đầu lên đùi khách, một tay vòng ôm sau lưng. Người khách vẫn ngồi yên, nhướng mắt về phía bà cụ hỏi nhỏ:

— Mẹ, là sao ?

Người đàn bà hơi ngợ mặt ra , rồi cười:

— À, mẹ tôi đấy.

— Cha thằng bé đâu ?

— Biết là ai.

Người khách mở lớn đôi mắt nhìn người đàn bà. Người đàn bà hiểu ý cười lặng lẽ dụi má vào đùi khách, bàn tay ôm sau lưng

đập đập:

— Cũng như anh, xong đi mất biết là ai.

— Không chồng con gì ạ ?

— Có chứ sao không.

— Chồng đâu ?

— Cải tạo.

— Lính ? Bỏ luôn rồi hả ?

Người đàn bà trợn mắt ứ ứ trong miệng rồi đáp:

— Bỏ sao được. Tôi vẫn đi thăm anh ấy.

Đôi mắt người đàn bà bỗng khép lại, giọng nói vụt như xa xôi:

— Tôi như thế này là tại muốn kiếm tiền thăm nuôi anh ấy, nếu không mẹ con tôi...

Người khách cắt ngang :

— Ông ấy biết không ?

Người đàn bà mở mắt nhấc đầu ra một bên, đưa tay lên vít cổ khách xuống, giọng nũng nịu:

— Hỏi mãi, nằm xuống với em đi.

Người khách nằm vẹo một nửa người xuống theo sức níu của tay người đàn bà, hai chân vẫn để dưới đất. Nhưng rồi bất chợt người khách bật người dậy lộ hẳn vẻ kinh hải, lắng nghe. Bên ngoài, sát ngay bên tường ván có tiếng chân người thình thịch, tiếng người nói xầm xì và tiếng những đồ vật xê dịch va đụng lịch kịch trên mặt đất. Người đàn bà cũng nhỏm người dậy lắng tai nghe rồi nói nhỏ bên tai khách:

— Có gì đâu màsợ. Mấy người hàng xóm buôn xăng lậu đấy.

Người khách thở nhẹ vẻ mặt bớt kinh hãi, nhưng mắt vẫn bất động nhìn về phía trước nghe ngóng. Bên ngoài tiếng xầm xì nghe loáng thoáng:

— Bớt cho em...

— Năm đồng thôi..., lẹ lẹ lên, đậu xe lâu ngoài đó tụi nó nghi.

— Anh Ba cầm ra cho em..., trăm mốt, trăm hai..., bớt cho em mười đồng...

Bà cụ ở góc nhà chợt tằng hắng mấy tiếng rồi hỏi lại con:

— Mày để lọ dầu ở đâu Hường ?

— Làm gì vậy mẹ ?

— Tao thoa chỗ muỗi cắn thằng Cu.

— Mẹ không thấy đường đâu, để lát con thoa cho.

Tuy nói thế người đàn bà cũng đưa tay rờ rẫm trên đầu giường. Bà cụ lại tằng hắng trong cổ nhưng không nói gì. Bên ngoài mọi tiếng động đã im bặt. Người đàn bà mở mấy cái nút áo trên ngực. Người khách quay nhìn rồi cúi xuống mở dây giày. Người đàn bà vừa ngáp, vừa nói:

—Ở đây có nhiều khi họ lục đục cả đêm làm mình mất cả ngủ.

Người khách để nguyên quần áo nằm xuống giường. Người đàn bà áp vào người khách thầm thì:

— Quen với con Liên hả ?

— Không, chỉ biết.

— Có hay ra ngoài này không ?

— Ở đây chỗ nào mà chẳng đi.

— Không phải. Có hay gặp con Liên không?

— À..., chưa lần nào.

— Thế làm sao biết con Liên ?

— Thằng bạn làm chung cơ quan chỉ.

— Làm ở cơ quan nào ?

— Xí nghiệp gỗ.

— À này, bột cưa dạo này dễ mua không?

— Có phiếu thì dễ mua.

— Bột cưa mà cũng phải cần phiếu !

— Chứ sao. Không đủ cung cấp cho gia đình cán bộ nữa đấy.

— Tưởng dễ, định vào mua mấy bao về nấu cho đỡ tốn củi. Củi đắt lắm...

Người đàn bà chợt ngưng nói nhấc đầu lên khỏi chiếc gối nghiêng mặt nghe ngóng. Bên ngoài có tiếng chân người bước sát bên vách tường và ánh đèn pin quét qua quét lại lọt vào trong nhà, rồi tiếng một vật gì bị đẩy mạnh xuống đất, tiếp theo là những tiếng đập cửa thình thịch và tiếng gọi mở cửa. Người khách hốt hoảng bật người dậy xỏ chân vào đôi giày, lập cập hỏi người đàn bà:

— Cái gì vậy ?

Người đàn bà ngồi hẳn dậy, vừa cài lại nút áo vừa nói thầm bên tai khách:

— Không biết có chuyện gì, chờ thử xem.

Bên ngoài có tiếng súng đạn lên lạch cạch, tiếng đập cửa nghe mạnh hơn và giọng người gọi mở cửa như đang quát lên:

— Mở cửa, mở cửa... xét nhà.

Âm thanh của hai tiếng "xét nhà" đập vào tai người khách như có ma lực làm khách đứng bật dậy quên cả buộc dây giày, vén màn định bước ra ngoài. Người đàn bà vội quơ tay chộp vạt áo khách giữ lại:

— Đi đâu? Cứ ngồi yên, ra ngoài lúc này không được đâu.

Giọng người khách nghẹn lại trong cuống họng:

— Lỡ công an xét nhà thì sao ?

Người đàn bà không đáp lại, nghếch mặt lên lắng nghe. Bên ngoài có tiếng mở cửa, tiếng chủ nhà chào hỏi, rồi tiếng người lạ:

— Tôi là quản lý thị trường xét nhà anh vì tình nghi có đồ bất hợp pháp trong nhà...

Tiếp đấy là những tiếng dạ dạ cuống quýt, tiếng chân người xê dịch, tiếng va động lịch kịch của đồ đạc. Người đàn bà thở ra nhẹ nhõm, dụi má vào vai khách nói:

— Họ xét nhà bắt đồ lậu.

Người khách vẫn ngồi yên bất động, vẻ mặt chưa bớt căng thẳng. Bà cụ từ góc nhà bỗng lò dò bước lại vén tấm màn ló mặt vào thều thào nói với con:

— Vợ chồng thằng Ba chắc tối nay bị rồi.

Thấy mẹ xuất hiện bất ngờ người đàn bà đáp xẳng:

— Kệ họ, mẹ lại với cháu đi.

Bà cụ buông tấm màn xuống:

— Sao lâu vậy Hường ?

Người đàn bà không đáp lại mẹ, giục khách:

— Nằm xuống đi, xong cho rồi.

Người khách vẫn ngồi yên không hưởng ứng. Tiếng người trong căn nhà bên cạnh lọt rõ vào tai khách:

— Tổng cộng là 6 can và nửa phi. Bây giờ yêu cầu anh xuất trình giấy tờ chứng minh xăng này hợp pháp, nếu không, tôi làm biên bản dẫn anh về cơ quan ngay bây giờ.

Tiếng người chủ nhà dạ dạ, rồi một giọng ngọt lịm nhỏ dần:

— Mời anh lên nhà trên uống ly nước... vợ chồng em nói chuyện thông cảm...

Những tiếng tiếp theo rầm rì nghe không rõ. Người đàn bà lại giục khách:

— Nằm xuống đi khuya rồi đấy.

Người khách yên lặng cúi xuống buộc dây giày. Người đàn bà nhận ra, vội vùng dậy ôm chặt lấy khách, hỏi:

— Đi hả ?

Khách không đáp lại. Người đàn bà lắc mạnh người khách:

— Sao vậy ?

Người khách đứng dậy. Cánh tay người đàn bà tuột ra khỏi người khách. Người khách vung tay khoát tấm màn sang một bên, bất chợt khách chạm phải đôi mắt mờ đục của bà cụ từ góc nhà hướng về phía mình, khách vội rụt tay buông màn xuống. Người đàn bà thu chân lại gục mặt xuống đầu gối. Người khách lay nhẹ vai người đàn bà, ngập ngừng nói không hết câu:

— Lần sau...

Người đàn bà ngồi yên. Khách đi nhanh ra cửa kéo mạnh cái then, rồi đẩy cánh cửa bước ra. Người đàn bà bước xuống giường ra đóng lại cánh cửa, nói ra ngoài đêm tối:

— Rõ xui, gặp thứ ấm ớ!

Lê Tâm

Hồ Trường An

Mưa trên Lac de la Forêt d ' Orient

Nơi rừng phía đông vùng Champagne
Hồ lam quạnh quẽ
Cuộc nhàn du giữa tháng ngày mông mênh
Như dòng nhạc êm đềm buồn tẻ.

Với nước trời bàng bạc nắng cuối hè
Với buồm trắng căng phồng gió sớm
Tôi về thăm, lơ đãng lắng nghe
Lớp sóng vỗ bãi bùn tháng tám.

Từng mảng mây đen lớp lớp kéo về
Mặt hồ đổi sắc "tôn" xám bạc
Đất, Trời cùng thông cảm nỗi đê mê
Mùi hương rừng tuôn bay ngào ngạt.

Hỡi vịt nước, chim trời
Không gian khép vòm cao rộng
Rừng xao xuyến âm vang biển động
Gió cuồng si mang từ giông tố trùng khơi.

Tôi lắng nghe đất động tình vật vã
Cuộc hôn phối nhịp nhàng với bầu trời dồn nén khát khao
Còn tôi đó, châu thân rời rã
Trên những chặng đường đêm trắng lao đao.

Hỡi mưa sa, giọt nước gõ vào mui xe lộp độp
Đục mặt trời, nhoà cửa kính chung quanh
Không gian sau phút giây rợn ngợp
Rải trận ân tình xuống đất lịm mình.

Rồi nắng lên, rạng ngời lá cỏ
Buồm trắng về, thuyền nhẹ tếch ra khơi
Gió mỏng mảnh, từ đồng xa, viễn phố
Gọi hành trình lũ vịt nước, chim trời.

Tôi nhìn lại hồ xanh, trời thẳm
Hè trở về giấc mộng cũ ngoan lành
Trí óc sáng choang, ôi hè tươi thắm
Dệt trên dòng ký ức, nắng long lanh.

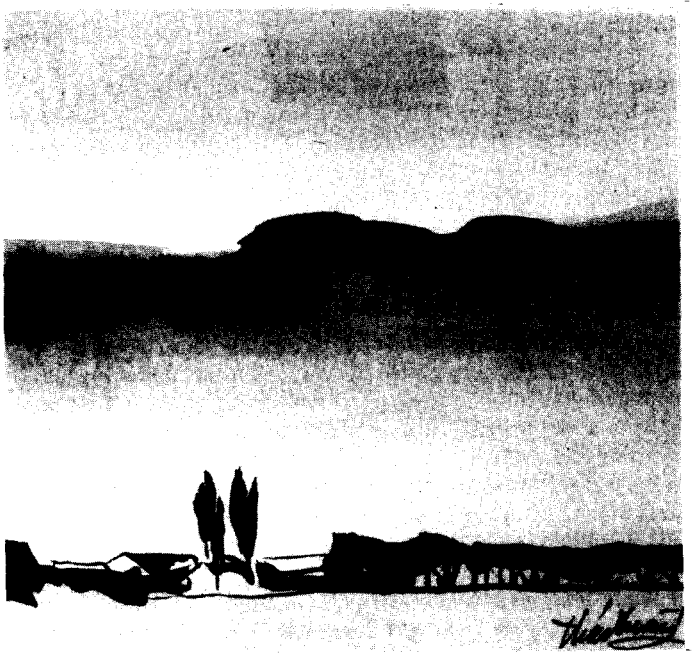

Bùi Bảo Trúc

Người con gái có móng tay son đỏ gắt.

Khỏi cổng trại chừng hơn hai trăm thước, trung sĩ Thà chạy chậm lại. Chiếc Honda chở hai người tấp vào phía lề đường. Trung sĩ Thà thò tay vặn chìa khóa tắt máy, gài số không, chiếc xe vẫn còn đà, chạy tiếp. Thà quẹo phải vào một con đường nhỏ. Ngay góc đường nhỏ và đường lớn tráng nhựa là một cái quán, tường mái đã xiêu vẹo. Quán bán giải khát, và hình như có một vài món nhậu nữa thì phải. Buổi trưa cuối năm trời nóng mặt đường nhựa chảy ra, dính quánh vào bánh xe. Con đường đất xuôi thoải xuống, qua một xe sinh tố, Thà quẹo trái vào sân một căn nhà gỗ. Tôi xuống xe, Thà dựng chiếc Honda, khóa xe rồi quay lại nheo mắt:

— Em dẫn ông thầy tới chỗ này quen, giới thiệu ông thầy với chị Chín luôn. Chỗ này tốt lắm, lần sau tới là chị Chín nhớ ông thầy liền.

Tôi sửa lại quân phục, một cử chỉ tôi thấy bỗng thừa thãi. Cử chỉ đã quen từ sau những buổi học đầu tiên ở quân trường. Qua khoảng sân lát xi măng có cái giếng nhỏ, chúng tôi bước vào nhà. Trong nhà tối om, phải vài giây sau tôi mới quen với ánh sáng lờ mờ trong nhà. Một bộ ghế đan bằng sợi ni lông, bốn chiếc lỏng chỏng. Chiếc bàn bằng thùng đạn, trên còn một chai xá xị. Đằng sau là một chiếc tủ chè đựng một bộ tách uống trà. Trên tường là mấy bức phụ trang nhật báo, dán lên vội vã, không đóng khung, lộng kiếng chi cả. Có một bức ảnh bán thân tô mầu treo ngay cạnh một chiếc bàn thờ nhỏ. Hình một người đàn bà, tuổi chừng chưa tới ba mươi. Người trong bức ảnh tay cầm một cành hoa lay-ơn gác trên vai, miệng cười nhìn ngước lên trên trần nhà. Bức ảnh có

lẽ cũng phải được chụp từ hàng chục năm trước. Mười mấy năm trước, người ta mới chụp những bức hình kiểu kỳ cục như thế. Thà mở nắp túi lấy bao thuốc quân tiếp vụ, đưa về phía tôi:

— Hút điếu chơi ông thầy.

Tôi không hút, đẩy bao thuốc trở lại. Một mùi tanh, ẩm mốc bỗng tràn vào căn phòng. Tôi thấy cửa sau mở, có tiếng chân người đi vào. Chiếc mành trúc xao động, một người đàn bà thò đầu ngó chúng tôi. Thà kêu lớn:

— Chị Chín. Tui dẫn ông thiếu úy tới chơi. Ổng mới ra trường vừa tới đây. Bữa nay có em nào ngộ không chị Chín. Kiếm cho ông thầy tui một em mới mới nghe chị.

Người đàn bà gật đầu chào. Tôi nhận ra đó là người trong bức hình treo trên tường. Có lẽ tôi đoán trúng, bức hình đã phải trên mười năm. Người đàn bà tên Chín trông đã ngoài bốn mươi, những nét khắc khổ trên khuôn mặt chỉ làm tăng thêm những nét giang hồ sẵn có. Người đàn bà mặc áo hoa có lấm chấm những nụ vàng xếp lại mấy chiếc ghế cho ngay ngắn, đoạn quay về phía chúng tôi:

— Mấy thầy uống gì? Một người hay hai người?

Thà nhanh nhẹn :

— Chị có gì uống? Có 33 thôi hay có bia Mỹ nữa?

Người đàn bà đáp :

— Có mấy lon Mi-Lơ thằng chồng mụ Sáu vừa đem tới hồi hôm.

— Rồi, cho hai lon Mi-Lơ. Có tui nữa chớ chị. Lâu quá rồi mà. Tội nghiệp thằng nhỏ.

Thà cười ngặt nghẽo, thích thú vì câu pha trò của hắn. Chị Chín quay vào nhà trong, nói khẽ:

— Đồ quỉ. Xin lỗi ông thiếu úy nghe. Thằng cha ăn nói thấy ghê luôn.

Tôi ngồi dựa lưng vào ghế, Thà châm thuốc, lơ đãng nhìn theo khói thuốc. Tôi đá chân vào chiếc bàn gỗ:

— Này cậu, đừng có gọi tôi là thiếu úy nghe. Ông thiếu úy Út trong đồn mà biết là tôi phiền lắm đó. Cho tôi sống với chứ. Cậu cứ kêu tôi là thiếu úy thế nào cũng có ngày tôi được truy thăng cố thiếu úy đó nghe.

Người đàn bà tên Chín trở lại. Hai lon bia lạnh được đặt lên bàn. Những giọt nước chảy ngoằn ngoèo trên thành. Chị Chín lại bước vào trong. Chị nói lại:

— Chút xíu tụi nó tới.

Chúng tôi ngồi uống bia được chừng một hai phút thì có tiếng động ngoài cửa. Có bóng người đi vào. Thà ngó lên, hắn đứng dậy, bước về phía người mới vào. Tôi không thấy rõ mặt vì người con

gái đứng xoay lưng về phía tôi. Cô ta đội một cái nón lá, đội nguyên vào trong nhà. Thà giọng có vẻ mừng rỡ:

— Ủa Nga, còn ở đây sao. Tưởng em về quê ăn tết rồi chớ.

Người con gái nói lí nhí gì nghe không rõ. Thà quay lại phía tôi, quăng xâu chìa khóa lại phía trước chỗ tôi ngồi:

— Ông thầy ngồi chờ chút xíu nghe. Em quen cô này. Cần gì cứ lấy xe em chạy nghe thiếu úy.

Người con gái vẫn không quay về phía tôi. Cô ta đi thẳng vào nhà trong. Thà đi theo. Chiếc màn trúc lay động. Có tiếng cửa mở ra phía sau. Rồi có tiếng Thà hát vọng ra *"... nàng nay là nữ cứu thương nơi chiến... chườn... tôi ở ngoại ô, một căn nhà nhỏ có hoa thơm trái hiền... có cô bạn quen..."* Rồi bỗng tiếng hát im bặt. Có tiếng cửa khép lại...

Tôi ngồi uống gần hết lon bia Miller mới thấy có tiếng người bước vào bằng cửa trước. Tôi quay lại nhìn. Người mới vào là một phụ nữ khoảng chừng non ngoài hai mươi. Mái tóc ngắn như vừa mới uốn xong. Chiếc áo bà ba bằng vải hoa và chiếc quần lãnh ống may chật. Cô ta hỏi:

— Chị Chín có đây không?

Tôi đáp không. Cô ta nói chị Chín kêu và vừa định quay đi ra thì tôi đứng dậy:

— Đợi chút, chị vô tới bây giờ.

Cô ta ngồi xuống một chiếc ghế đan. Tôi lúc đó mới có thì giờ quan sát kỹ hơn. Cô ta trông không có vẻ gì là từng trải hay đã làm nghề này lâu. Cô có một hàm răng đẹp, những chân răng trắng và đều. Bàn tay có những ngón hơi thô, móng cắt ngắn, sơn mầu đỏ gắt. Cô ta có bộ ngực thật đẹp, nhấp nhô theo mỗi nhịp thở. Chiếc mành trúc xao động. Chị Chín ở trong nhà bước ra. Cô gái ngước lên. Chị Chín nói:

— Tới lâu chưa Thảo? Ông thiếu úy này đó...

Rồi chị lại quay về phía nhà sau. Thảo, cô gái mới vào, đứng dậy. Cô đi vào phía trong nhà. Tôi đứng dậy bước theo. Phía trong nhà chia ra thành hai ba phòng nhỏ. Những tấm ván gỗ đóng tạm, chỉ quây vừa lấy một chiếc giường. Trần nhà đầy mạng nhện. Lớp lá lợp thủng lỗ chỗ trông thấy trời nắng bên ngoài. Thảo đứng trước một chiếc cửa, nàng đẩy nhẹ, chiếc cửa mở vào phía trong.

— Phòng này anh.

Tôi bước vào trước. Căn phòng chỉ có một ngọn nến nhỏ thắp ở đầu giường. Chiếc nệm xô lệch vẫn còn nguyên dấu vết của một thân thể vừa nằm trước đó. Một mùi ngai ngái của mốc thoảng bay lên. Giây sau, Thảo trở lại, bưng theo một chậu nước, vắt chiếc khăn lên chiếc đinh trên tường gần ngọn nến.

— Anh mới tới đây hả?

Tôi ngạc nhiên :

— Sao biết ?

— Chị Chín nói. Tới đây lần nào chưa ?

— Chưa. Sao ?

— Hổng sao hết.

Thảo bắt đầu cởi áo. Tôi tháo dây ba trạc vắt lên thành ghế. Ngày mai là Tết, tôi thuộc thành phần ứng chiến, không được đi phép vì mới được bổ sung. Có lệnh cấm trại năm mươi phần trăm. May nhờ có trung sĩ Thà, tôi mới nhẩy dù ra, đi chơi được hôm nay. Đây là lần đầu tiên tôi tới đây kể từ khi đến trình diện. Buổi trưa ngồi buồn đọc sách thì trung sĩ Thà đi ngang rủ tôi xả xui. Hắn thích nghe tôi kể chuyện Sài Gòn, chuyện đời dậy học của tôi. Hắn chưa có vợ con, ở trong quân đội đã bốn năm. Rất khôn ngoan và cũng nhờ đó, tôi mới đi theo được hắn ra ngoài. Đời sống của hắn thật giản dị. Chờ tới kỳ lương, trả tiền ăn uống, thuốc lá, còn lại, hắn tiêu hết cho mấy ổ điếm ở chung quanh trại.

Thảo vắt chiếc áo bà ba lên cạnh dây ba trạc của tôi bên thành ghế. Tôi kéo cô gái lại. Đã hơn hai tháng tôi không được ôm một người đàn bà trong tay. Lần từ giã Yến ra đơn vị, chúng tôi chỉ hôn nhau được một cái trước khi ông anh Yến bấm còi xe giục chúng tôi ra xe. Lưng cô gái mát lạnh, mềm mại chẩy xuống lưng chiếc quần lãnh mượt bóng. Thảo ôm lấy cổ tôi. Mồ hôi tôi rịn ra trong lớp áo treillis, chiếc thẻ bài dính lấy ngực. Mùi dầu dừa ở tóc Thảo bốc ra. Ở một lúc khác hay một nơi khác, chắc mùi dầu đã làm tôi buồn nôn. Nhưng trong buổi trưa nắng, bên trong một căn phòng tối, chiếc lưng trắng, tiếng hơi thở dồn dập, chiếc quần lãnh mướt, một người lính xa nhà gần hai tháng, xa những mùi vị, những cảm giác, những xúc giác thân thuộc của cơ thể một người đàn bà son phấn đắt tiền ở Sài Gòn, thì mùi dầu dừa trong tóc của một người phụ nữ cũng có những cái hấp dẫn của nó. Tôi cúi xuống nhìn. Đôi vai nhỏ mềm, hai sợi dây của chiếc soutien nằm vắt ngang qua vai. Tôi vòng tay ra đằng sau, cởi cái móc. Thảo đỡ lấy chiếc soutien, nhoài người treo lên thành ghế. Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn nến thắp trên đầu giường, tôi đọc thấy rõ những chữ Lou, Made in France, Paris. Thật lạ lùng. Tại sao ở một nơi như căn phòng này, trong một xóm nghèo xác xơ của Hậu giang miền Nam, lại có một món đồ lót đắt tiền, kiểu cách như thế? Tôi nhìn lại khuôn mặt của Thảo. Không, khuôn mặt này không thể là khuôn mặt của một người bước vào một tiệm nouveautés ở Passage Eden Sài Gòn để hỏi mua một chiếc soutien Lou. Mà nếu chuyện đó xẩy ra được thì phải bao nhiêu "dù" mới kiếm đủ tiền để mua một món xa xỉ như vậy? Thảo nằm xuống bên cạnh, tôi hỏi:

— Em mua cái này ở đâu vậy?

Tôi chỉ tay vào thành ghế. Hiền đáp:

— Người bạn gái cho.

Câu trả lời vẫn không làm tôi thỏa mãn. Người bạn gái nào của một cô gái làm nghề của Thảo lại có thể tặng bạn một món quà sang như thế? Món quà đó đắt gấp hai lần lương tháng chuẩn úy mới ra trường như tôi... Tôi cầm tay Thảo. Tôi bỗng ngạc nhiên khi thấy ngón tay trỏ của nàng bên tay phải nhám và chai cứng...

Khi tôi bước ra nhà ngoài, thì trung sĩ Thà cũng đã ngồi ở ghế, trước mặt là hai lon bia Miller khác. Thà cười cười:

— Ngồi chơi ông thầy. "Đặng" không? Có bằng em út ở Sài Gòn không?

Tôi gật đầu :

— Tốt lắm. Thế nào cũng trở lại đây đều đều.

Chiếc mành trúc lại lay động. Thảo đi ra thật nhanh, cười nhẹ với tôi. Trung sĩ Thà nâng lon bia uống một hơi.

*
* *

Khoảng quá nửa đêm, Việt cộng bắt đầu tấn công. Tôi đang ngủ thì một trái 62 ly rót vào giữa sân trại. Tôi quơ tay lấy chiếc mũ sắt đội lên đầu. Đèn đóm tắt hết. Cối 62 ly tiếp tục rót. Binh sĩ trong đồn nhốn nháo. Không ai chờ đợi một chuyện như thế. Mấy hôm trước Tết, tình báo không ghi nhận bất cứ một hoạt động đặc biệt nào của địch. Nửa số binh sĩ trong đồn được xả trại về ăn Tết ở nhà. Chỉ có những lính mới như tôi mới phải ở lại ứng chiến. Tôi khoác khẩu M-16 lên vai, đeo băng đạn lên vai trái, thò tay vào dưới gầm ghế bố lấy chiếc áo giáp ra. Tôi bỗng ngửi thoáng thấy mùi dầu dừa ở vai áo mình. Tôi mỉm cười nghĩ một mình: nếu tối nay có hy sinh vì tổ quốc thì cũng vẫn còn hên hơn nhiều người khác, vì buổi trưa vừa xả xui xong. Tôi nghe tiếng thiếu úy Út. Ông gọi tôi:

— Ông chuẩn úy mới đâu rồi? Ông lên ổ đại liên phía cửa nghe ông.

Tôi đáp nhanh:

— Tuân lệnh thiếu úy.

Bỗng tôi thấy có bàn tay đặt lên vai. Tôi nhận ra Thà. Hắn đưa tôi bốn quả lựu đạn:

— Cầm chơi ông thầy. Chúng nó biển người tới chân thì hãy chơi lựu đạn.

Chúng tôi chạy về phía cổng. Đạn rít trên đầu. Những trái tracer vẽ những đường lửa đỏ rực trong đêm đen. Tôi vấp phải một bao cát nằm giữa đường suýt ngã chúi xuống. Chạy khoảng ba bốn chục bước thì tới chân cầu thang dẫn lên vọng gác có trí khẩu đại liên. Khẩu M-60 có hai người, xạ thủ là hạ sĩ Bi và binh nhất Thiệt.

Thiệt ngồi đỡ dây đạn, hạ sĩ Bi tay đặt trên cò súng. Trông họ không có vẻ gì khẩn trương cả. Tôi ngồi bệt xuống bên cạnh hai người, thở hào hển. Đoạn đường từ căn nhà tôn ra tới ổ đại liên chỉ chừng hơn hai chục thước mà tôi tưởng như dài lắm. Tôi nhớ tới bốn quả lựu đạn, khẩu M-16, bandolier với mười gắp đạn, chiếc mũ sắt và cái áo giáp, đó là chưa kể đôi giầy saut. Bằng ấy thứ cũng thừa sức làm tôi mệt lử. Tôi tháo bandolier, gác khẩu M-16 lên vách, lấy một băn đạn, tống vào và lên đạn. Hạ sĩ Bi quay lại, hỏi qua một hơi thuốc:

— Đụng lần đầu phải không chuẩn úy?

— Ừ.

— Tụi này thì đều đều. Lâu ngày không đụng về ngủ với vợ hết thấy ngon.

Chúng tôi cười. Nỗi lo sợ bỗng tiêu tan. Vẫn chưa thấy có tiếng súng nhỏ, chỉ mới có pháo 62 ly và vài quả 82. Đất cát tung lên tứ phía. Ánh lửa lân tinh loé lên soi sáng rực sân trại mỗi lần một trái đạn rơi xuống phát nổ. Mới là tiền pháo, bao giờ tới hậu xung đây? Tôi vừa nghĩ tới bài học ở quân trường thì ở phía Tây, phía trước cổng trại, bên kia đường, qua khỏi chỗ nghĩa địa, gần chỗ buổi trưa trung sĩ Thà và tôi tới bắt đầu có tiếng súng nhỏ. Trung liên nổi, đại liên mười hai ly bẩy, AK bắn xối xả. Súng cối vẫn rót đều. Trong đồn có người bắn hỏa châu lên trời. Những tiếng vút vút, rồi đốm lửa trên cao lờ lững rơi xuống chầm chậm. Cả một khu trước trại sáng lên, lập lòe vàng ệch ma quái. Những bụi cây ở phía bên kia nghĩa địa chuyển động mỗi lần ánh châu tắt, và khi một quả châu mới sáng lên, thì những bụi cây lại nằm ở một vị trí mới. Tôi nâng khẩu M-16 lên vai. Hạ sĩ Bi nói:

— Còn xa lắm chuẩn úy, bắn bây giờ tụi nó ngứa, gãi tội lắm....

Bỗng một tiếng nổ kinh hồn phát ra ở phía trái. Một quả bích kích pháo rớt ngay cạnh đống bao cát bên ngoài ụ đại liên. Mấy tiếng chửi thề tục tĩu ở phía dưới. Rồi bỗng đạn súng nhỏ nổ ròn hơn, những bụi cây di chuyển hồi nẫy cũng lóe sáng, đạn réo bên tai. Khẩu đại liên bên cạnh nổ chát chúa. Tôi bắn nguyên một băng vào phía trước. Trung sĩ Thà đập tay tôi:

— Từ từ thôi thiếu úy. Hết đạn bây giờ... Thiếu úy thấy có gì không? Em Thảo hỏi thăm thiếu úy đó. Tui thấy đạn từ phía đó bắn ra không à.

Quả đúng như Trung sĩ Thà nói, phía xóm lóe lên những tia chớp, đường đạn chạy vút từ phía những căn nhà hồi chiều tới phía chúng tôi. Tôi không nhớ đã thấy bất cứ một dấu vết gì khác thường ở khu nhà đó. Khu nhà chúng tôi tới cũng giống hệt như những khu gia binh, những xóm nghèo, những khu nhà lụp xụp

gần những đồn bót nhỏ. Dăm ba cửa tiệm, một hai quán nhậu, hai ba ổ điếm. Không lẽ những người ở đó đêm nay lại nổ súng vào chúng tôi dữ dội như vậy. Khi địch bắt đầu xung phong thì cũng là lúc chúng tôi nghe thấy tiếng ì ì xa vắng vọng lại. Không phải trực thăng, mà cũng không phải khu trục. Rõ là tiếng "gunship C-47 puff the magic dragon". Khẩu đại liên bên cạnh, các thứ súng nhỏ, M-79, cối trong đồn bắn ra điên cuồng. Những xác người đổ xuống bên ngoài, bên trong trại. Chiếc C-47 đã hiện ra rõ. Hỏa châu được thả ra, rọi sáng hẳn một vùng. Khu nghĩa địa bị súng trong đồn bắn ra cầy nát, xác người mới chết và xác người trong quan tài, dưới mộ bị bật lên nằm cạnh nhau. Chiếc gunship đảo một vòng như định lại thế để bắn. Thế rồi từ một bên cánh phía tay phải, một bức tường lửa đổ xuống. Những khẩu Gartling phun ra 6000 viên đạn một giây như vãi một dòng sông lửa xuống phía dưới. Chiếc C-47 vòng trở lại, nghiêng cánh trái xuống, và những họng minigun lại trút xuống một bức tường lửa của những viên tracer xuống nghĩa địa. Dưới đất, những thây người nẩy tung lên như những con búp bê nhỏ xíu. Chiếc gunship vòng lại một lần thứ ba nữa, lầm lũi, thảnh thơi trút sự chết chóc xuống một lần nữa rồi mới đi, khác hẳn những phi vụ khu trục lúc nào cũng vội vã, nóng nẩy, hay những trực thăng UH-1D xẹt xẹt ào xuống rồi lại bốc lên ngay.

Súng nhỏ tiếp tục nổ thêm chừng một tiếng đồng hồ nữa, thưa thớt rồi bặt hẳn. Trời lúc đó cũng gần sáng. Ban quân y bận rộn lo băng bó cho những người bị thương. Tôi bị một mảnh đá vụn văng vào mí mắt bên phải. Vết thương không nặng lắm mặc dù có chẩy nhiều máu. Trong đồn có hai nghĩa quân chết, khoảng hơn chục người bị thương, vũ khí được bảo toàn...

*
* *

Khoảng 6 giờ sáng, chúng tôi được lệnh lục soát khu nhà ở mé bên kia nghĩa địa. Chúng tôi đi theo hàng một men theo đường lớn. Phía bên trái là nghĩa địa. Những cành cây địch dùng để ngụy trang buổi tối hôm trước nằm vương vãi khắp nơi. Những chiếc lá đã bắt đầu héo trong ánh nắng buổi sáng mai. Một số những ngôi mộ xây bị bắn nát. Vài chiếc quan tài bị đạn cầy lên, tung nắp. Xác địch la liệt, nằm chết đủ kiểu. Những mớ tóc còn phất phơ bay trong những cơn gió sớm. Họ mặc đủ mọi loại quần áo. Một số mặc đồng phục chính qui, một số mặc bà ba đen, vài người chỉ mặc quần cụt. Máu đã đông lại, quyện lấy bùn đất. Những đôi mắt mở trợn trừng, những cánh tay giơ lên, những cái chân như còn muốn vùng lên để chạy. Cách lối quẹo vào xóm chừng gần một trăm thước thì bỗng ở phía trước mặt có súng bắn ra. Mới đầu là một

quả B-40 bay xẹt qua đầu chúng tôi, rơi xuống phía sau chiếc xe jeep của đại úy trưởng đồn. Kế đó là AK quét dọc trên mặt lộ. Chúng tôi lăn xuống vệ đường tìm chỗ núp. Rồi hai ba quả B-40 khác bắn tới. Khẩu M-60 trên xe jeep bắt đầu nổ. Hai người lính được đại liên bắn che, đứng dậy bắn liên tiếp gần một chục quả M-79 vào chiếc quán nhỏ, nơi xuất phát của những quả B-40 trước đó. Chúng tôi nhoài lên, nổ súng về phía xóm nhà. Đạn ở trong xóm bắn ra, ở ngoài bắn vào. Tôi bỗng nghĩ tới Thảo. Cô ta ở đâu trong những giờ phút như tối hôm qua, và trong lúc này? Tôi nhớ tới Nga, đáng lẽ cô ta phải về quê ăn Tết. Tại sao lại kẹt ở đây giữa chốn binh lửa này? Nếu buổi trưa hôm qua tôi không theo trung sĩ Thà xuống xóm này thì liệu giờ đây, ngón tay trên cò súng của tôi có nhẹ nhàng hơn bây giờ không?

Trận đánh kết thúc nhanh chóng. Chỉ khoảng 15 phút sau, súng đã dứt. Chúng tôi tiếp tục di chuyển từ từ về phía khu nhà. Chiếc xe jeep đi đầu, xạ thủ đại liên sẵn sàng nhả đạn. Những người lính đi đằng trước tôi đã tới được cái quán nhỏ. Cái quán bây giờ chẳng còn gì. Mái đã sập xuống. Tấm bảng thiếc kẻ tên quán chỉ còn được ghim lại trên chiếc cột bằng một cái đinh, đồ đạc trong quán đổ vung vãi ra đằng trước. Không có một chỗ nào trên mặt tiền không lỗ chỗ những vết đạn. Đằng sau, khói còn bốc lên, hình như do những quả đạn M-79 hồi nẫy bắn vào.

Khi tôi tới nơi, thì những người lính đến trước đã vào bên trong quán lôi ra hai cái xác. Hai cái xác mặc quần áo đen. Một người lính cúi xuống, một tay cầm súng, một tay lục soát cái xác mặc quần cụt. Trong túi áo có một số giấy tờ rơi ra. Tôi tiến vào qua đám người trong xóm hiếu kỳ vây xem. Máu trong người của cái xác mặc quần cụt vẫn tiếp tục chẩy ra, ngoằn ngoèo loang ra phía bậc vào bằng xi măng. Hai người lính khác thì lục soát cái xác kia. Bỗng một trong hai người kêu lên:

— Lính cái Việt cộng nè chuẩn úy.

Một người kéo chân cái xác ra phía ngoài. Người chết mặc áo bà ba đen, quần đen. Trên người còn đeo hai quả đạn B-40. Chiếc mũ vải che một nửa khuôn mặt xám ngoét. Mái tóc ngắn. Một dòng máu đỏ tươi ứa ra từ màng tang bên trái. Máu tiếp tục chẩy ra. Chắc người này mới chết trong trận đánh hồi sáng. Tôi chống báng súng, quì một chân xuống. Tôi thò tay gạt chiếc mũ vải sang một bên. Tôi sựng lại. Khuôn mặt không còn nguyên vẹn. Hơn một nửa từ mũi trở lên bị phá mất, chỉ còn một đống óc máu me bầy nhầy. Tôi nhìn đôi tay, một tay kẹp dưới lưng khi những người lính kéo cái xác ra. Tay kia nằm hờ hững trên mặt đất. Nổi bật trên những viên gạch bông là những ngón tay trắng, móng tô đỏ, mầu đỏ gắt. Tôi thò tay cầm lấy ngón tay trỏ bàn tay phải. Làn

da phía bụng của đốt thứ hai tấy lên, khô cứng. Đúng là bàn tay buổi trưa hôm trước tôi đã nắm. Ngón tay trỏ có chai chỉ có thể có được trên những bàn tay cầm súng. Người lính lục soát tiếp tử thi. Tôi thấy hình như xác còn ấm. Một khoảng bụng trắng hiện ra khi người lính thò tay lục chiếc túi áo bên kia. Một chiếc cúc áo bị đứt. Tôi định tâm tìm thử dấu vết cuối cùng. Qua lần gấp của một bên áo, là chiếc soutien mầu da người. Chiếc soutien LOU viền đăng ten trắng nhạt. Bộ ngực người chết bất động. Không còn nhấp nhô theo nhịp thở như trong buổi trưa hôm trước. Tôi cảm thấy chóng mặt. Tôi đứng dậy, rẽ đám đông đang vây quanh hai xác chết. Trời sáng, trong và xanh cao. Tôi thấy hai tai lùng bùng. Tôi bước ra phía cột đèn, ngồi xuống, mệt mỏi vô cùng.

Tôi thèm một điếu thuốc để dằn cơn buồn ói xuống. Như thế là đúng hai mươi tiếng đồng hồ. Kể từ trưa hôm trước tới tám giờ sáng hôm nay. Hai cái xác giờ đây chỉ cách nhau có chừng sáu thước mà tưởng như vạn dặm. Một cái xác là tôi, đờ đẫn ngồi dưới chân cột đèn, khẩu M-16 nằm ngang trên lòng. Đôi giầy bê bết bụi đường. Và một cái xác nằm chết ở cửa quán. Trong bộ áo treillis tôi đang mặc vẫn còn dấu vết của những ngón tay có móng sơn mầu đỏ gắt. Trên người của cái xác nằm kia có thể cũng còn dấu vết của bàn tay tôi. Nếu không có cái soutien LOU, chắc tôi chẳng thể nào nhận ra tông tích, nếu gọi đó là tông tích của người chết.

Tôi cúi xuống cổ áo mình. Thoảng đâu đây còn mùi dầu dừa nhè nhẹ.

Bùi Bảo Trúc

BÀI SẼ ĐĂNG TRÊN SỐ SAU :

* Những bài thơ mới nhất của Viên Linh.
* Phổ hệ và chế độ nội hôn của họ Trần, nghiên cứu sử của Tạ Chí Đại Trường.
* Nhân một vài hiện tượng văn học mới , của Phố Tịnh.
* Vấn đề giải phóng phụ nữ trong văn chương nữ giới, của Hàn Song Tường.
* Về vấn đề dịch thơ, của Đoàn Xuân Kiên.
* Đọc "Cậu bé và Hoa mai" của Đào Trường Phúc.
* Đọc "Cỏ Biếc ", của Đào Huy Đán.
* Văn Học phỏng vấn nhóm Xác Định.
* Văn Học phỏng vấn nhà văn Tưởng Năng Tiến.
* Tạp ghi về thơ , của Ngu Yên.

Chưa kể một số thơ, truyện Văn Học sẽ xin thông báo cho các tác giả bằng thư riêng.

Hạ Quốc Huy

Thư gửi người học trò đã đi xa

Gửi em người học trò đã xa thầy thật sự
Bằng những đoạn đường mà em đã đi
Phút nào quên, xin em đừng nhớ
Thoáng nào nhớ, thôi em hãy quên
Cũng như thầy khi muốn quên là bởi vì rất nhớ
Chắc hẳn suốt đời thầy lẫn lộn nhớ quên.

Đỏ hoà xanh thành màu tím
Tím pha trắng hoá đồi sim
Những đồi sim ngày xưa thầy đưa em đi vẽ cảnh
Gió bây giờ đâu còn lộng tóc người bay !

Mỗi thời gian đều làm nên cuộc sống
Riêng và chung thì cũng của thời gian
Nên nhỏ bé - Rất chi là nhỏ bé
Cho thầy nhìn một chút phía em sang.

Chim xa rừng thương cây nhớ cội
Xa quê rồi em có tội cho quê
Bên kia đại dương lúc nhớ. Nhìn về
Em có hỏi sao bây giờ mình hai tổ quốc?

Đường em đi xa tít dặm trường. Từ đó
Có bao giờ em lệ nhỏ
Khóc những gì mất mát của tuổi thơ.

Nơi xa quá chắc không bao giờ đến được
Bởi những truông, những núi, những đồi
Cái cách xa đã trở thành xa cách
Thôi thì đành nhìn nước cuốn tình trôi.

Những điều chưa đến rồi sẽ đến
Những điều còn lại sợ mất thêm
Nên rừng đêm đêm cố nghe lời biển vọng
Và thì thầm thầy gọi nhỏ tên em.

Đớn đau một thời em đi để lại
Kỷ niệm một đời ở lại em đi
Con chim sâu côi cút bên rừng đứng lặng
Ôm tim mình khóc kỷ niệm thân yêu.

Trại Hiệp Đức, 1986.

Văn Học

Đàm thoại với Nhóm Thế Hệ ở Houston, Texas.

*T*rong mục tiêu tìm bắc một nhịp cầu giữa những người cầm bút lớp trước với những người cầm bút trẻ hiện đang học và sinh hoạt tại các đại học Hoa kỳ, Văn Học tìm gặp và đàm thoại với các nhóm bạn trẻ lâu nay tha thiết đến việc sáng tác và làm báo. Nhóm bạn trẻ đầu tiên Văn Học tìm đến là Nhóm Thế Hệ ở Houston.

THẾ HỆ là nguyệt san do một nhóm sinh viên ở lứa tuổi trên 20 tại thành phố Houston tiểu bang Texas Hoa Kỳ chủ trương, số 1 ra mắt vào dịp Tết Bính Dần 1986.

Trên số ra mắt, Thế Hệ có giới thiệu thành phần chủ trương gồm có: Trần Quang (đại diện nhóm chủ trương), Ngọc Thanh (chủ biên), Nguyễn Thiện (thư ký tòa soạn), Lương Sơn Huỳnh (quản lý) và một ban biên tập gồm: Trọng Kim, Nguyễn Thụy Du, Mimi, Lê đức Huy, Bà Ba Sa đéc, Lê thị Vân Anh, Mạc, Mất Thủ, Quốc Đạt, Nguyễn Hữu Hải Mạnh, Quốc Sinh, Trằng quang Trí, Lê thị Vân Nga, Nguyễn Phương, Du Thiên, T.P.T.,Nguyễn văn Hưng, Tử An, Đông Nghị HKH, Di Thảo, Quốc Sinh, Đỗ hoàng Thanh, Cẩm Thi, Mán Thuận, Vũ Hoàng Anh, Hải Âu, Hoàng Hạc, Nguyễn công Huân.

Tuy nhóm chủ trương cố gắng thực hiện đều đặn mỗi tháng một số Thế Hệ, nhưng vì nhiều lý do, như những cây bút nòng cốt của Thế Hệ bận học hành hoặc tài chánh của tờ báo không được như ý, nên việc phát hành gặp phải tình trạng thất thường. Số cuối cùng đã phát hành là số 6 ra vào tháng 12/86 và số Tết & Tân Niên 1987 tuy đã chuẩn bị xong nhưng phát hành chậm hơn dự tính.

Trong một năm làm việc, thành phần nhân sự của Thế Hệ có nhiều thay đổi. Cuộc đàm thoại được xếp đặt hơi bất ngờ, nên trong cuộc gặp gỡ tại nhà cô Nguyễn thị Ngọc Thanh (chủ biên Thế Hệ) tối hôm ấy, đại diện Văn Học chỉ gặp được 7 bạn trẻ nòng cốt của Thế Hệ mà thôi.

Chúng tôi được gặp các bạn Nguyễn Minh Phương, Võ thiên Thọ, Phạm thành Trí, Nguyễn thị Ngọc Thanh (bút hiệu Lệ Vi, Ngọc Thanh, Mimi...) Nguyễn Trần Quang (bút hiệu Tâm Nguyên), Trần thị Thanh Thúy (bút hiệu Mắt Thu), Nguyễn Hiền Thảo (bút hiệu Mạc).

Sau đây là nội dung cuộc đàm thoại thực hiện hôm 29 Tết vừa qua.

*
* *

***NG. MỘNG GIÁC** (đại diện nhóm chủ biên Văn Học) Tôi qua đây để tìm hiểu sinh hoạt của một tạp chí đồng nghiệp do các bạn trẻ chủ trương, để mong có một sự hợp tác hoặc tiếp nối giữa những người cầm bút lớp trước và những người cầm bút trẻ lớp sau. Sự cách biệt giữa hai thế hệ, về tâm tình, về kinh nghiệm sống là điều có thực. Nhưng văn chương là một nhịp cầu có thể bắc qua tất cả các hố cách ngăn. Tôi mong vậy.*

NG. TRẦN QUANG: Sau những miệt mài trong năm qua các bạn trong nhóm Thế Hệ đã thực hiện tờ báo với bao nỗi khó khăn, đầy đủ nào cảm động, sung sướng, khích lệ, xót xa, tất cả những tình cảm mâu thuẫn ấy đều có cả! Chắc chắn Văn Học cũng đã gặp những khó khăn, vui buồn y như Thế Hệ, nhất là phương diện tài chánh. Cho nên anh chị em Thế Hệ cũng muốn nhân dịp này tìm hiểu thực trạng của Văn Học, kinh nghiệm của Văn Học để tiếp tục xuất bản phát hành tờ Thế Hệ.

***NG.M.GIÁC:** Kinh nghiệm gì không biết, chứ kinh nghiệm về quản trị tài chánh thì đừng nên chờ đợi gì ở Văn Học cả. Đây là một thứ kinh nghiệm bết bát. Nhưng thôi ! Gác chuyện ấy sang một bên đã. Chúng ta hỏi thăm nhau về chuyện viết lách, vui hơn. Xin hỏi thăm kinh nghiệm của cô chủ bút trước. Khi viết bài hoặc lựa bài cho Thế Hệ, Ngọc Thanh có theo một tiêu chuẩn, một cái mẫu nào không?*

NGỌC THANH: Vì Thanh qua đây từ năm 1975, nên mỗi lần đặt bút viết, Thanh vẫn nhớ tới một cái mẫu như một bài thơ, một cuốn truyện đã từng đọc ở VN hồi nhỏ. Cá nhân Thanh chịu ảnh hưởng các truyện của nhà văn Duyên Anh.

***NG.M.GIÁC:** Hình ảnh tuổi trẻ trong trí nhớ qua truyện Duyên Anh và tuổi trẻ Ngọc Thanh quan sát ở chung quanh hiện nay có sự khác biệt nào không? Tại sao trong rất nhiều truyện của người trẻ*

viết bây giờ vẫn có nhiều hơi hướng cũ? Có phải vì các bạn chưa thoát ra khỏi ảnh hưởng cũ, và chưa nhìn thẳng vào đời sống thực tế trước mắt không?

NG.THANH: Một phần lớn những người viết trẻ hiện nay đều lấy chất liệu từ kỷ niệm cũ ở VN, chỉ có thiểu số muốn khai thác những cái mới. Hồi 11, 12 tuổi, Thanh đọc những cuốn sách của Duyên Anh, và đấy là những kỷ niệm đẹp ảnh hưởng cho đến bây giờ.

NG.T.QUANG: Quang xin có một vài góp ý về văn. Nhìn chung những nhà văn trẻ, lối viết có vẻ hơi rập khuôn, theo lối viết các đàn anh ở VN, chưa có ai đi được ra ngoài. Ngày xưa ở VN nhiều nhà văn nghiên cứu và đọc sách báo ngoại quốc nhiều, nên trong bài viết, hoặc truyện ngắn truyện dài có ảnh hưởng của những Victor Hugo, J. Paul Sartre, André Gide, Balzac... Qua đây, Quang thấy ít khi truyện ngắn của những người trẻ ở đây nhắc tới sách vở của Mỹ hoặc Âu Châu.

NG.M.GIÁC: *Tại sao vậy ?*

NG.T.QUANG: Vì trong lòng ai cũng có khuynh hướng tìm về cội nguồn, nên chỉ viết những gì hoàn toàn là cội nguồn. Họ nghiêng về chiều cũ, và dựa trên những cái mẫu VN đã thấm sâu vào ký ức.

NG.M.GIÁC: *Điều này quan trọng vì liên quan đến cách chọn đề tài và giá trị tác phẩm của những cây viết trẻ. Chúng ta đang ở một nơi giao lưu của quá nhiều dòng văn hóa, một sự giao lưu quá phong phú. Hồi trước ở VN, một người cầm bút tìm được một cuốn sách hay của Anh, Mỹ, Pháp không phải dễ. Bây giờ chỉ cần giở một tờ báo chủ nhật ra, như New York Times, Los Angeles Times... ta tìm đủ hết mọi vấn đề. Có điều lạ là mình ở tại chỗ rất phong phú về văn hóa mà mình làm ngơ với nó, và đi tìm những mẫu phảng phất trong trí nhớ. Tìm về cội nguồn, điều ấy đúng. Nhưng điều ít ai nghĩ tới là: Cội nguồn đó là gì? Dân tộc tính của ta là gì? Lớp cầm bút trẻ quay lưng với một kho tàng rất phong phú về chất liệu và kỹ thuật, và tìm một cội nguồn mình chưa hiểu rõ. Những điều đọc được ở VN thời nhỏ, bị hao mòn vì thời gian, chỉ còn là những ý niệm, hình ảnh, mơ hồ "dễ thương" một cách chung chung. Tính chất chung của một phần thơ và truyện lớp trẻ viết trên các tờ báo học đường đều như vậy.*

NGUYỄN HIỀN THẢO: Thảo nghĩ một phần tại lứa tuổi hiện học đại học như chúng tôi hồi đó chỉ đọc *Tuổi Ngọc, Tuổi Hoa* thôi. Những tờ như *Văn, Bách Khoa*... đối với Thảo hồi đó quá "già", có đọc cũng không hiểu. Cái nét "dễ thương" của *Tuổi Ngọc, Tuổi Hoa* ảnh hưởng sâu đậm trong trí nhớ, nên qua đây hễ cầm bút là luôn luôn muốn viết về những tâm tình dễ thương ấy.

NG.T.QUANG: Thế Hệ cố gắng đưa ra một hình thức mới, cố gắng làm khác đi. Lối trình bày của Thế Hệ pha lối trình bày của Tây phương, mà công trình của Thảo đóng góp vào rất nhiều. Hình thức trình bày của Thế Hệ được nhiều bạn đọc khen là đẹp. Như vậy tầm nhận thức về mỹ thuật của người đọc không phải thấp. Đấy là chỉ nói về hình thức của Thế Hệ, còn nội dung, còn trên đường đi tìm.

NG.THANH: Về nội dung, Thanh có đặt ra vài vấn đề chẳng hạn mục *Thì thầm mí nhau* là một trao đổi tâm tình giữa bạn bè với nhau. Đây là nơi lớp trẻ nhiều thế hệ có thể tìm hiểu nhau, khuyến khích nhau, và nặng về xây dựng hơn là đả kích, chê trách.

NG.M.GIÁC: *Như trường hợp của anh Phan Thành Trí, qua Mỹ năm 1982, là một người có kinh nghiệm với CS, anh có bao giờ nghĩ tới chuyện trình bày kinh nghiệm đó cho các bạn trẻ qua Mỹ từ trước hay không?*

P.T.TRÍ: Có. Lúc đầu Trí cố gắng viết về những kinh nghiệm ấy, bằng các bài xã luận cho đăng trên báo sinh viên. Sau khi đăng lên, những bạn sang sau cho rằng những bài ấy được, nhưng những bạn sang trước thì bảo là quá khô khan, không *"dễ thương"*. Cho nên Trí nghĩ tới việc tìm hình thức trình bày thế nào để các kinh nghiệm của mình về CS được các bạn trẻ tiếp nhận được dễ dàng.

NG.M.GIÁC: *Khuynh hướng này rất cần thiết trong sinh hoạt sáng tác và báo chí của giới trẻ, vì qua đó, giới trẻ có một ý thức chính trị sâu sắc và chính xác hơn. Hiện nay, những bài của giới trẻ viết trên báo học đường đều thuộc hai dạng: một dạng rất là* "tuổi hoa, tuổi ngọc", *rất dễ thương mơ mộng. Một dạng đề cập tới những mẫu người hùng phục quốc khá lãng mạn, nhiều lúc như những Rambo trong phim Mỹ. Nếu những người trẻ có kinh nghiệm như anh Trí viết về VN, đề cập đến thân phận của những người cùng trang lứa sau khi cộng sản chiếm trọn Miền Nam, thì các tác phẩm đó cần thiết lắm! Trên Văn Học, một cây bút nữ đã viết được một số truyện thuộc loại này như Nguyễn thị Ngọc Lan. Nhưng độc giả cần thêm những cây bút như N.T.N. Lan nữa!*

P.T.TRÍ: Trí sang đây cuối năm 82, và có quen người bạn sang đây trước Trí 9 ngày. Khi tới đảo, đọc các bài viết về VN trên báo hải ngoại, người bạn ấy bực mình vì một số bài viết chứng tỏ tác giả không biết gì về thực tại cả. Hôm nay cuộc đàm thoại này cho Trí nhận ra một điều: là hãy sống thực viết thực, vì cái gì thực thì mới có thể thuyết phục được người khác.

NG.MINH PHƯƠNG: Có phải chúng ta đang bàn về một mẫu thanh niên lý tưởng cho cuộc vận động phục quốc hay không?

NG.M.GIÁC: *Không. Ở đây chúng ta chỉ bàn rộng về vấn đề*

sáng tác thôi. Sự đóng góp của những người có kinh nghiệm với cộng sản và có khả năng viết lại những kinh nghiệm đó cho bạn bè như anh Trí, quan trọng lắm. Những người trẻ có kinh nghiệm về CS đâu phải ít. Họ có thể đóng góp được rất nhiều, để tạo thành một dòng văn học mới mẻ, phù hợp với tuổi trẻ, cần thiết cho mọi cuộc vận động.

NG.T.QUANG: Mẫu truyện ngắn thành công khi viết về cộng sản hiện nay, qua thăm hỏi các người bạn của Quang, là các truyện Thế Giang. Thế Giang nói lên những sự thật rất phũ phàng của xã hội CS qua những lời rất gọn, ngắn, cô đọng. Chúng tôi rất thích đọc Thế giang, vì T.G. không có những câu chửi rủa thô tục hoặc hô hào dữ dội. Anh chỉ đưa ra những sự thật, nhưng sự thật nói được rất nhiều. Theo Quang, đây là một khuôn mẫu rất hay cho truyện ngắn đấu tranh chống cộng. Quang thích nhất truyện *Vũng nước đọng* và *Tình yêu của những con ma.*

NG.HIỀN THẢO: Viết như vậy không phải dễ, mà hiểu được cái hay một truyện cũng không phải dễ. Ví dụ đôi khi đọc được một bài thấy hay, nhưng không có ai cho Thảo biết được hay ở chỗ nào. Một số người trẻ gặp khó khăn ở chỗ không hiểu hay ở đâu. Đọc một bài văn VN khác đọc một bài văn Mỹ, vì Mỹ có nhiều sách vở để tìm hiểu, còn nếu ai muốn học và hiểu văn học VN, thì không biết tìm học hoặc tìm tài liệu ở đâu.

NG.M.GIÁC: *Hãy lấy kinh nghiệm của Thế Giang. Kinh nghiệm T.G. là kinh nghiệm tôi và anh Trí không trải qua, vì chúng ta ở Miền Nam. Kinh nghiệm T.G. lại càng không được những người như Ngọc Thanh, và nhiều bạn khác chia sẻ, vì các bạn qua đây từ 1975. Nhưng khi đọc TG, mọi người đều xúc động, và thấy truyện TG hay. Như vậy là có một điểm chung rồi. Một kinh nghiệm nào đó, dù nhiều người chưa trải qua, nhưng nếu được viết thành thực, có nhân tính, thì sẽ thuyết phục được mọi người.*

NG.T.QUANG: Thật ra Quang hiểu ý của Thảo hơi khác một chút, ở chỗ: phần lớn anh em ngồi đây đều có một hiểu biết về tiếng Việt sách Việt tương đối khá so với những thành phần trẻ khác. Nhưng nếu đưa truyện ngắn ấy của Thế Giang cho những sinh viên Việt lâu nay không có cơ hội đọc báo Việt, thì chưa chắc họ thông cảm được những điều Thế Giang viết.

Những anh em ở đây đều đã thông cảm được nỗi khó khăn của việc viết một bài văn hay làm một bài thơ. Nhưng những anh em trẻ hơn lại chỉ thông cảm được với những gì dễ hiểu, ít phức tạp, hơi có vẻ làm dáng một tí, như không khí văn chương học sinh thời trung học. Cho nên đọc một truyện ngắn như truyện *Tình yêu của những con ma* của Thế Giang, hoặc truyện *Tạ Ơn* của Nguyễn Mộng Giác, những người trẻ từng có kinh nghiệm về cộng sản hay

từng vượt biển dĩ nhiên dễ thông cảm với hai truyện này, cảm được hai truyện này hơn là những người trẻ qua đây từ 1975. Đôi khi Quang lấy kinh nghiệm của mình giải thích cho các bạn ấy hiểu hai truyện ngắn ấy, họ có "à à" gật gù, nhưng chỉ biết vậy thôi, chứ Quang biết chắc họ không thể cảm được như Quang cảm.

NG.M.GIÁC: Ngoài đề tài về kinh nghiệm cộng sản và tình yêu, tôi thấy các cây bút trẻ thường viết về sinh hoạt trong Campus. Đây là đề tài giới trẻ rất sành sõi. Một số các cây viết trẻ viết về đời sống campus đều theo mẫu chung thế này: Trong sinh viên VN có hai phe: một phe tạm gọi là "phe chính" chăm chỉ học hành, cố gắng duy trì tiếng Việt, văn hoá dân tộc, và tham gia hoạt động kháng chiến. "Phe tà" thì ăn mặc bê bối, để tóc punk, lúc nào cũng lo ăn chơi, mất gốc. Câu chuyện kết thúc bằng hình ảnh đẹp là phe chính chiêu hồi được phe tà. Liệu người viết trẻ có thể thay đổi được cái mẫu ấy không? Chẳng hạn diễn tả sao cho phe "tà" tuy vẫn còn "tà" đó, nhưng không "đáng ghét" mà "đáng thương".

NG.THANH: Đó là điểm Thanh cũng rất quan tâm. Như mấy đứa em của Thanh tuy chỉ cách Thanh có vài tuổi thôi, nhưng như đã thuộc một thế hệ khác. T đã tưởng là T và em cách xa nhau, nhưng thật sự là nếu mình tìm cách hoà đồng, thông cảm, thì sự cách biệt không còn nữa. Không cần đòi hỏi họ làm y hệt như những gì mình làm mới là tốt, mà nhiều khi tuy có khác biệt về cách biểu lộ, nhưng tinh thần vẫn tương đồng như thường. Cách đây vài năm, T cảm thấy lạc lõng. Lớp lớn không hiểu T, lớp nhỏ tuổi hơn không hiểu T, T không rành tiếng Anh mà cũng không rành tiếng Việt, cả hai thứ tiếng đều không đủ thông suốt. Nhưng dần dần cả T lẫn các em đều khá lên dần dần, tuy chênh lệch nhau chút ít nhưng nhu cầu cảm thông thì vẫn như nhau. Cho nên T cởi mở hơn đôi chút trong cách xét đoán các người bạn học khác mình.

NG.M.GIÁC: Trong chương trình học ở đại học, luôn luôn có các giờ dạy đọc và viết rất kỹ. Vậy tại sao giới viết trẻ ít sử dụng các chỉ dẫn viết văn từ đại học?

NG.H.THẢO: Đa số sinh viên VN bên này khi học thì diễn đạt bằng Anh ngữ. Nhưng khi phải viết và diễn đạt bằng tiếng Việt, thì lại cảm thấy không an toàn. Huống chi là việc diễn tả tâm lý hay kết cấu một truyện ngắn.

NG.THANH: Thêm một điều nữa là mặc dù lớp trẻ đã được học kỹ về lối viết truyện hay nghị luận bằng tiếng Anh, nhưng khi viết tiếng Việt, lại dùng cái vốn liếng tiếng Việt còn sót lại từ những điều đọc hồi nhỏ ở VN. Những vốn liếng này tự nhiên chảy ra ngòi bút khi viết, không còn nghĩ tới kỹ thuật đã học được ở trường.

NG.M.GIÁC: Có người nghĩ rằng lớp trẻ diễn tả tâm tình của mình bằng tiếng ngoại quốc dễ dàng hơn bằng tiếng Việt. Có lẽ đến

một lúc nào đó, trên một số tờ nội san sinh viên, có hai thứ tiếng Việt và ngoại ngữ. Dự đoán ấy theo thực tế sinh viên hiện nay, có đúng không?

NG.T.QUANG: Có đúng phần nào. Bằng chứng cụ thể là tờ *The Bridge* ở đại học Harvard. Trong tờ đó đã có những bài bình luận, khảo cứu về VN bằng tiếng Anh. Đó là hình thức các sinh viên VN tại đại học Harvard đã thử nghiệm. Cho đến giờ họ chưa thành công lắm, vì *The Bridge* hơi chuyên môn, và một độc giả sinh viên bình thường chưa dễ dàng thông hiểu tờ *The Bridge*.

NG.M.PHƯƠNG: Hồi Phương còn làm tờ *Nhận Diện* có đi gặp một số anh chị em sinh viên UCLA. Anh em ở đó nghĩ tới việc phát huy tinh thần dân tộc Việt bằng Anh ngữ.

Theo nhận xét của P, đa số những người trẻ muốn viết đều mang mặc cảm sống ở xứ lạ, giữa những kẻ lạ. Dùng một ngôn ngữ lạ để nói tâm tình mình đã là một điều chẳng đặng đừng, nên việc áp dụng các kỹ-thuật học được để viết đã không được chú tâm. Thà khai thác cái vốn kinh nghiệm và ký ức tuy còn non nớt của mình, nhưng nó là VN. Có thể gọi đây là một thứ mặc cảm được. Những sinh viên viết trong tờ *The Bridge* vì chỉ viết các loại khảo cứu, hoặc bài có tính chất informative nên không gặp phải sự dằng co trên đây. Còn sáng tác thì phải xuất phát từ tâm tình, nên không tránh khỏi mặc cảm này.

***NG.M.GIÁC:** Còn về thơ thì sao ?*

NG.H.THẢO: Trong suốt thời gian cộng tác với Thế Hệ, T làm thơ khá nhiều. T cảm thấy mình chịu ảnh hưởng những gì học được thời nhỏ ở VN rất nhiều. Hồi đó T chưa đọc được thơ Thanh Tâm Tuyền, tuy có cố gắng đọc, nhưng chưa cảm và hiểu được. Cho nên thơ đối với T phải là cái gì nhẹ nhàng, thiên về tình cảm, rung động tự nhiên như là tình yêu, cảnh đẹp. Còn thơ thuộc về tâm linh hay triết lý, thì không! Tất cả những người trẻ làm thơ hiện nay đều thiên về tình cảm nhẹ nhàng. Có nhiều bài làm ra không được đúng vần điệu, như lục bát không đúng vần lục bát, chỉ có âm hưởng lục bát thôi. Ngoài thơ tình cảm, giới trẻ chúng tôi cũng có làm một số thơ chống cộng, tranh đấu.

Trong khi theo sách vở Mỹ đọc được, thì thơ Mỹ hiện đại đã là đi tới những trào lưu khác lạ. Tuy vậy, đọc thơ Mỹ, T không thể cảm được, chỉ thấy ngộ nghĩnh, lạ, nhưng không cảm được.

***NG.M.GIÁC:** Về điểm đó, thơ và văn khác nhau. Văn, đến một trình độ nào đó, trở thành tài sản chung của quốc tế. Còn thơ là tài sản riêng của từng dân tộc. Không thể nào đọc thơ Mỹ mình cảm thấy hay như một người Mỹ đọc thơ Mỹ. Thơ Việt phải dính liền với tâm hồn Việt, thân phận Việt. Thơ khi dịch ra tiếng nước khác, chỉ còn là cái xác, chứ không còn cái hồn.*

NG.H.THẢO: Cái đó T đồng ý. Nhưng nếu nói thơ chỉ là tài sản riêng của một dân tộc, thì có điều lạ là hiện nay có nhiều thi sĩ Mỹ nghiên cứu thơ Nhật và rất nhiều người Mỹ làm thơ theo kiểu Nhật. Thảo nghĩ mình vẫn có thể mượn kỹ thuật của thơ Mỹ, thơ Nhật, để diễn tả tâm tình Việt của mình.

NG.T.QUANG: Quang không biết khi làm thơ Thảo đã mượn áo của Nhật, Mỹ, hay Pháp? Nhưng đọc thơ của Thảo, hơi khó hiểu. Có lẽ vì thơ khó hiểu nên Thảo được nhiều người tìm đến để hỏi cho ra lẽ!

NG.M.GIÁC: *Về thơ, anh chị em ở đây có nắm vững phép làm thơ Việt không?*

NG.T.QUANG: Không dám nói vững. Vừa qua sinh viên VN trường đại học Houston có mời một giáo sư văn chương đến giảng lại cho chúng tôi hiểu về cấu trúc vần điệu của thơ Việt. Buổi sinh hoạt này rất bổ ích!...

*
* *

Phần sau của buổi mạn đàm xoay quanh vấn đề kinh nghiệm quản trị của hai tờ Thế Hệ và Văn Học. Chuyện xin quảng cáo, chuyện lo chạy tiền in, chuyện phân công phân nhiệm, chuyện phát hành... Cả hai bên, lớp trước lớp sau đều "quờ quạng" như nhau! Xin khỏi phải ghi lại đây!

Nguyễn Mộng Giác

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI :

Cậu Bé và Hoa Mai

của

PHAN TÂN HẢI

Tuyển tập truyện ngắn xuất sắc và sâu sắc nhất của nhà xuất bản Nhân Văn. Giá bán 7.00 Mỹ kim, kể cả bưu phí. Độc giả ở Âu Châu và Á Châu xin gửi thêm 2 Mỹ kim phụ phí nếu thích nhận sách theo đường hàng không. Địa chỉ đặt mua :

NHÂN VĂN
P.O. Box 21638
San Jose, CA 95151

hoặc :

NHÂN VĂN
P.O. Box 357 Clayton Vic 3168
Australia

Diệu Tần

Đại bại mùa thu.

*T*râm kém chồng cũ năm tuổi. Năm đó Sanh đến thăm Trâm vào mùa thu ở Virginia thì chàng năm mươi. Sanh vạm vỡ, tiếng nói rổn rảng nhưng đó là ngày xưa kia... Trâm nghĩ gọi chàng là chồng cũ là sai, vì nàng chưa có chồng mới, sẽ không bao giờ có chồng khác nữa. Chàng mới tạm định cư ở một bang được mệnh danh là tiểu bang Vàng và ở vùng quen gọi là thung lũng điện tử. Qua điện thoại viễn liên, Sanh có vẻ háo hức nói chàng sẽ đến Virginia để thăm nàng và hai đứa con và các bạn cũ trong quân đội ở miền đông.

Sanh là một tiểu đoàn trưởng bộ binh của quân đội đã bị ép buộc đầu hàng. Qua máy, nàng vẫn cảm thấy vẻ võ biền trong giọng nói của chồng. Có thể nói Sanh là một chiến sĩ ngoài mặt trận thuần túy. Chàng rất ghét bàn về chính trị. Đánh giặc rất can trường, có đến bốn anh dũng bội tinh với nhành dương liễu, được thuộc cấp kính phục. Ngược lại Sanh nóng tính, thường hay cãi và hay chê cấp trên. Sanh còn có tật uống rượu và mê đàn bà đẹp. Sanh đã nổi tiếng bay bướm trước khi lấy Trâm. Nàng đã dặn: Anh muốn em chung thủy, anh cũng phải thủy chung, vậy mới công bằng. Sanh cười giả lả: "ừ thì nhà binh xa nhà, cũng tha thứ chứ." Sau này nàng bảo: "Bây giờ có hai món anh mê, mê rượu và mê gái. Anh phải bỏ một chứ." Sanh lại cười: "Ờ, thì anh chừa rượu chứ còn gì nữa, em biết đấy."

Đúng ra thì Sanh vẫn thương vợ con trên nguyên tắc. Trâm không đẹp, nàng chỉ giỏi chịu đựng, nấu ăn, nuôi con, đối xử với gia đình nhà chồng không chỗ chê trách. Chàng cũng không đẹp trai gì lắm, người hơi thô. Chỉ được điểm là rất cường tráng. Sống

ở vùng quê châu thổ Cửu Long trù phú, hồi nhỏ Sanh thích đá banh, bơi lội.

Khi có một đứa con, nàng biết chàng sống chung với một cô gái quê khá đẹp, nàng ghen ngấm ngầm. Rồi cố tìm cách khuyên can, van lơn, nhưng chàng không đếm xỉa đến. Dần dần nàng thấy chồng vô trách nhiệm, thiếu tôn trọng nàng. Có lẽ gần gũi với cái chết lảng vảng thường xuyên. Chàng coi chuyện trên đời không có gì quan trọng. Trong một cơn say, chàng lè nhè bảo vợ: Ghen tuông làm gì cho mệt, khi anh chết đám tang có thêm đàn bà con gái khóc, vui hơn chứ. Em muốn gì nữa, anh vẫn là chồng em. Tui vẫn là chồng bà, có mất phần đâu!

— Anh nói thế mà nghe được à?

— Được chứ, anh vẫn về thăm em nhà này là nhà của em, con là con của anh và em.

— ! ! !

— Tiền lương tháng tui vẫn đưa đủ không thiếu một cắc. Bà còn muốn gì nữa? Nàng muốn gì? Đó là thứ lý luận của người đàn ông ham sắc dục. Dễ hiểu quá. Nàng muốn chàng về thăm nhà siêng hơn, muốn được chàng đối xử dịu dàng hơn, săn sóc đến các con nhiều hơn. Sanh có thể uống rượu nhưng đừng quá say để nói càn.

*
* *

Sanh xuống phi trường Dallas, ngạc nhiên không thấy Trâm và hai con ra đón, tuy chàng đã dặn trước, nói rõ tên hãng máy bay, chuyến bay và giờ đến phi trường. Chàng gọi điện thoại dục ra đón. Không có Trâm bên kia đầu giây mà chỉ có tiếng Hùng, đứa con trai, giọng hơi cứng, vì nói tiếng mẹ đẻ ít hơn tiếng bản xứ.

— Mạ nói mạ đau không ra đón ba được.

— Thì con ra đón ba chứ! Bộ bắt tao lội bộ hả?

Giọng cậu nhỏ luống cuống:

— Dạ... không... Má dặn ba cứ kêu tắc xi má trả tiền.

— Bộ mày không biết lái xe hả? — Giọng Sanh đã bực tức.

— Con biết lái, nhưng... nhưng xe hỏng bỏ sửa rồi. Thôi, ba biết kêu tắc xi không, con kêu hộ cho nghe.

Sanh gác máy mạnh, cơn nóng giận lại nổi lên. Chắc lại có gì trục trặc đây. Qua điện thoại hôm đó, chàng cũng mơ hồ cảm nhận điều gì không suông sẽ qua cuộc đối thoại cách xa nhau hơn ba nghìn dặm. Trâm hình như không mừng vui như chàng tưởng, có dịu dàng, nhưng không đằm thắm.

Ngồi trên tắc xi về Arlington, nơi có nghĩa trang quốc gia nổi tiếng, chàng không thấy được vẻ đẹp hoàng hôn, một mùa thu đang trở về ở miền đông bắc này. Lá cây đổi màu rực rỡ, xa lộ sạch

bóng. Vùng gần thủ đô này được về đài các, quý phái, nhàn hạ, không xô bồ như vùng chàng tạm cư.... Chàng đang suy tính. Hay là Trâm đã biết rõ chuyện bí mật của chàng rồi. Có thể lắm chứ. Bảy năm qua... Phải đối phó ra sao? Trong điện thoại tại sao nàng không nói trắng ra là nàng đã biết rồi. Chính vì lo xa như vậy, chàng đã phải thủ vé máy bay San Jose — Dallas khứ hồi cho chắc ăn.

Cơn nóng giận đã làm giảm niềm háo hức được gặp vợ con sau bảy năm xa cách. Chàng suy nghĩ tìm cách thanh minh, chống chế.

Người tài xế tắc xi già thấy chàng im lặng, cũng không tò mò. Ông già này có lẽ đã có quá nhiều kinh nghiệm, biết được rất nhiều chuyện của hành khách ngồi trên xe mình. Chàng đoán biết ông hiểu chàng là người mới đặt chân đến xứ này không lâu, qua cách phục sức và tài nói tiếng Anh nghèo nàn của chàng. Lái đến đúng địa chỉ mà chàng đã đưa cho ông, ông lên tiếng.

— Đến nơi rồi, mời ông.... Chàng liếc đồng hồ tính tiền... khá nặng...

Hai anh em, Hùng và đứa em gái Dung đứng sẵn phía trước đón chàng, không có bóng dáng Trâm. Chàng chột dạ. Như vậy là đổ bể cả rồi. Không có vòng tay ôm. Không có nụ hôn chào đón, hội ngộ mà chàng đã phác ra khi cưỡi máy bay.

Thằng Hùng giọng ồm ồm, đó là một cậu thanh niên cao lớn, chạy đến:

— Ba, ba khỏe không? — Nó quay sang em: Chào ba đi.

Con nhỏ mặc din giầy vải ngước mắt ngơ ngác nhìn bố như nhìn một người khách lạ: Chào... ba.

Hai đứa con lớn hơn chàng tưởng tượng. Nhất là Dung, khuôn mặt nó đổi khác nhiều. Chàng ôm lấy hai con. Con Dung đẩy nhẹ tay chàng ra. Nó ngó người cha mà nó có rất ít kỷ niệm. Nó cố tìm trong ký ức, nhưng lờ mờ, xa xôi quá. Nó chỉ lãng đãng nhớ lại là... ngày xưa người này thường hay uống rượu và la lối,thế thôi.

Thằng anh thì khá hơn, nó thấy bố không còn oai vệ như hồi xưa. Chàng đi tay không vào nhà. Hai đứa nhỏ đã xách hành lý vào sau khi thằng Hùng đã trả tiền tắc xi, nó kêu nhỏ nhỏ: Đắt quá! đắt quá! bằng tiếng Anh. Tuy trời đã tối, chàng ngửi thấy mùi sạch sẽ của khu gia cư yên tĩnh này. Lá cây sồi rơi nhẹ trên nền cỏ úa, lấp lánh mầu đỏ, mầu nâu dưới ánh đèn đường.

Vẫn chưa có Trâm đứng ở cửa chính. Nàng đâu? Bệnh thật à? Chàng hết bực mình vì phải đi tắc xi, nhưng không thấy Trâm đứng đón, nghĩ đến lỗi của mình, chàng nén xuống sự bực tức lại dâng lên. Hai đứa con không hỏi gì thêm bố chúng, dường như

chúng đã nhận được chỉ thị từ trước. Từ cửa vào phòng khách thật gần. Sao thời gian không gian quá lắng đọng... không một tiếng động... chàng đâm ra e dè... Trâm đâu?

Người đàn bà ngồi chờ sẵn ở ghế salon nhưng lại ngồi chiếc ghế quay lưng ra cửa. Chậm chạp đứng dậy. Nét mặt bình thản, cố nở nụ cười, giơ tay bắt tay chồng, giọng trầm trầm:

— Mừng anh đã đến Mỹ. Anh đi đường có mệt không?

Sanh hụt hẫng, trước thái độ lạnh nhạt của vợ. Không có nước mắt hội ngộ, mừng tủi. Chàng đành đưa tay nắm lấy bàn tay nhỏ và mềm của Trâm:

— Anh khỏe. Em... vẫn... bình thường chứ?

— Cám ơn anh. Anh ngồi đi. Nàng ngồi xuống với tư thế của bà chủ nhà, không phải vai trò vợ một cựu sỹ quan. Chàng ngồi xuống sô-pha chưa biết nên mở lời ra sao.

— Bảy năm rồi anh nhỉ. Nhanh thật. Anh thấy hai con ra sao?

— A, chúng mau lớn quá. Chàng đoán nàng mới vờn quanh ngoài đề, chưa vào chuyện chính. Chàng chờ đợi, chàng không dại gì phải khai ra sự thực. Chàng tìm cách mở lối:

— Còn em, anh thấy em đẹp ra nhiều.

Ha, đó là một lầm lỗi sơ khởi, chứ đó không phải lời khen được điểm. Nàng đã vốn không đẹp, nhất là không thể nào đẹp bằng những người tình của chàng. Ngoài ra khi thốt câu đó, chàng đã ở thế hạ phong, chàng đãmuốn bắt đầu thú tội.

Nàng cười buồn, đượm vẻ khiêu khích:

— Cám ơn anh. Em mà đẹp nổi gì. Đời buồn lắm anh ơi. Thôi, chắc anh đã đói rồi. Chúng ta ăn đã, sẽ nói chuyện sau.

Chuyện là chuyện gì đây. Chợt thấy rõ, phải, chàng chợt thấy rõ Trâm xa cách ngàn trùng. Người ngồi trước mặt chàng hoàn toàn xa lạ, xa lạ hơn cả những người chàng chưa gặp lần nào. Chàng hối hận đã bay về đây. Chàng thấy lúng túng, bứt rứt. Thà rằng đừng đến còn hơn. Bực bội vì sơ hở, vụng về của mình. Sanh nóng mặt. Chàng im lặng.

Chàng lầm lũi theo vợ sang chỗ đặt bàn ăn như người khách mới quen, theo bà chủ nhà. Nàng ngồi một ghế đầu bàn, chiếc bàn ăn đủ chỗ cho sáu người rộng rãi.

— Anh ngồi đầu bàn kia. Hai đứa sẽ ngồi đây.

Rõ ràng Trâm cố ý xa lánh chàng. Một người vợ đón mừng người chồng lãnh đạm đến thế sao? Chàng định cưỡng lại ý nàng, nhưng nếu ngồi vào một ghế cạnh nàng thì có vẻ chàng đã xuống nước. Tại sao không dám nắm lấy tay nàng, không ôm lấy Trâm, ngay cả hôn nàng nữa. Điều gì khiến chàng khựng lại. Chàng tự trả lời: mặc cảm tội lỗi. Hẳn nhiên Sanh là một kịch sĩ hạng thường quá.

Chàng nặng nhọc thả người xuống ghế. Nàng chậm rãi, từ tốn. Người đàn bà trưởng thành qua bảy năm ở xứ người, đã học hỏi được khá nhiều trong cách xử thế. Người đó vẫn mang tên là Trâm, nhưng không phải là vợ chàng nữa, không phải người vợ chàng coi thường, như chiếc bóng mờ bên chàng. Trâm đã hoàn toàn lột xác cả bên ngoài lẫn bên trong. Cách phục sức trang điểm và khí hậu thực tốt ở xứ này đã đem lại cho Trâm được vẻ đẹp trung bình. Dáng người đẫy đà thêm, nước da trắng hơn xưa, nữ trang đeo lấp lánh. Nhìn Trâm bệ vệ ngồi đối diện bên kia đầu bàn, Sang cảm thấy nàng như người chị cả trong nhà. Người vợ gầy gò, kém nhan sắc, đầu tắt mặt tối vì con cái, lùi xa vào dĩ vãng rồi. Trâm gọi nhỏ:

— Cơm tối đã xong, ra ăn, Hùng, Dung!

Hai đứa ngồi vào rất nhanh và rất thạo, theo thời khóa biểu thường lệ. Đúng chỉ thường lệ thôi. Liếc trên bàn, Sanh không thấy món gì gọi là đặc biệt để đón chào chàng, chàng hơi thất vọng.

Trâm nhắc: À còn phải mời đã. Nhớ không?

— Xin mời ba má dùng cơm. Hùng lên tiếng.

— Ba má "giùm côm" — Con Dung tiếp theo và dương mắt ngó bố. Cả hai bắt đầu tấn công liền, theo đúng cách thế ăn uống của Mỹ, rất tự nhiên, rất sòng phẳng.

Trâm nhắc Sanh: Mời anh. Bây giờ mới có dịp ăn cơm chung với anh một cách thư thả — Chàng hiểu nàng đã bắt đầu khiêu chiến. Trâm muốn nhắc nhở quá khứ đau khổ của nàng. Chàng mải chiến trận mải chạy theo gái, vợ hai, vợ ba. Ít khi dùng cơm nhà. Những dịp về phép hiếm hoi thì kéo bạn bè đi nhậu. Ít có dịp vợ chồng con cái ăn được một bữa cơm có tiếng cười của trẻ, của vợ đông đủ, hai hay ba, bốn mạng một lúc.

Cô nàng này đáo để, chàng không dằn được cơn tức tối, bỏ đũa, hơi lớn tiếng:

— Em định nói gì ?

— Đừng nổi nóng. Em nói tiếng Việt, anh không hiểu sao. Đừng để hai con nó cười. — Nàng bình tĩnh như không.

— Em muốn gì ?

— Tôi chẳng muốn gì cả. Chính anh muốn gì mới đến đây. Nhưng khoan, chúng ta sẽ nói chuyện sau. Anh ăn đi đã, có nhiều chuyện tôi cần nói với anh.

Mỗi khi Trâm xưng *tôi*, trước đây, là một điều xúc phạm ghê gớm lắm. Hai đứa con mải ăn, ngạc nhiên dương mắt nhìn ba nó. Dưới mắt con bé Dung, ba nó như một người khách Việt Nam khó tính và khó hiểu thỉnh thoảng ghé chơi nhà. Trên máy bay, chàng gẩy gẩy mấy món ăn Mỹ, nếm qua loa rồi bỏ, đói nhưng không thiết ăn, chàng vẫn phải gắp thức ăn để nén giận. Chàng không thể

ngờ hai đứa dửng dưng với chàng đến mức này. Chúng đương nhiên đồng minh với má chúng. Chúng như hai đứa con hàng xóm. Thằng Dũng đeo kính cận, con Dung mắt một mí như một đứa con gái Nhựt bản hay Cao ly nào đó, rất xa lạ.

Thế là hỏng cả kế hoạch rồi sao? Không, chàng mà bỏ cuộc là khổ với cô vợ nhỏ, không có giá thú là Vân Anh ở San Jose. Tất nhiên Vân Anh đẹp hơn Trâm gấp bội, lại rất trẻ, hai mươi chín cái xuân. Sanh và Vân Anh dùng tiền của Trâm gửi về để vượt biên. Đó là một sự lừa dối. Hai người sống chung như vợ chồng ở Sàigòn, cùng chuyến ghe vượt biển, cùng mái lều ở Mã lai, ở Nam dương. Vân Anh là vợ góa của một thiếu úy, thông minh, lãng mạn, có rất nhiều tham vọng.

Vân Anh thích chàng ở điểm nào? Chàng thừa hiểu, nguồn tiếp tế của Trâm là lý do chính, lý do phụ mới là nam tính mạnh tợn, chàng như con gà trống già dặm cựa dài và sắc. Sau mấy năm cải tạo, Sanh không hề thay đổi quan niệm sống, vẫn chứng nào tật ấy, nói gì đến quan niệm chính trị mà bọn kia muốn nhồi nhét vào óc chàng. Chàng dấu nhẹm dĩ nhiên, chuyện chung sống với Vân Anh. Lỗi càng nặng hơn. Ở đảo, chàng gợi lòng thương của Trâm để dục nàng gửi tiền cho hai người tiêu phung phí. Sự lừa dối càng tồi tệ hơn nữa.

Một người bạn gái của Trâm, cũng dân tỵ nạn làm việc ở ban hồ sơ phiếu tại Bidong, biết được địa chỉ của nàng bên Mỹ, viết thư mách đầy đủ chi tiết chuyện giữa Sanh và Vân Anh. Trong khi Sanh nhơn nhơn hưởng hạnh phúc cạnh người đẹp, không để ý đến thiên hạ. Người bạn gái ghen dùm Trâm, bản cáo trạng ngày càng dài hơn, người đó bảo nếu cần sẽ gửi cả ảnh "du dương" cho nàng nữa.

Nàng căm chồng đã làm khổ nàng trước bảy lăm, sau đó vẫn tiếp tục lừa dối, thiếu tôn trọng nàng. Không đếm xỉa gì đến công lao, tâm tư của nàng. Tình yêu chồng đã tắt từ lâu. Chỉ còn là bổn phận. Theo chiến cuộc, sinh hoạt càng đắt đỏ, số lương Sanh lãnh được chỉ đủ để bao gái, đủ để đi nhậu nhẹt, không còn phần của ba mẹ con nữa. Nàng cắn răng chịu đựng. Gia đình nhà chồng, ai phận nấy. Bên ngoại thương tình chu cấp thêm gạo, rau... Rồi nàng vẫn sống, hai đứa con vẫn lớn lên trong chiến tranh. Ba mẹ con vẫn đắp đổi qua ngày, nhờ nàng nhận lãnh lại việc thầu giặt quần áo cho Mỹ dạo đó.

*
* *

*B*ữa cơm kết thúc nhanh chóng. Hai đứa con đứng dậy trước. Nàng nhắc:

— Xin phép ba má đi.

— Con đã ăn xong, xin phép ba má.

— "Sing phếp ba mar". Đứa con gái mười lăm tuổi nối lời.

Trâm đang ăn theo chế độ, không gắp nhiều. Sanh cũng nuốt không trôi, tuy bụng đói. Chàng rời bàn trước Trâm. Nàng hỏi như thường lệ, trước đây:

— Anh dùng cà phê nhé.

Đối phương châm ngòi, hay muốn vất một cái phao cho chàng bám vào? Chàng nghĩ cũng nên uống một ly cà phê đen. Có thể Trâm muốn khoe tài nội trợ của nàng. Hãy thử một lần nữa, bíu vào cái phao này, nên thay đổi nét mặt khó thương hiện có. Chàng sôi nổi:

— Tốt quá, em cho anh một ly đi. Anh nhớ ly cà phê phin của em.

Nàng cười buồn: Có thể lúc này anh uống sẽ thấy bớt ngon đi. Đắng là đắng khác nữa.

Trâm bây giờ không còn là Trâm ở Việt nam. Đáo để, sâu sắc.

— Cứ cho anh uống đi. Tài bếp núc của em, xưa nay cả họ đều biết.

Nàng im lặng quan sát chồng, trong lúc đợi chút nước sôi vào phin:

— Dung chỉ được xem ti-vi một giờ đồng hồ thôi. Sau đó làm bài. Còn Hùng, khi nào má bảo, con ra đây gặp ba. Hai anh em vâng lời mẹ, theo một nền nếp, kỷ luật chặt chẽ. Cậu trai lớn nhìn bố: "Con sẽ nói chuyện với ba". Dung xòe tay phác một cử chỉ chào rất Mỹ.

— Anh uống đi, rồi kể cho tôi nghe chuyện vượt biên của anh.

A, cô này lì, chưa chịu ra tay hỏi tội mình.

— Thì cũng như mọi người, như những chiếc ghe khác. Em kể chuyện của em trước đi.

Trâm nhìn giọt cà phê nâu sẫm nhỏ giọt trong chiếc ly thấp, óng ánh.

— Dĩ nhiên là đỡ vất vả hơn anh nhiều, chỉ là may mắn thôi. Trước hết là mừng anh còn sống sót sau mấy năm trong tù, sau là mừng anh đã đến được xứ này — Nàng chiếu thẳng vào mắt Sanh:

— Tại sao anh không để tôi bảo lãnh cho anh? Phát pháo đầu đã nổ.

— Anh không dám phiền em.

— Hừ, anh khách sáo quá nhỉ. Tôi muốn anh kể sự thực cho tôi nghe.

Giọng Sanh năn nỉ:

— Nếu em đã biết rồi, còn bắt anh kể làm gì ?

— Tôi muốn chính anh phải nói ra. Người ta có đẹp không? Trâm nói như thách đố.

— Em đừng hỏi đẹp hay xấu nữa. Em thông cảm cho anh.

— Hừ thông cảm..., tôi tha thứ cho anh từ lâu rồi và quá nhiều rồi. Anh tưởng tôi ghen rồi: Xin lỗi... còn lâu — Nàng rút ô kéo tủ và vất ra một xấp thư của chàng.

Khi đến đảo Sanh và Vân Anh khai là vợ chồng, chung danh sách, một hồ sơ, do đó Sanh không có ưu tiên theo hồ sơ chồng vợ, mà theo hồ sơ cựu quân nhân công chức.

— Anh có muốn tôi đọc lại những lá thư anh viết cho tôi từ Việt Nam, từ đảo không? Lâm ly, mùi mẫn lắm!

— Thôi mà, em thương anh... một người từ trại tù ra, buồn, cô đơn...

Trâm quắc mắt :

— Tôi có cô đơn không, chắc tôi vui hơn anh nhiều hả?

Trâm có vẻ hạch tội chàng hơi nhiều, giọng hách dịch kẻ cả. Đầu óc võ biền của Sanh lên tiếng, chàng nói như quát:

— Thôi đừng nói nhiều. Không phải cô đã bỏ tôi lại một mình à?

— Đừng nói lớn. Anh nên nhớ tôi còn tiếp anh ở đây là quý rồi.

Giọng Sanh cất lớn hơn :

— Cô đi sung sướng một mình, bỏ tôi trong tù...

— Hừ, hai đứa con của anh vất đi đâu. Anh có thí đô la nào để đưa hối lộ cho quân cảnh không? Anh bị tù hả? Cả nước bị tù, riêng gì anh!

Sanh hét lớn: Im miệng lại, bây giờ cô muốn gì?

Trâm tái mặt, nhưng vẫn kiểm soát được câu trả lời: Tôi muốn gì? Anh hỏi câu đó nhiều lần rồi, xưa rồi. Tôi chẳng muốn gì ở anh cả. Tôi hỏi lại anh, anh muốn gì khi đến đây! Nói đi Sanh, ông muốn gì. Ông la câu nữa, tôi gọi điện thoại, cảnh sát tống cổ ông ra khỏi nhà này ngay lập tức!

Sanh ý thức ngay được sự nguy hiểm của bản thân. Chàng thân cô, thế cô, đứng về mặt luật pháp, chàng là kẻ ngoại tình, thêm tội khai gian hồ sơ là chồng Vân Anh, và ngay bây giờ nếu Trâm tố cáo, chàng là kẻ lạ mặt xâm nhập gia cư bất hợp pháp, định làm quấy với bà chủ nhà. Thằng Hùng nghe bố la, chạy ra. Nó hết nhìn bố rồi nhìn mẹ. Trâm khoát tay:

— Không có chuyện gì lạ, con cứ lo học đi.

Nó vỗ vai Sanh, bàn tay to và mạnh: Ba đừng nổi nóng nữa, ở Mỹ này có phải ở Việt nam đâu — Nói xong nó lẳng lặng vào phòng riêng. Câu nói đó càng làm Sanh thấm thía. Tất cả đã đổi đời. Chàng câm lặng cho Trâm tấn công.

— Ông không biết là khi tôi qua đây, tôi phải đi hái trái cây, hái rau nuôi tụi nó, lạ nước lạ cái, một nách hai đứa nhỏ. Chỉ hai

năm nay tôi mới đỡ khổ. Ai lo cho hai đứa con? Ai gửi quà cho ông ở trong tù? Ai gửi tiền cho anh vượt biển? Ai gửi tiền cho anh tiêu thỏa thích ở đảo? Anh nói đi, trả lời tôi đi — Trâm nghiến răng: Bây giờ anh muốn gì?

Sanh không trả lời nổi. Chàng vẫn không hiểu sao nàng biết chuyện giữa Vân Anh và chàng. Thôi thì tạm đầu hàng, lùi một bước để tiến ba bước. Khuôn mặt trẻ của Vân Anh đẹp biết bao, đa tình biết mấy. Còn Trâm ngồi kia như một bà mẹ chồng độc ác, như một quan tòa nghiêm khắc, như một mụ phù thủy gớm ghiếc, như một nữ cán bộ khắc khe. Vân Anh căn dặn chàng sau những nụ hôn; "Anh phải khéo với mụ mới được. Chúng mình chỉ còn sáu tháng trợ cấp thôi. Khóa học của em còn kéo dài năm tháng nữa. Còn anh cũng phải tám tháng nữa mới xong cái bằng cán sự điện tử của anh. Chưa chắc chúng ta đã kiếm được việc làm ngay. Hãy gợi tình xưa nghĩa cũ. Đánh mạnh vào tình phụ tử. Nếu cần xin lỗi cứ xin lỗi ngoài miệng. Làm sao tối thiểu có được một khoản tiền dắt túi về đây, tốt nhất là có được một xe hơi. Nàng còn dục chàng lập giá thú. Đêm vừa qua, Vân Anh đã thưởng công cho chàng rất hậu hĩ. Nàng liếc Sanh: Em thả dàn anh cho bà ấy, sướng nhé!

Sanh dơ hai tay lên đầu xua xua:

— Anh nhớ hai con, anh nhớ em, dù sao thì chúng ta cũng đã chung sống mười mấy năm rồi. Tình nghĩa....

Trâm ngó chàng chăm chăm. Nàng chưa nghe thấy gì khẩn khoản, chân thành ở viên đá dò đường của chồng. Lần đầu tiên trong đời làm vợ Sanh, Trâm nghe được một câu dịu dàng của chồng, không kể thời gian chưa cưới và độ một tháng sau khi cưới.

Trâm dịu giọng :

— Làm sao anh trả lời được, phải không? Anh nói nhớ hai con, tạm cho là thế đi... nhưng nhớ tôi, xin lỗi anh, đừng bao giờ nói câu đó nữa. Giả tạo lắm. Anh hát câu đó với những người đàn bà con gái khác.

Lời khuyên của Vân Anh văng vẳng bên tai: Hãy nhịn nhục. Dư vị phòng the mới đây còn phảng phất trong người.

— Anh xin lỗi em, anh biết anh có lỗi nhiều lắm — Sanh đầu hàng như một người khác thốt ra lời đó.

Chừng như đã nguôi cơn giận, Trâm nhìn Sanh như chàng là một con chó bị đánh. Anh chàng này muốn giở ngón gì nữa đây. Phải đề cao cảnh giác, đối phương đã thực sự kéo cờ trắng hay chỉ trá hàng? Anh chàng này nóng nảy, tài ba ở mặt trận, đắc thắng ở tình trường, vô trách nhiệm với gia đình, bây giờ như con cừu... già đứng trước mặt nàng. Chắc là đã bị con nhỏ kia đá rồi, bây giờ quay về lạy lục, xin xỏ.

Nàng đưa ra một rào cản:

— Xin báo cho ông biết trước, không đời nào, không bao giờ tôi với ông sống chung được nữa. Tôi vì hai con mà sống, tạm tin là ông cũng vì hai đứa con mà đến đây. Tôi với ông chỉ còn là hai người bạn, thế thôi.

— ! ! ! !

— Vợ trẻ của ông bỏ ông rồi phải không? Phải mà, qua đến đất này, anh già rồi, anh chưa có nghề nghiệp gì, anh hết tiền rồi, người ta bỏ anh chạy theo một kẻ trẻ hơn, giầu hơn, và đẹp trai hơn anh nhiều.

Lời đay nghiến khá nặng, Sanh cắn răng chịu. Chưa bao giờ Trâm dám nặng lời với chàng như vậy. Đó là sự thực không che đậy, Trâm đã nói toạc ra hộ chàng nỗi lo âu. Vân Anh bỏ chàng dễ như chơi. Hai tháng nay bụng chàng đã xệ lại xệ hơn vì bia, dưới cằm thêm lớp mỡ, mi mắt cụp thêm xuống. Đứng cạnh Vân Anh tươi mát, nhí nhảnh, tự chàng thấy không xứng nữa, đừng nói đi dung dăng dung dẻ ngoài phố. Phụ nữ Việt ở xứ này tuy vậy vẫn hiếm như sao buổi... trưa, phụ nữ đẹp hiếm như lá mùa... đông. Con chim lẳng lơ đó muốn bay đi lúc nào cũng được, chẳng có gì ràng buộc.

— Anh biết công của em lắm. Anh cũng chỉ mong được là bạn của em thôi. Hai đứa mau lớn không thể tưởng được, nhất là con Dung, nó xinh quá! Chàng đang áp dụng chiến thuật của quân sư Vân Anh. Ha! nàng mới đưa ra điều kiện tiên quyết, chưa chi địch đã phải chấp nhận nhanh chóng.

Trâm dường như thỏa mãn tự ái. Nàng dự trù sẽ có một cuộc đấu khẩu dữ dội, không ngờ mới chạm súng sơ, địch đã rút lui chiến thuật. Trâm ngắm kỹ Sanh, tù đầy, năm tháng chồng chất, tư thế biến đổi, nàng không nghĩ là nàng đã có hai đứa con với người đàn ông này.

— Tôi nói nhiều, mệt rồi. Anh uống cà phê đi, kẻo nguội. Tôi đi nghỉ, thằng Hùng sẽ ra nói chuyện với anh. Anh sẽ ngủ ở phòng nó, còn nó sẽ nằm túi ngủ ở phòng con Dung. Tôi ngủ phòng của tôi.

Trâm bỏ vào trong, mặc Sanh đứng lẻ loi, ngơ ngác. Chàng nhìn tranh ảnh ở phòng khách và phòng ăn. Không một dấu tích nào của chàng. Có ảnh của Trâm nghiêm trang trong chiếc áo dài đứng trước tòa Bạch Ốc. Có ảnh của Hùng đang chơi bóng bầu dục. Có ảnh của Dung bế một con gấu bông. Rồi ảnh ba mẹ con ôm nhau cười rất tươi. Chàng đã bị gạt ra ngoài ngôi nhà này từ lâu rồi. Chàng là người ngoài lề. Thằng Hùng bước ra, nó cao hơn Sanh nửa cái đầu:

— Con mừng ba đã đến Mỹ. Ba mập hơn hồi ở Sàigòn —

Giọng nó hơi cứng, nhưng đủ ngữ vựng và đủ văn phạm đối thoại với chàng.

— Ba biết không, má giận ba lắm đó. Má nói đáng lẽ không muốn gặp ba nữa, đáng lẽ không cho ba gặp chúng con nữa... nhưng vì...

Sanh chặn sự bùi ngùi bằng câu:

— Thôi nói chuyện về con và con Dung đi — Cậu nhỏ đang tuổi lớn, ồm ồm kể:

— Con đang học năm đầu đại học. Nó học lớp 9. Con học giỏi, con được học bổng. Còn nó luôn luôn đứng nhất lớp. Ba biết không, năm mới qua được bảo lãnh về bang này. Chẳng có ai, chẳng có họ hàng để giúp đỡ mẹ. Mẹ phải đi hái trái cây thêm vào tiền trợ cấp xã hội. Má nói phải làm để gửi quà về nuôi ba trong tù. Tay má xưng đỏ lên vì lạnh vì phải làm việc nhiều. Con thương má quá, muốn đi làm nhưng còn là con nít, họ không nhận. Lúc đó con Dung nhỏ xíu, hay khóc, hay bị bịnh nữa. Má khóc hoài à...

Chàng thấy nhói ở tim, nước mắt lưng tròng.

— Má rất mong ba sớm đoàn tụ để giúp má. Má bị sưng phổi vì làm việc ngoài ruộng. Từ khi biết được ba theo người khác ở đảo, má buồn lắm. Con nhỏ Dung lại phải thuê người trông coi. Con phải đi rửa chén để có thêm tiền. Má vừa gửi quà cho ba vừa để dành để mua cái nhà này, mới mua được một năm thôi. Con vẫn phải vừa học vừa làm. Sao ba kỳ vậy? Ba không thương má sao? Ba còn thương hai đứa chúng con không? Má nói ba tệ bạc lắm...

Cậu thanh niên không khóc, nhưng ba cậu nước mắt đầm đìa. Cậu ngạc nhiên, đây là lần đầu tiên trong đời, cậu thấy ba cậu khóc. Nó còn nhớ những năm xưa, không những không được bố hỏi han, chỉ bảo thêm bài vở, mà chỉ có la mắng. Nó còn nhớ có một lần bị la dữ dội vì chưa kịp chạy đi mua bia... Sanh cũng lấy làm lạ cho chính mình. Chàng khóc một lần khi còn là thiếu úy mới ra trường, khóc người bạn trẻ cùng khoá chết trận. Đây là lần thứ hai, chàng khóc. Sanh hỏi:

— Em con đâu ?

— Ba đừng nói chuyện với nó, nó không nói thạo tiếng Việt. Nó mới bảo con bằng tiếng Anh: Ông này kỳ lạ quá. Em không thích ông này. Ông ấy là ba của chúng mình thật à? Tại sao ông la to thế?

Sự vắng mặt bảy năm ròng, tinh thần trách nhiệm của Sanh, đã giải thích sự xa lạ này. Chàng hối hận vô chừng. Chàng đã làm gì để nuôi nấng chúng? Chàng không có công gì trong việc đem chúng qua đất nước này.

— Ba có biết tại sao má giận ba dữ vậy không? Ngay khi còn ở Việt nam kia?

— Ba không nhớ — Chàng lại nói dối một lần nữa.

— Ba chê mẹ xấu !!!

Dĩ vãng ùn về, phải, quá lâu thật nhưng chàng vẫn nhớ. Dạo đó, đang mê một gái nhảy ở Sàigòn, chàng chỉ ghé nhà trong chốc lát để sửa soạn áo quần. Hôm ấy Trâm quyết liệt không cho chàng đi, Sanh uống say như mọi lần và cứ đi. Trâm hỏi: Em hỏi anh, anh mê nó ở điểm nào. Bộ em xấu lắm sao, em không chiều anh, em hư hỏng lắm sao?

— Đúng! Em không hư, em rất chiều anh, nhưng em xấu... thật.

Không còn gì đau đớn hơn nhát dao đó. Tuy say nhưng Sanh biết đã quá nặng lời. Từ đó nàng thực hết yêu chàng, không khóc nữa, nuốt hận mặc chàng tự do.

Cậu thanh niên nói khá nhiều, rất thẳng thắn và rất đau cho ông bố. Đến giờ Hùng phải học tiếp, Hùng dặn chàng vài chi tiết về chỗ ngủ, phòng tắm, rồi đi vào.

*
* *

Còn một mình chàng ở phòng khách. Tất cả đều chìm vào sự yên lặng quá mức. Tiếng xe hơi vút chạy đâu đây xa thẳm. Sự dối trá của chàng còn nằm sờ sờ trên mặt bàn. Chắc chắn là chưa ai đi ngủ được, còn sớm quá. Chàng cô độc hoàn toàn. Con sẽ không phải là con nữa, vợ không còn là vợ nữa. Nàng đã có một đời sống khác, hoàn toàn khác. Tội lỗi hoàn toàn là của chàng. Chàng là thủ phạm, chàng còn muốn phạm tội nữa. Xấp thư kia nếu thiêu hủy đi, sẽ không còn một dấu tích gì của chàng ở căn nhà này. Xa nhau bảy năm dài, giờ đây chồng ngồi một nơi, vợ nằm một chỗ, rất gần và cũng rất xa.

Thế trận của nữ tham mưu trưởng Vân Anh rớt từng mảng. Còn phương cách gì cứu vãn chăng? Định gợi tình thương ở con, thì chính con lại làm cho bố khóc. Định đóng kịch, định mon men thì bị điều kiện tiên quyết đặt ra, đã phải chấp nhận xuôi xị. Ăn làm sao nói làm sao với người đẹp San hô thành? Cái đó mới rầy rà. Phải liều, đó là yếu tố của nhà binh. Không liều thì thua. Phải thu góp tàn quân, chỉnh đốn hàng ngũ để tấn công lần chót, thua được cho ngã ngũ. Phải bầy binh bố trận lại. Điều nghiên tình hình thì thấy: Trâm hình như đã nguôi giận, đã được ve vuốt tự ái. Vẫn cho cán bộ địch nằm dưỡng thương tại đơn vị, đã tạm ngưng tác xạ. Vẫn cho cán bộ địch ăn và uống... cà phê. Tướng địch cử một sỹ quan trẻ bắn tin, mở chiến dịch chiêu hồi đây chăng?

Phía ta, người đẹp bên miền Tây nắng ấm coi bộ năn chuyện học hành. Hai kẻ đi chung một cỗ xe, sản xuất từ năm cách đây... tám năm cà rịch cà tàng, hỏng lên hỏng xuống. Chiếc xe không

xứng với người đẹp chút nào. Chàng cựu chiến sĩ đã thấy ngán học điện tử, đầu óc thiếu tập trung trí nhớ mòn mỏi, kém nhanh nhẹn, học đâu quên đó. Nhiều kẻ lăm le muốn nhảy vào thay thế làm chủ vưu vật. Bằng cách nào cũng phải dắt túi bay về với một nghìn đô la là giá chót...

Trâm có cô đơn không, có trằn trọc không? Sao không nhỉ, bảy năm trong nhà không có bóng đàn ông. Giá lạnh cái... đêm đông trường... Qua báo cáo của thằng Hùng. Sanh đoán biết chưa có người khác phái bén mảng đến với Trâm. Dù sao thì cũng là nghĩa vợ chồng, quen hơi bén tiếng. Người ta vẫn ghét mà vẫn cho yêu, huống chi. Đàn bà ngoài mặt thì không, trong lòng thì có, miệng nói ghét nhưng lại là yêu. Cứ năn nỉ ỏi biết đâu địch sẽ đầu hàng, nhân đạo vứt cho dăm tờ giấy một trăm xanh. Chàng tin vào kinh nghiệm với phái nữ, tin vào khả năng tình dục của mình như một con gà trống lão luyện, sung sức.

Sanh quyết định gõ cửa phòng ngủ của Trâm.

Nàng hỏi vọng ra :

— Hùng hay Dung đó ?

Giọng Sanh như rên rỉ:

— Anh đây, Sanh đây. — Cánh cửa vẫn im lìm.

— Anh đã nghe thằng Hùng kể hết chuyện chưa? Anh muốn hỏi thêm gì nữa? Giọng nàng không hốt hoảng, trái lại đầy tự tin.

— Xin em mở cửa. Anh cần vào để được nói chuyện nhiều với em.

— Có gì để nói nữa đâu . Thôi ông Sanh, để sáng mai nói chuyện tiếp. Ông định ở đây đến ngày mai phải không?

Giọng chàng rên xiết như một anh chàng đau khổ vì tình thực sự:

— Anh xin em, em tha tội cho anh. Anh nhiều tội quá. Anh chỉ vào để xin lỗi em thôi — Chàng biết mình bị xuống giá quá thấp.

— Ông muốn vào cứ đẩy cửa vào, không khóa đâu.

Sanh mừng khấp khởi. Bước số 1 đã thành công, địch thủ mở rào kẽm gai cho ta lọt vào là địch sẽ thua.

— Anh đóng cửa lại, cửa này không có khóa, nhưng nên đóng lại, có nhiều chuyện không nên cho các con nghe. — Nàng ra lệnh, vẫn ngồi trên giường duỗi chân, lưng tựa gối cao:

— Ông ngồi ghế kia .

Mùi phấn, kem trên bàn thơm nhẹ nhàng. Trâm rất đàn bà trong chiếc áo ngủ mầu xanh rộng kín đáo. Một phòng ngủ nhỏ nhưng rất sạch và nhã nhặn. Đồ gỗ xinh xắn giản dị đồng mầu — thảm êm, ánh sáng dịu nhẹ. Tự nhiên Sanh thấy vợ mình đẹp hẳn lên. Ở đây khác hẳn với căn áp-pạc-măng chàng thuê bên bờ đại dương kia tại một khu bình dân, ồn ào, dơ bẩn, chật chội, bàn ghế

thì táp nham, luộm thuộm. Chàng đưa mắt tìm dấu tích của chàng trong phòng. À, có thể chứ kia rồi, ta có thể yên tâm tiến bước thứ hai. Một bức ảnh nhỏ chụp chàng trong bộ quân phục sinh viên sỹ quan còn măng sữa được đặt ở đầu giường. Lúc này, dưới mắt Sanh, Trâm hết là một mụ phù thủy ghê khiếp, hết là một con mẹ cán bộ khắt khe nữa mà là người chị nghiêm trang, bà chủ nhà chững chạc, lạnh lùng, một người vợ đang giận lẫy.

Trâm nhìn theo ánh mắt Sanh:

— Ông chớ hiểu lầm. Tôi để đó để nhớ hình bóng người quân nhân Việt nam lý tưởng của tôi. Tôi thương người lính vì cả dòng họ nhà tôi là lính. Giữa ông và tôi thật hết rồi. Đây là bức ảnh thằng Hùng mang theo được khi chạy lên được máy bay.

Sanh tưởng đây là lúc thuận tiện nhất. Chàng rời ghế quỳ xuống nắm lấy cổ tay nàng, cổ tay tròn, mềm hơn xưa. Trâm thở dài, lắc đầu chán nản, rút tay ra:

— Chậm quá rồi ông ơi. Ông đóng kịch khéo lắm.

— Em tha tội cho anh. Em thương hai đứa con là em thương anh. Chàng vẫn không khóc được. Nàng vẫn để cho Sanh ở tư thế xuống thấp đó.

— Hừm, ông quỳ trước mặt tôi, tôi không cần vậy đâu, nhưng ông nên quỳ để bù lại cái độc ác tinh thần gieo xuống đầu một người đàn bà.

— Em cho anh ở lại đây để chuộc lại lỗi lầm. Anh nhất định bỏ con nhỏ kia — Một lần nữa chàng lại nói dối, mắt ráo hoảnh.

— Ông bỏ nó hay nó bỏ ông? Muộn quá rồi. Ai bỏ ai tôi không cần biết, chuyện của mấy người. Bây giờ tôi chỉ biết có tôi thôi, tôi lo cho thân tôi, cho con cái. Sẽ chẳng có gì để nói chuyện nữa, nếu ông không nói chuyện tương lai của hai đứa.

Giọng nàng băng giá, chắc nịch. Như nhát dao chém vào lưng chàng, như ngọn roi vút vào gáy chàng. Khi người đàn bà đã hết yêu, tàn nhẫn lắm. Ta đánh giá tình hình địch sai rồi. Đã lỡ, ta cứ tấn công chớp nhoáng, ôm lấy chân địch, vuốt ve chân địch, rồi cánh tay địch. Địch sẽ thương hại ta, sẽ thở dài, ta sẽ tiến tới. Địch chỉ chống cự yếu ớt lấy lệ, sau đó mọi sự sẽ êm xuôi. Nhìn trộm lên mắt Trâm, Sanh ghê sợ tia lạnh lẽo. Chưa bao giờ chàng vụng về trước người đàn bà chàng định chinh phục như tối nay. Chàng dợm nắm lấy cổ chân Trâm thì nàng đã phản ứng thực nhanh đạp mạnh vào bàn tay chàng. Đồng thời một tay nàng chộp nhanh máy điện thoại để sẵn trên giường. Nàng nghiến rằng, giọng đầy đe dọa:

— Đừng giở trò gì thêm. Tôi tởm lắm rồi. Tôi ghê sợ ông lắm rồi. Khi ông bước vào nhà này tôi đã biết ông định dở trò gì rồi. Ông không xứng đáng làm ba hai đứa nữa, tuy nhiên theo luật pháp tôi vẫn đồng ý cho chúng nó đến thăm ông, nếu chúng còn

muốn gặp ông. Đừng bao giờ ông đến đây nữa — Nàng nhắm mắt, dấu hiệu chấm dứt câu chuyện, tay vẫn nắm điện thoại.

Nàng không đuổi chàng, nàng không bảo chàng đứng dậy. Nàng không nói gì nữa. Chàng cảm thấy vô duyên, kệch cỡm và tự xấu hổ. Không đợi Trâm ra lệnh, Sanh từ từ đứng dậy quay lưng, ê chề bước ra khỏi cửa phòng.

*
* *

Sáng hôm sau, không đủ can đảm ngỏ lời từ biệt Trâm, không nhìn lại hai khuôn mặt Hùng và Dung, chàng xách va-ly, kêu tắc-xi ra phi trường Dulles. Trong khi chờ xe, chàng tình cờ thấy sân bên trong, đậu chễm chệ hai chiếc xe hơi kiểu nhỏ, không đắt tiền nhưng sạch bóng.

Chàng ngậm thơ khinh địch, chủ quan quá. Kế hoạch của quân sư Vân Anh chỉ là chiến thuật sơ đẳng, không thể so sánh với chiến lược cao cường của Arlington. Chàng đã từng chỉ huy năm trăm lính, đã bị thua đậm ở quê nhà. Bây giờ, ở đây chàng lại thua đau, nhục nhã, một trận không có súng đạn. Chàng bỏ luôn chương trình đi thăm thủ đô Hoa Thịnh Đốn nơi có nhiều công viên, nhiều bức tượng nổi tiếng. Chàng ước ao từ lâu được thăm nghĩa trang quốc gia đó có ngọn lửa vĩnh cữu của John F. Kennedy, tượng chiến thắng của thủy quân lục chiến ở Okinawa. Chàng thất hẹn với bạn bè.

Đến lúc này Sanh mới hiểu là Trâm rất thâm. Bắt chàng qua tận bên này để nghe sỉ vả, để quỳ gối xin tha tội, và ra về nàng cũng không cho một xu. Sanh cúi đầu, tự an ủi: Thôi thì cái nghiệp của mình đã như vậy, gieo gió thì gặt bão và chàng thấm thía. Chàng đã *đại bại mùa thu*. Chàng thầm nhớ lại câu bông đùa của một bạn tù cải tạo nhái điệp khúc tuyên truyền của địch: "Càng đánh càng thua, đánh đâu thua đó, đánh lớn thua lớn, đánh nhỏ thua nhỏ, không đánh vẫn cứ thua". Chàng cũng tả tơi, không còn manh giáp.

Diệu Tần
22-1-87

Phạm Duy
Nhạc Tình.

Thời kỳ phát triển
Văn Cao

Thuở còn nhỏ, tôi rất yêu một bài thơ Pháp, thường được người đời gọi là Sonnet d'Arvers. Tôi chỉ còn nhớ hai câu tiếng Pháp như sau:

Mon coeur a son secret ma vie a ses mystères
Toujours à ses côtés et pourtant solitaire...

Nhà văn Khái Hưng đã dịch bài thơ đó một cách tuyệt vời:

Lòng ta chôn một khối tình
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu
Tình tuyệt vọng nỗi thảm sầu
Mà người gieo thảm như hầu không hay
Hỡi ôi người đó ta đây !
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân
Dẫu ta đi trọn đường trần
Chuyện riêng không dễ một lần hé môi
Người dù ngọc thốt hoa cười
Nhìn ta như thể nhìn người không quen
Đường đời lặng lẽ bước tiên
Ngờ đâu chân đạp lên trên mối tình
Một niềm tiết liệt đoan trinh
Xem thơ nào biết có mình ở trong
Lạnh lùng lòng lại hỏi lòng
Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây ?

Thi sĩ D'Arvers yêu một người đẹp mà thi sĩ gặp gỡ hằng ngày

nhưng không bao giờ chàng dám tỏ tình với người mình yêu cả! Chàng giữ kín mối tình câm đó suốt đời mình, và nghĩ rằng sẽ có một ngày, người đẹp đó đọc bài thơ này, rồi bâng khuâng tự hỏi: *ai là người đã được mô tả trong mấy dòng thơ đây?*

Vào những năm đầu của thập niên 40, cũng như một số các nhạc sĩ trẻ khác vừa bước vào con đường nhạc tình, tôi đã bị ảnh hưởng **bài thơ tình câm lặng** của thi sĩ D'Arvers đó cho nên tôi đã có vài bài **tình ca ấp úng** như bài CÔ HÁI MƠ, trong đó tôi mang số phận của Nguyễn Bính để tỏ tình với người đẹp mà chẳng được cô ta *trả lời chúng tôi lấy một lời!* Hoặc như bài CÂY ĐÀN BỎ QUÊN trong đó, cũng giống như anh Trương Chi/Văn Cao sau này, tôi bâng khuâng tự hỏi *người đẹp yêu tôi hay chỉ yêu tiếng đàn của tôi mà thôi?* Nhưng nếu như thi sĩ D'Arvers còn có một người đẹp để yêu vụng nhớ thầm và làm thơ thì lũ nhạc sĩ trẻ và nhát gái như chúng tôi lại chẳng có ai để mà soạn nhạc tình dâng hiến! **Chúng tôi toàn soạn nhạc tình cho người tình tưởng tượng!** Tôi không biết các ông tổ sư của loại nhạc tình trong Tân Nhạc Việt Nam như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh hay Lê Thương... khi soạn ra những bản tình ca bất hủ mà ai nấy đều biết, đều hát thì có một người yêu bằng xương bằng thịt nào ở bên cạnh quý vị đó hay không? Nhưng có một điều mà tôi biết rất ư là chắc chắn là: vào năm 1945, khi cùng soạn hai bài nhạc tình **Suối Mơ** và **Bến Xuân** thì Văn Cao và tôi đã tưởng tượng ra những cảnh:

Từng hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối...
Nghe suối róc rách trôi, hoa lừng hương gió ngát
Đàn nai đùa trong khóm lá vàng tươi...
.....
Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước,
Em đến tôi một lần,
Bao lũ chim rừng họp đàn họp đàn trên khắp bến xuân...

Thực ra thì **chẳng có em nào** đến với chúng tôi cả! Tuy rằng người tình mà chúng tôi tưởng tượng ra, có đôi *mắt như dáng thuyền soi nước...* với *tà áo em rung theo gió nhẹ thẹn thùng...* cũng cho nhạc tình Việt Nam một vài cảnh đẹp như *liễu dương hơ tóc vàng trong nắng...* khiến cho *du khách,* sau khi *gột áo phong sương* trở về bến cũ, nhớ người tình xưa... còn ngại ngùng nhìn bến xuân.

Chao ôi là tưởng tượng !

Nếu có dịp nào chúng ta đi tìm nhạc tình trong lịch sử thi ca và âm nhạc cổ truyền Việt Nam, chúng ta sẽ ngạc nhiên vì hiếm thấy có những bài thơ hay những bài hát nói đến tình yêu trai gái. Có lẽ trong dĩ vãng có Ông cụ họ Khổng đã kê sẵn một cái bàn trong con tim và khối óc các tình nhân cổ xưa để kiểm duyệt nhạc tình một

cách hơi khắt khe chăng? Trữ tình đến như HÁT QUAN HỌ thì cũng chỉ dám nói đến chuyện *nắm cổ tay không cho người yêu ra về!* Hoặc vui mừng như trong HÁT GIAO DUYÊN thì cũng vẫn cứ chỉ là **nắm cổ tay:**

Gặp nhau đây
Nắm tay cho chặt
Anh hỏi nàng
Có thật yêu không ?

Hay buồn rầu như trong HÁT VÍ, vì **không nắm được cổ tay:**

Cổ tay em trắng như ngà
Đôi mắt em sắc như là dao cau
.....
Đôi ta gian díu bấy lâu
Biết rằng có lấy được nhau mà chờ ?

Phải đợi cho tới khi TÂN NHẠC ra đời vào những năm cuối 30 và đầu 40 thì chúng ta mới có được một loại **nhạc tình lãng mạn** đầu tiên của người Việt Nam do các người tình tiền phong của thời đại như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Lê Thương, Văn Chung, Lê Yên, Dzoãn Mẫn... tung ra! Tất cả những bản nhạc tình đó, cũng giống như nền THƠ MỚI Việt Nam lúc bấy giờ, đã có phần nào bị ảnh hưởng văn chương và thi ca lãng mạn Pháp. Cụ thể mà nói thì những bài thơ như Sonnet D'Arvers đã ảnh hưởng tới lũ chúng tôi, những người viết nhạc tình đầu tiên của Việt Nam theo lãng mạn tính của cá nhân chủ nghĩa trong thi-văn Pháp. Tuy nhiên, loại nhạc tình lãng mạn đó chỉ có thể được gọi là đạt tới độ hoàn mỹ khi nó được phát xuất ra từ một con người tài hoa bậc nhất của giới nghệ sĩ trẻ lúc bấy giờ. Người đó là Văn Cao!

*
* *

Chẳng khác chi lớp nghệ sĩ trẻ tuổi và lãng mạn vào lúc đó, Văn Cao cũng bị mùa Thu ám ảnh! Những bản nhạc tình lãng mạn đầu tiên của ông đều nói tới mùa Thu. Những bài như THU CÔ LIÊU, BUỒN TÀN THU thì lại còn pha trộn thêm cái buồn của Đông Phương:

Thu Cô Liêu

(trích đoạn)

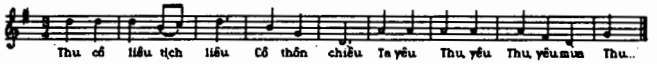

Lời ca nghe như một câu thơ Đường:

Thu cô liêu tịch liêu,
Cô thôn chiều...

Ta yêu thu yêu Thu yêu Mùa Thu !

Nhạc điệu thì theo nhạc **chủ thể** Tây Phương (musique tonale) với những **áp-âm** (notes sensibles) làm cho nét nhạt có nhiều cảm tính. Rồi cũng với nhạc thuật này, Văn Cao soạn thêm bài CUNG ĐÀN XƯA, **lần này thì nói tới mùa Xuân nhưng lại là một mùa Xuân đã tàn, đã chết:**

Cung đàn xưa

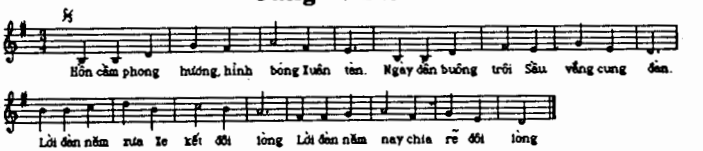

Tuy chỉ là một bài hát ngắn, nhưng Văn Cao cũng chia CUNG ĐÀN XƯA ra 4 đoạn rõ ràng. Đoạn đầu nói tới cung đàn năm xưa với một âm giai SOL trưởng và một nhịp valse như trong bài THU CÔ LIÊU:

Hồn cầm phong hương
Hình bóng Xuân tàn
Ngày dần buông trôi
Sầu vắng cung đàn.
Lời đàn năm xưa
Xe kết đôi lòng
Lời đàn năm nay
Chia rẽ đôi lòng...

Đoạn 2 nói tới cung Thương, cung Nam nghĩa là những cung đàn ai oán ở trong âm nhạc cổ xưa, những chủ đề mà Lê Thương, Phạm Duy cũng đều có nói tới qua những bài như TIẾNG ĐÀN XUÂN, KHỐI TÌNH TRƯƠNG CHI:

Cung Thương là tiếng đàn
Cung Nam là tiếng người
Ai oán khúc ca cầm chìm rơi
Tình duyên lãng đãng nhớ thương dần pha phôi!

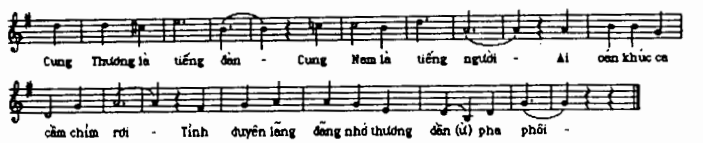

Sau khi đã đổi nhịp trong đoạn 2, với đoạn 3, Văn Cao chuyển qua một nhịp điệu khác, nói tới sự buồn rầu trong cung đàn xưa:

Cung đàn ngân

Buồn xa vắng trong tiếng thầm
Buồn tê tái trong tiếng ngân
Buồn như lúc Xuân sắp tàn
Ôi đàn xưa !
Còn vang nhắc chi đến người ?
Lòng ta tắt bao thắm tươi
U hoài duyên đưa...

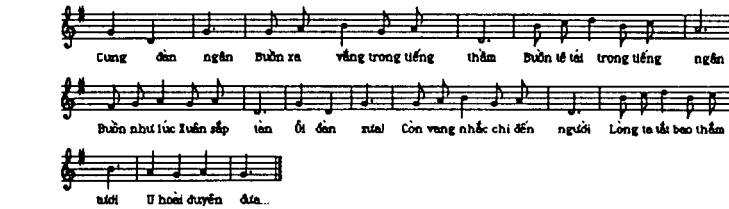

Thì ra tất cả ba đoạn nói tới một **cung đàn xưa** đó chỉ muốn nhắc tới một người mà Văn Cao diễn tả một cách tuyệt mỹ, **một người tình tưởng tượng** có đôi mắt giữ lại mùa Xuân, có đôi chân đi tới đâu hoa nở tới đó, có thâm hình thơm hương, có tiếng nói khơi dậy thương yêu... khiến cho hiện thân của anh Trương Chi là Văn Cao đó, bây giờ đã phải cất lên tiếng đàn giao hoan và dệt nên không biết bao nhiêu là mộng mị:

Chiều năm xưa
Gót hài khai hoa
Mắt huyền lưu Xuân
Dáng hồng thơm hương...
Chiều năm nay
Tiếng người khơi thương
Tiếng đàn giao hoan
Giấc mộng chàng Trương !

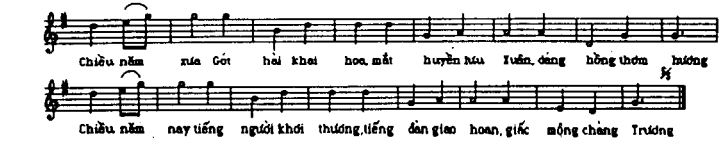

Bài hát sẽ trở lại ĐOẠN ĐẦU để hết...

*
* *

Tôi muốn nhắc tới hai bài hát THU CÔ LIÊU, CUNG ĐÀN XƯA này là vì, đáng tiếc thay, rất ít người biết tới những bản nhạc tình đầu tay của Văn Cao, trong đó ta đã thấy manh nha những hình ảnh, những ý tình, những cái đẹp mà Văn Cao sẽ phát triển tột độ

trong hai bài ca bất hủ là THIÊN THAI và TRƯƠNG CHI. Những cô hái mơ, cô bán hoa, cô hàng nước, cô lái đò, cô láng giềng... mà ta thấy xuất hiện trong các bản nhạc tình thuở đó, ôi sao mà ta thấy các cô quá tầm thường so với người tình có **gót hài khai hoa,** có **mắt huyền lưu Xuân,** có **dáng hồng thơm hương...** như trong bản CUNG ĐÀN XƯA của Văn Cao! Chỉ cần có 12 chữ, và dù chỉ để xưng tụng một người tình tưởng tượng mà thôi, Văn Cao đã đưa bản nhạc tình trong năm 1943 này lên tới đỉnh cao nhất của những bài ca ái tình. Sau này, để xưng tụng một người tình có thực và cũng là một cách để tưởng nhớ người bạn thuở thiếu thời Văn Cao, tôi có hát ở trong bài ĐƯỜNG EM ĐI:

Đường em có đi
Hằng đêm bước qua
Nở những đóa hoa ôi dị kỳ...
Đường êm có khi
Chờ em bước qua
Chờ em bước qua
Là nghiêng giấc mơ ước thề !

Ở đây tôi còn muốn nói lên một điều: từ những bài THU CÔ LIÊU, CUNG ĐÀN XƯA cho tới những bài SUỐI MƠ, BẾN XUÂN (và cả trong bài CHIẾN SĨ HẢI QUÂN nữa), nghĩa là trong thời gian từ 1943 cho tới 1945, bên cạnh Văn Cao và tôi còn có một người bạn tên là Đỗ Hữu Ích đã đóng góp rất nhiều tài năng về phần soạn lời ca cho những bài đó. Đỗ Hữu Ích còn sửa một đoạn lời ca của bài XUẤT QUÂN của tôi nữa... Anh này có một cô em gái rất đẹp tên là Yến, làm cho tôi ngây ngất và tôi tin rằng chắc chắn Văn Cao cũng phải mê! Nhưng, như đã nói ở trên, hồi đó, chúng tôi còn nhát gái kinh khủng và chẳng đứa nào dám tỏ tình với Yến cả! Vả lại, khi kết bạn với Văn Cao ở Hải Phòng vào năm 1944 thì tôi cũng đã sống với nghề thư ký và ca sĩ trong gánh hát ĐỨC HUY rồi. Tôi đang có một người tình là cô đào nhất của gánh hát cho nên cũng lười và không muốn "tấn công" ai cả! Nhưng theo chỗ tôi biết thì Văn Cao lúc đó rất là cô độc, không có một thứ nhân tình, nhân ngãi nào ở bên cạnh anh! Chàng nhạc sĩ lúc còn trẻ này cứ bị mặc cảm là không được đẹp trai cho lắm và ít khi chịu đi theo tôi trong những cuộc chơi! Tôi ngờ rằng những bản nhạc tình đầu tiên của Văn Cao soạn ra có thể là mối tình câm lặng đối với Đỗ Thị Yến lắm!

*
* *

Sau hai bài THU CÔ LIÊU và CUNG ĐÀN XƯA mà ít người biết tới, Văn Cao soạn SUỐI MƠ và BẾN XUÂN. Lúc đó, tôi cũng vừa ở Mặt Trận Kháng Chiến Miền Nam trở ra Hà Nội và là người đầu tiên hát hai bài này. Nếu đem so sánh với những bản nhạc tình của

thời đó thì hai bài SUỐI MƠ với BẾN XUÂN là cực điểm của **lãng mạn tính** trong ca nhạc. Lúc đó, các nhạc sĩ khác còn đang luẩn quẩn trong cách xếp đặt chữ nghĩa trong ca khúc thì Văn Cao đã viết hẳn ra một **bài thơ bên suối:**

Suối mơ !
Bên rừng Thu vắng
Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng...
Ngày chưa đi sao gió vương ?
Bờ xanh ngất bóng đôi cây thùy dương...

Suối mơ

Văn Cao/ Phạm Duy

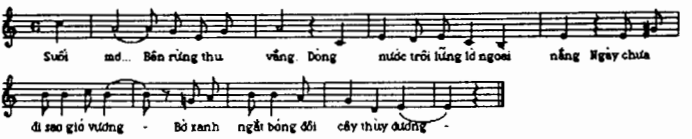

Sau này người ta gọi nó là SUỐI MƠ, nhưng thực sự nó mang cái tên là BÀI THƠ BÊN SUỐI. Trong lúc tình ca của Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Lê Thương còn vướng víu nhiều hình tượng cổ điển thì Văn cao, với sự trợ giúp của Đỗ Hữu Ích và tôi đã đưa ra những hình ảnh mới trong nhạc tình:

Suối ơi !
Ôi nguồn yêu mến
Còn ghi khi bóng ai tìm đến !
Đàn ai nắn buông lưu luyến
Suối hát theo đôi chim quyên...

Cái mới trong hình ảnh, cái mới trong tương quan giữa cảnh và người đưa ra trong nội dung, cái mới cả trong nhạc điệu... Sau hai lần mô tả con suối đẹp trong rừng Thu với nhạc đề 1, Văn Cao chuyển qua nhạc đề 2 để hẹn hò với người yêu *cùng xây nhà bên suối,* cùng *nghe suối róc rách trôi,* cùng ngửi mùi *hoa lừng hương gió ngát...* và cũng không quên cái cảnh *đàn nai đùa trong khóm lá vàng rơi!* Bài hát chật chội hình tượng mùa Thu yêu đương!

Rồi ca khúc chuyển nhẹ qua giọng majeure để nhắc nhở tới chuyện xa nhau giữa hai người tình:

Tơ đàn chùng theo với tháng năm
Rừng còn nhớ tới người.
Trong chiều nào giữa chốn đây
Hồn cầm lắng tiếng đời...

Cuối cùng, nhạc đề 1 trở lại với kết luận là con suối trong rừng Thu sẽ buồn muôn thuở là vì còn lưu luyến hương vị tình yêu của chúng ta:

Suối ơi !
Nghe rừng heo hút...
Dòng êm đưa lá khô già trút
Còn như lưu hương yêu dấu
Với suối xưa trôi nơi đâu ?

*
* *

Cũng với nhạc thuật tương tự, Văn Cao và chúng tôi đưa ra bài BẾN XUÂN. Cũng vẫn mô tả cảnh xây nhà với người yêu nhưng ở đây không còn là nhà bên suối trong rừng mùa Thu mà là nhà bên cạnh một bến nước trong một mùa Xuân... Cũng có chim đùa rỡn với hai người tình nhưng ở đây loài chim còn có cả một vùng chân trời góc biển cao rộng, để tung cánh bay đi thành đàn chim Việt.

Bến Xuân

Văn Cao/ Phạm Duy

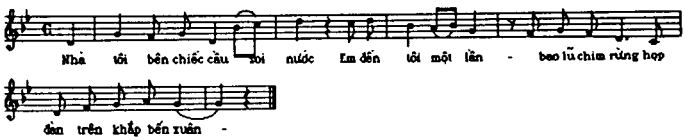

Người tình trong BẾN XUÂN rõ nét hơn. Mối tình nơi bến nước lâu dài hơn. SUỐI MƠ là một khung cảnh. BẾN XUÂN là một câu chuyện:

Tới đây chân bước cùng ngập ngừng
Mắt em như dáng thuyền soi nước...
.....
Tới đây mây núi đồi chập chùng
Liễu dương hơ tóc vàng trong nắng...

Trích đoạn Bến Xuân

Văn Cao/ Phạm Duy

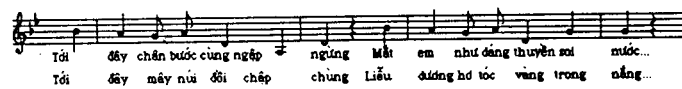

Dù cả hai bài tình ca này đều được xây dựng trên hệ thống âm giai Tây Phương nhưng nó đều có những **âm hình** rất Việt Nam, ví dụ nét nhạc SI LA SOL LA RE trong đoạn nhạc trích dẫn kể trên, nghe như một nét nhạc Việt điệu Nam hơi oán.

Trong cả hai bài nhạc tình về mùa Thu và mùa Xuân này, bao

giờ nét nhạc mineure mở đầu cũng rất là lâng lâng rồi cũng sẽ chuyển qua một nét nhạc majeure ngắn để diễn tả một niềm vui thoáng qua. Hình ảnh người tình trong cả hai bài hát này đều rất là lộng lẫy, cao sang... Tình cảm của cả hai bài nhạc tình đều không dìm con người vào cõi u tối, trái lại làm cho người nghe thấy nguôi ngoai, sảng khoái...

Sau hơn 30 năm, bây giờ nhìn vào bản nhạc này, tôi vẫn thấy như mình còn đang đứng ở trên một bến nước nào đó của tuổi Xuân xa xưa... nhìn những cánh buồm nâu trên sóng và nghe những tiếng chim ca lưu luyến cuộc tình vừa qua của một đôi lứa...

Sương mênh mông che lấp kín non xanh
Ôi cánh buồm nâu còn trên lớp sóng xuân!
Ai tha hương nghe riu rít oanh ca
Cánh nhạn vào mây thiết tha
Lưu luyến tình vừa qua...

Bến Xuân

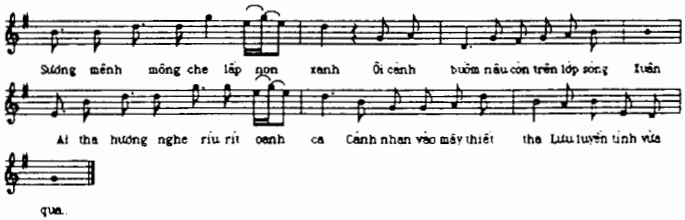

Văn Cao tài hoa như thế mà tiếc thay, ông chỉ soạn có năm hay sáu bản nhạc tình trong đó có hai bài ca vĩ đại là THIÊN THAI và TRƯƠNG CHI. Bài BUỒN TÀN THU thì không có giá trị nghệ thuật cao như những bài tôi vừa kể, nhưng vì nó được hát lên rất nhiều lần trên sân khấu gánh hát rong và trên Đài Phát Thanh Saigon trong những năm 44-45 là lúc TÂN NHẠC còn mới phôi thai, cho nên nó được nhiều người biết tới.

Nhưng những bài tình ca nhỏ nhặt đó sẽ bị mờ đi khi THIÊN THAI và TRƯƠNG CHI ra đời. Với tài năng đã đến độ chín mùi, Văn Cao sẽ dắt chúng ta lên tới đỉnh cao nhất của ái tình cũng như sẽ đưa ta vào cõi sâu thẳm nhất của khổ đau với hai câu truyện cổ dân gian biến thành hai bản tình ca muôn thuở.

Kỳ tới: THIÊN THAI và TRƯƠNG CHI.

Bùi Vĩnh Phúc

thanh tâm tuyền, người thi sĩ ấy.

*M*ột buổi chiều, một buổi chiều nào đó, như tất cả những buổi chiều ta đã lang thang trên xứ lạ, như tất cả những buổi chiều mặt trời rơi xuống xoáy buồn vào trái tim, ta nhìn đời sống mình bốc khói. Khói cay ngun ngún cháy đi tất cả những ngày đã qua, cháy đi những mộng tưởng cũ kỹ, những hè đường đầy lá úa ướt át, những dòng sông thở mùi gỗ mục. Đời đã ngun ngún cháy đi những giây phút hạnh phúc đẹp đẽ và mơ mộng nhất của ta, cháy đi những cửa sổ mở tung nhìn con chim bay trên trời, những ngõ hẹp cất giấu bóng chiều âm ỉ, và khuôn mặt em, khuôn mặt ướt mưa mà hai bàn tay ta đã nâng niu như một cánh hoa gần. Trong mắt em ta nhìn thấy ngoài trời kia cơn mưa chụp xuống giăng kín buổi chiều. Em chớp mi, và bầu trời phủ đầy bóng tối. Một bóng tối thơm ngát mùi hoa chanh.

Một buổi chiều, một buổi chiều nào đó, giam mình giữa dòng xe cộ trùng điệp của giờ tan sở, để chiếc xe tự động lăn theo dòng nối tiếp mệt nhoài, tâm tư ta lại nhớ về những buổi chiều cũ ở quê nhà. Những buổi chiều đã ngun ngún bay đi. Bay đi như khói thuốc, như hương khói mùa xưa. Những buổi chiều trời thấp mãi tiếng mưa sầu. *Làm thế nào để quên được nhau. Hạt mưa kia long lanh nỗi nhớ niềm từ biệt, hoàng hôn bàng hoàng màu khói nhạt...*

Ta chợt nhớ đến người thi sĩ ấy. Thanh Tâm Tuyền. Bây giờ, ông đang nuôi những cơn mộng nào. Ông đã sống như thế nào giữa lòng quê nhà mưa bay gió thổi. Ông nhìn ngắm như thế nào những con đường, những buổi chiều, những băng đá, những dòng sông, những thành phố ngày xưa. Trời thì còn mưa, mưa mãi. Mưa rơi ướt những hoài vọng, những ước mơ, và bóng tối như

đang đổ xuống không cùng. Ta muốn bật một que diêm để cùng Thanh Tâm Tuyền nhìn lại những buổi chiều cũ, có hơi ấm ngày xưa.

Buổi chiều vào chật khoang xe. Đèn thắp lên
Tiếng máy nổ bỗng thành tiếng cười dài
Mưa xuống bên ngoài, ngoài cửa sổ. Những bàn tay níu lấy vòng sắt lạnh
Mỗi ngày chúng ta đứng bên nhau không quen nhau
Thân mật ngó lên mái tóc rối nền trời khuya
Ngó vào mắt hoang xa dòng sông không bờ
.....
Chuyến xe buýt chạy trong buổi chiều. Trời mưa, mưa ngoài châu thành.
Không tìm thấy bến không đỗ lại
Vai áo đã ướt đầy
Tóc em rét mướt
Một ngày mới bắt đầu với tờ báo phát hành sớm gói trên tay.
Xe còn chạy mưa hoài dòng sông hoang mắt bỏ cố níu lấy cửa xe...

(Một chỗ trên ô-tô-buýt)

Que diêm đã bật lên rồi đó, chúng ta có ngửi thấy hơi ấm quê nhà? Ôi, một chiều mưa, mưa rơi ngoài châu thành, chiếc xe buýt xanh chạy vào trái tim, dòng sông và những chấm mưa lổ đổ, buổi chiều xanh lơ màu sương khói, vai áo em mềm ướt hồng da thịt, vùng tóc rối rét đầy. Em hiền, em hiền như bánh không men, như ngọn tháp giáo đường ngoài xa kia vươn lên như một búp nến. Hơi lửa nhỏ nhẹ cháy vào lòng ta rét mướt. Xe chạy hoài dòng sông nuối mắt. Búp nến buồn hiu hắt những hơi mưa. Sợi tóc quệt ngang vành môi theo đường bay của gió. Những con chim bay vào cõi sa mù.

*
* *

Tôi muốn viết về Thanh Tâm Tuyền như ông vẫn còn đang đứng ở đó, bên một cây cầu hay một dòng sông, tay sờ lên đường viền của những vòng sắt lạnh. Tôi muốn viết về ông như viết về những kỷ niệm của mỗi một chúng ta. Tôi không nghĩ là thơ ông đã tạo được những rung động trong đông đảo quần chúng hay được tất cả những người thưởng ngoạn, những người làm văn nghệ thời đó nhất trí chấp nhận như một giá trị hiển nhiên. Thanh Tâm Tuyền, và một vài người khác cùng thời với ông, đã có công giới thiệu và làm bùng nở một dòng thơ tự do đầy sức sống trong một giai đoạn phát triển của văn học miền Nam. Trong cái nhiệt tình thắp lửa đó, có những lúc có thể là ông đã phát biểu cái tiếng nói

thơ, chuyên chở tâm tình và sự suy tư của ông, ở những cung bậc quá khác lạ với những âm điệu vẫn được những người khác, những người cùng sống ở một thời đại với ông, thường dùng.

Thanh Tâm Tuyền đã được yêu thương, ca tụng cũng như đã bị lên án và chối bỏ trong những năm ông bám lấy thơ, coi thơ như một cung cách sống, một nỗ lực để có thể sống cái đời sống của mình một cách trọn vẹn. Ngoài một số những bài thơ làm sau giai đoạn 64, chưa được in thành tập, những bài thơ tiêu biểu nhất của ông, làm trong những giai đoạn trước đó, đã được ông thu góp trong hai thi tập *Tôi không còn cô độc* (1955) và *Liên đêm mặt trời tìm thấy* (1964). Hai tập thơ đã trình bày trước độc giả con người của Thanh Tâm Tuyền một cách khá rõ nét. Kiêu căng, ngạo mạn, lạnh lùng, cô độc, cô đơn, cô lữ, lãng mạn, tha thiết, dằn vặt, yêu thương, khô khan, bùng cháy, mệt mỏi, hoài nghi, thất vọng, siêu hình, trong sáng, rắc rối, phức tạp, xót xa, phẫn nộ... Đó là một số từ chúng ta có thể dùng để nói về thơ Thanh Tâm Tuyền, về Thanh Tâm Tuyền. Ông đã sống thiết tha và vũ bão như vậy. Có những lúc ông cũng đã cảm thấy mệt mỏi, và hoài nghi, và thất vọng, nhưng trong tất cả những trạng thái sống đó, tôi chưa từng thấy ông sợ sệt.

Như con sư tử và như đứa trẻ thơ (đúng, Thanh Tâm Tuyền cũng có đôi khi như thế) của Nietzsche, Thanh Tâm Tuyền đi vào đời sống với tất cả những say đắm, yêu thương, thơ dại và phẫn nộ chất chứa trong hồn ông. Ông đã được yêu ghét thế nào, chúng ta chắc chẳng cần nhắc lại. Hãy chỉ nhớ là, bây giờ, Thanh Tâm Tuyền vẫn đang ở tại quê nhà, vẫn còn canh giữ cho ta những giấc mộng cũ (hỡi những người ở phía bên kia, các anh chẳng đã từng có những giấc mộng đấy sao, những giấc mộng chết người, những giấc mộng đầy mùi nấm độc), và những bài thơ của ông, lang thang ở những xó góc tối tăm nào đó của đời sống, của trí óc ta, lâu lâu vẫn còn khua gõ những bước chân âm thầm trở về. Và ta lại nhìn ra những bóng mưa của thời gian cũ, những dòng sông vẫn chảy lặng lẽ, mưa vẫn rơi, mưa rơi nhỏ nhẹ, mưa rơi ngoài châu thành. Trái tim ta ướt đẫm nước mắt...

Anh ngắm hai bàn tay anh nhớ tàn lá về chiều
Khóc thờ ơ ngoài không trung.

*
* *

Đọc lại những bài thơ Thanh Tâm Tuyền, tôi thấy mình yêu và gần ông ở những bài, những đoạn, những ý ông nói về tình yêu. Thật ra, bài nào của Thanh Tâm Tuyền lại không có tình yêu trong chúng. Tình yêu giữa người nam và người nữ. Tình yêu mến thiên nhiên, yêu thương con người nói chung. Tình yêu giữa ánh sáng và

bóng tối, tình yêu đồng loại bị dồn nén bởi sự tàn ác, bất công và nước mắt — nổ bùng ra thành sự phẫn nộ. Tình yêu làm Thanh Tâm Tuyền trở nên lãng mạn, và đau khổ, nhục nhằn. Tình yêu xót xa hòa chung với sự đau khổ vì nỗi đời, vì mệnh nước.

Nói như thế, có nghĩa là tôi gần như yêu hết tất cả những bài thơ của Thanh Tâm Tuyền, vì có thể nói bài thơ nào của ông mà lại không chứa đựng tình yêu, tôi lại muốn nói một lần nữa như vậy. Dù sao, có những bài thơ trong đó ông đã đưa vào quá nhiều những hình ảnh, những tư tưởng siêu hình, và những điều đó, theo ý tôi, làm bài thơ ông mất bớt đi sự lôi cuốn. Điều tôi đang nói đây có thể là một điều kỳ lạ đối với một số người yêu thích Thanh Tâm Tuyền và nghĩ rằng thơ ông chủ ở chỗ siêu thực, như thơ của những Paul Eluard, Breton, Aragon, Rimbaud, Lautréamont... Thật sự, nói chung, thơ Thanh Tâm Tuyền đúng là rất gần với thơ của những nhà thơ trong trường phái siêu thực của Pháp; nhưng trong thơ của ông, những bài nào mà cảm tính và lý tính được diễn ra ở một mức độ cân bằng, hoặc nghiêng nhiều hơn về phía cảm tính, lại cuốn hút tôi hơn. Những bài quá nghiêng về lý tính không mời gọi tôi trở lại với chúng nhiều lần như những bài kia. Như vậy, có phải tôi là con người nghiêng nhiều về cảm tính? Tôi cũng không rõ. Nhưng nếu tôi là một mẫu người thích để cảm tính ngự trị, chắc tôi đã không chọn con đường đi vào phân tích, lý luận hay phê bình. Có lẽ, cuối cùng tôi đã nghĩ, không biết có phải là một sự bất công đối với Thanh Tâm Tuyền không, là những bài thơ quá nghiêng về lý tính của Thanh Tâm Tuyền, những bài thơ có vẻ quá sức siêu thực hay siêu hình của ông, làm cho tôi thấy ông bớt đi sự tự nhiên, tự tại của mình (1). Những bài thơ ấy che giấu ông lại, thay vì mở ông ra, với nụ cười tiếng khóc, với sự xót xa thương yêu, dằn vặt, phẫn nộ... của ông. Chính những điều ấy làm Thanh Tâm Tuyền gần gũi chúng ta hơn.

Hãy đọc ít đoạn thơ cũ của Thanh Tâm Tuyền, *những lời thơ rất cũ gõ cửa trái tim nàng* kia, để thấy lại bóng dáng của tình yêu, sự dịu dàng của bóng tối, những xót xa, đau khổ của nỗi đời, mệnh nước đan kín lấy nhau.

Hỡi Liên những Liên và Liên
Anh muốn nghe một bài hát buồn — lời anh không thành điệu — muốn nghe một bản hát buồn. Thí dụ. Trưa nắng giữa ngã năm ngã sáu có chợ có ga, đường tàu mải miết. Bóng tối lặng thinh em hát lên làm sao mà chịu đựng, hoa lá chia sầu. Một góc bàn anh hôn màu gỗ trống.
Hỡi Liên những Liên và Liên
Chẳng là anh ngông cuồng kiếm tìm tổ quốc vậy em biết không. Mà tổ quốc ngàn đời nín thở vì trời thì xanh mà khổ

đau nói sao cho hết. Chẳng là anh chót yêu em vậy em biết không? Mà khi yêu nhau, trong những đêm sao hằng hà, làm thế nào để quên được nhau...

(Nói về dĩ vãng)

Đôi khi, ở nơi đất lạ này, *trưa nắng giữa ngã năm ngã sáu có chợ có ga, đường tàu mải miết,* tôi chợt rưng rưng nhớ nhà. *Tổ quốc ngàn đời nín thở vì trời thì xanh mà khổ đau nói sao cho hết.* Người thi sĩ ấy đã cảm ra những điều xót xa bàng hoàng này từ những ngày xưa. Sự bén nhạy của người thi sĩ đã khiến cho chàng ta được gọi tên như những nhà tiên tri thấu thị. Những nhà tiên tri này lên tiếng báo trước định mệnh của con người. Định mệnh có thể mang hình một cây thập tự nhưng cũng có thể là sự phục sinh. Nó có thể có mùi vị ẩm mốc của những đám lá chết nhưng cũng có thể có mùi thơm mát của những giọt sương long lanh đầu lá. Lên tiếng nói về những điều đó là nỗi khao khát đồng thời cũng là chức năng của người thi sĩ. Thế nhưng, đối với những chế độ đòi hỏi sự đồng phục trong lề lối sống của những con người mà nó nắm giữ, định mệnh con người phải hiểu là của nhà nước và do nhà nước định đoạt, ban phát. Thi sĩ không có quyền cất lên tiếng nói để làm tròn chức năng cũng như để thỏa mãn những khao khát của chàng. Thi sĩ bị lưu đày khỏi quê hương hay bị lưu đày vào đời sống cùng khốn theo cả hai nghĩa đen và bóng. Ngày xưa, thời Platon, người ta trịnh trọng và lễ phép (giả hình) choàng vòng hoa vào cổ người thi sĩ, rồi đuổi họ ra khỏi xứ sở. Bây giờ, chúng nó không cần triết học, chúng nó vất bỏ sự lễ phép (giả hình và không giả hình), chúng nó tóm lấy cổ thi sĩ và tống chàng vào ngục. Hãy vào trong ngục mà rao giảng cho bóng tối lòng yêu thương và những điều tiên tri của mày, hỡi thằng thi sĩ kia. Trong vùng bóng tối đó, mày hãy nói lên sự thấu thị của mày. Mặt trời đang lên ngoài kia và chúng tao cai trị mặt trời, cai trị sự thật. Sự thật phải là sự thật do chúng tao nói, sự thật phải do chúng tao ban phát. Hỡi kẻ thi sĩ kia, ngươi không sản xuất ra của cải vật chất, ngươi đòi lên tiếng nói năng gì?!!

Ngày xưa, người thi sĩ đã phẫn nộ, đã hét lên, đã run lên, đã giận dữ, đã tràn nước mắt... vì những kẻ đòi độc quyền ban phát sự thật như thế. Hãy nhớ về Hung gia lợi, 1956.

Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest
Anh một trái tim em một trái tim
Chúng kéo đầy đường chiến xa đại bác
Hãy cho anh giận bằng ngực em
Như chúng bắn lửa thép vào
Môi son họng súng
Mỗi ngã tư mặt anh là hàng rào

Hãy cho anh la bằng cổ em
Trời mai bay rực rỡ
Chúng nó say giết người như gạch ngói
Như lòng chúng ta thèm khát tương lai
Hãy cho anh run bằng má em
Khi chúng đóng mọi đường biên giới
Lùa những ngón tay vào nhau
Thân thể anh chờ đợi
Hãy cho anh ngủ bằng trán em
Đau dấu đạn
Đêm không bao giờ không bao giờ đêm
Chúng tấn công hoài những buổi sáng
Hãy cho anh chết bằng da em
Trong giây xích chiến xa tội nghiệp
Anh sẽ sống bằng hơi thở em
Hỡi những người kế tiếp.

Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest
(Hãy cho anh khóc bằng mắt em
những cuộc tình duyên Budapest.)

Phẫn nộ là phẫn nộ trước sự đè nén, áp bức và dối trá, bưng bít sự thật. Sự thật của người thi sĩ, sự thật cháy hoài trong trái tim người thi sĩ là gì? Đó là tình yêu. Tình yêu trong tất cả những sắc thái của nó: hạnh phúc, đau khổ, hoang mang, xót xa, hoài nghi, tuyệt vọng, rạng rỡ, âm u, hơi thở, tiếng cười, ngọt ngào, cay đắng, gần gũi, cách xa, dịu dàng, hung bạo, phương phi, rực rỡ, mệt mỏi, chán chường...

Hãy khép mắt khép mắt thật khẽ
Có thấy chúng ta rơi vào giấc ngủ sâu vào những giấc mơ
Hương hoàng lan lẫn mái tóc người yêu
Xa thành phố bỗng lạc đường
Tại sao cánh đồng hoang tiếng kêu xé ruột
Tại sao cánh rừng cháy tôi một mình
Người nào ngủ đây người nào chết đây thân xác tan tành
Hãy khép mắt khép thật kín
Và chúng ta rơi vào cơn ác mộng một mình
(Khai từ của một bản anh hùng ca)

Em gối đầu sương xuống
Chuyện trò bằng bóng hình
Tôi đẹp như hình tôi
Như cuộc đời
Như mọi người
. . . .

Em là lá biếc là mây cao là tiếng hát
Sớm mai khuya thức nhiều nhớ thương
Em là cánh hoa là khói sóng
Đêm màu hồng

(Bài ngợi ca tình yêu)

Tình yêu trong thơ Thanh Tâm Tuyền ít khi được nhìn thấy dưới một khía cạnh vẹn toàn. Tình yêu ấy luôn luôn xao động, sắp ngửa giữa ánh sáng và bóng tối, giữa *chúm môi lá biếc những chòm hôn vội vàng* và *con đường đi buổi chiều hấp hối, ôi buổi chiều sương mù,* giữa những

Ngón tay âm thầm trò chuyện
Những bước chân thỏ rừng
Chạy trên cỏ sắc
Sợi tóc đen như một chuỗi cười

và :

. . . .

điếu thuốc bỗng trở niềm hắt hủi
Khói tím buồn
Vì chiều theo chân em sang bên kia đời
Nụ cười mang theo

. . . .

Em có biết sau lúc em từ biệt
Điếu thuốc cháy trên môi như người bạn chết
Hơi nóng khô nhành củi gẫy tàn...

Tình yêu trong thơ Thanh Tâm Tuyền còn là tình nhân ái, là lời yêu thương cho những con người cô độc, lẻ loi, trong bóng tối chảy thảm giọt lệ sầu. Thi sĩ khi nghĩ đến mình đồng thời chàng nghĩ đến những người xung quanh. Nhìn cuộc lênh đênh chìm nổi của người khác, chàng nghĩ đến cuộc lang thang, nỗi cô đơn của chính mình. Những mơ-ước-hoài-nghi-ngọt-ngào-cay-đắng-thiết-tha cứ thế quyện lấy trái tim chàng.

Tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi

đôi khi anh muốn tin
ngoài đời chỉ có trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin

ngoài đời thơm phức những trái cây của Thượng Đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
mà bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi

(Lệ Đá Xanh)

Trong ngôn ngữ tình yêu của Thanh Tâm Tuyền, những sợi tóc không còn chỉ là những sợi tóc, *những sợi tóc đen như một chuỗi cười.* Những giọt lệ, không còn chỉ là những giọt lệ, nhưng *lệ là những viên đá xanh.* Và môi em là trái cây ngọt ngào; cánh tay, thân thể em là cỏ hoa quyến rũ. Buổi chiều không còn đứng yên, nhưng *chiều theo chân em sang bên kia đời.* Và *bệnh viện mất kín mưa đêm.* Đêm trong thơ Thanh Tâm Tuyền, như thế, có một thân xác và một linh hồn.

Đêm hiền từ nhỏ to trên trán
Màu đen sáng đủ ngó vào nụ cười
Có đấy không này em mưa chan hòa
Trên ngực trên ngực em bát ngát

Thân thể người con gái, người đàn bà, người nữ, trở thành một cái gì vừa cụ thể, gần gũi, ăn, cắn được, ngửi được, vùi đầu vào được, sờ mó, nâng niu, vuốt ve được..., vừa trở nên một cái gì trừu tượng hoặc thanh thoát xa vời:

Da trắng như tiếng hát ở trên trời...
Anh cúi xuống hôn cánh môi tím màu đêm mà thương nhớ..

Đừng trói anh vào trần gian bằng mắt em nhìn kia...

Người đàn bà rũ tóc thành một cơn bão mặn
Hương nồng chiều dòng kinh mùa hè...

Tất cả những sự chuyển dịch, biến hóa từ hơi thở của tình yêu ấy luôn luôn kéo thi sĩ vào thiên nhiên. Một thiên nhiên khi thì trong xanh, bừng lên sáng sủa như một tiếng chim, nhưng cũng có những lúc cái thiên nhiên ấy lại chỉ hiện ra ở những hình thể sắc cạnh, chỉ là những khối gỗ, sắt vô tri.

Trước hết, đây là thiên nhiên mềm, mở tung; cửa sáng vào trời xanh. Tiếng mưa gõ nhịp lách tách vào mắt em. Anh cho em mùa xuân.

... Cửa sổ trời những mắt chưa quen
trán hoang đồng cỏ
run đường môi kỷ niệm
đi qua những thành phố đầy tim
cười đổ mưa một mình

(Của em)

Hay là thiên nhiên của mùa về với những bông mía trắng phất phơ hay đám lau buồn lắt lay trong gió.

... Ai xui rằng mùa măng chưa tới
Mà mùa về măng thôi chẳng ngọt
Vườn măng rừng tháng sáu đêm sâu
Muốn làm người học trò mười bảy tuổi
Đạp xe trên đường đồng
Bông mía trắng những căn nhà ngủ dưới cây...

(Bao giờ)

... Tuổi ấu thơ hòn cù lao xa khuất
Và tình yêu như đám lau buồn
Vàm sông nước xoáy như tiếng cười thầm
Ở sau lưng ở trước mặt
Anh thả người trôi nổi

(Sầu khúc)

Đó là những mảnh thiên nhiên hiền lành, thơ mộng, hoặc buồn bã, nhưng trong chúng, người ta vẫn thấy một cái gì thân mật, gần gũi. Nhưng đó là khi con người còn giữ lại được mình. Khi người ta cảm nhận được sự mất mát, xa lạ của mình đối với chính mình, khi người ta thấy mình đang bị cái thiên nhiên của sắt thép gỗ đá, của tiếng cơ khí chạm vào nhau và phát ra tiếng kêu của một loài sắt lạnh, của những cao ốc, những cột đèn... bao phủ lấy họ, người ta không còn thấy được nét mềm mại thơ mộng của thiên nhiên nữa.

Anh sợ những cột đèn đổ xuống
Rồi dây điện cuốn lấy chúng ta
Bóp chết mọi hy vọng
Nên anh dìu em đi xa

Đi đi chúng ta đến công viên
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
Ôi môi em như mật đắng
Như móng sắc thương đau
Đi đi anh đưa em vào quán rượu
Có một chút Paris
Để anh được làm thi sĩ
Hay nửa đêm Hà nội

Anh (...) ôm em trong tay mà đã nhớ em
ngày sắp tới.
Chiếc kèn hát mãi than van
Điệu nhạc gầy níu nhau tuyệt vọng
Sao tuổi trẻ quá buồn
Như con mắt giận dữ
Sao tuổi trẻ quá buồn
Như bàn ghế không bầy...
... Anh đưa em đi trốn
Những dày vò ngày mai

(Dạ khúc)

Khi người ta ý thức được tình trạng bị mất mát, bị xâm chiếm, bị tha hóa của mình thì người ta hoặc là chạy trốn, hoặc chống cự lại, hoặc là trở nên chai lì, mất hết những rung động trước những hiện hữu quanh mình. Lòng trở nên dửng dưng, hoang vắng.

... Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu mệt lả

(Bao giờ)

Trước một đời sống đang bị cuộn tròn vào tiếng cười của cơ khí, của *tiếng động cơ xô anh vào bẫy, trên cát lầy lún mãi, tuổi thiếu niên chạy về nhảy múa trên tóc anh và gọi*, có những lúc người thi sĩ đã dửng dưng một cách xót xa như thế, buổi chiều bây giờ trở thành dửng dưng, như lòng ta dửng dưng nhìn những ống khói cơ khí kia kiệt sức. Màu sắc thường làm dậy lên những rung động trong hồn người. Buổi sáng sắc xanh, buổi trưa sắc trắng, buổi chiều sắc tím, hay hồng. Cũng có khi yêu đời, người ta thấy buổi chiều sắc xanh, hoặc đang yêu người ta thấy chiều lên sắc hồng, còn khi người ta buồn hoặc để lòng mình lãng mạn vu vơ bập bềnh tiếng sóng, người ta thấy chiều tím. *Chiều không xanh không tím không hồng*, ấy là chiều đã không còn chỗ trú ngụ trong lòng người. Chiều đã đi ra ngoài trí nhớ. Chiều đã trở thành một thực thể biệt lập, ngoại tại. Và dửng dưng:

Em biết không? Em biết không?
Trong ngục tù giam giữ những than van
Người ta kêu một mình

Thành tiếng động rửng rưng đống sắt rỉ hoen rơi đổ
Não óc anh hàng chấn song nguyền rủa
Khi em đi qua những đường phố dẫm nát những giấc mộng theo đòi
Hy vọng dội lên trong mọi hồi trống rỗng
Anh ngắm hai bàn tay anh nhớ tàn lá về chiều
Khóc thờ ơ ngoài không trung...

(Sầu khúc, đoạn 4)

Nhưng Thanh Tâm Tuyền không để cho những tù ngục của mệt mỏi, dửng dưng ấy giam giữ ông. Ông bám vào tình yêu, vào sự lãng mạn của mình. Đó là chiếc chìa khóa giúp anh mở tung những cánh cửa của chán nản, của tuyệt vọng, của mệt mỏi, của sự đồng phục trong đời sống, của những sắt thép gỗ đá và những mệnh lệnh liên tiếp được dựng lên, tung ra để cầm nắm, để giam giữ tâm-ý-thể con người. Khuôn mặt tình yêu có trong sáng hay buồn bã, đôi mắt tình yêu có rạng rỡ hay thảm sầu, chàng thi sĩ vẫn tìm ra ở đó những phúc âm của đời mình.

...Hãy ngửa khuôn cổ tròn như một cành hoa trắng,
anh đeo vào đây vòng ca ngợi
Hãy chìm mất xuống những lớp nhớ nhung
như biển lớn anh đang dâng
Hãy đặt hai bàn tay mười ngón lửa
sưởi lên môi anh từng lạnh giá bởi những lời đã thốt
Anh sẽ hôn em, thời khắc hạnh phúc vẫn mong manh
. . . .
Bởi con chim vẫn giam trong lồng ngực vừa được bay nên bay mau hơn ánh sáng, anh nhìn được mất em tuyệt vời tận muôn nghìn quá khứ.
Bởi con chim đã bay kịp thời-gian nên chậm lại, anh nhìn thấu hồn em trong suốt những mai sau.

Bởi con chim còn xoè cánh liệng tròn, anh thâu nhận hết em qua vô vàn hình ảnh.

(Liên đêm mặt trời tìm thấy, trang 116, 117)

...
Anh đưa tiễn em, gửi theo những giấc mộng giấu kín hết đời. Em lên đường và anh chỉ còn chân tay tẻ nhạt vô duyên như xứ sở tang thương vì bom đạn.

(Chiều trên phi trường)

Trong tình yêu riêng của mình, Thanh Tâm Tuyền đã sống và chết trong đời sống như thế, đã hạnh phúc và đớn đau như thế,

nhưng người thi sĩ ấy không để tình yêu che mờ hết những rung động khác trong con người chàng. Thanh Tâm Tuyền đòi hỏi tự do. Tự do trong mọi *thể thái* của nó. Người thi sĩ ấy đã làm thơ, và thơ của ông trước tiên là một sự phá bỏ những xiềng xích cũ. Sự cân đối, mực thước cùng nhịp điệu, lối gieo vần của những thể thơ cũ có lẽ đã cản trở Thanh Tâm Tuyền trong cách diễn đạt những tư tưởng vô bờ, những lề lối suy nghĩ nằm ngoài khuôn phép của ông. Thanh Tâm Tuyền muốn cho hơi thở mình được tự do, tư tưởng mình được phóng khoát, nên ông đã đẩy thơ tự do của ông, thời ấy, vào những con đường hết sức mới lạ. Dĩ nhiên là Thanh Tâm Tuyền không thể thoát khỏi ảnh hưởng của những trào lưu Tây Phương đang ghi những dấu ấn trên tâm thức của thanh niên thời đó, nhưng việc ông can đảm đưa vào thi ca chúng ta thời ấy những thể mới, ý mới như ông đã làm cũng đã cho chúng ta thấy tính cách khai phá của ông.

Trên đường đi tìm một tự do mà ông khao khát, Thanh Tâm Tuyền, như bất cứ một kẻ nào chọn cuộc lên đường đầy thử thách để tìm một giải đất mới cho mình, đã có những lúc phẫn nộ. Có những phẫn nộ chính đáng trong đó có những mầm hạt cho một hạnh phúc ước mơ sau này. Có những phẫn nộ vô lý, một thứ phẫn nộ *gratuit* (unfounded) không dựa trên một lý do chính đáng nào cả. Nhưng thật sự ra thì phẫn nộ, phản kháng là yếu tính của con người nghệ sĩ, của kẻ sáng tạo. Tôi thấy, ở một mức độ nào đó, sự phản kháng của Thanh Tâm Tuyền có một số nét gần gũi với cung cách phản kháng của Albert Camus.

Trong "Con người phản kháng" (L'homme révolté), và trước đó, thể hiện trong "Kẻ Xa Lạ" (L'étranger), Camus đã trình bày ý nghĩa của cung cách *phản kháng* này. Nhiều người và nhiều nhà phê bình đã không hiểu rõ ý nghĩa *phản kháng* trong các tác phẩm của Camus nên đã đưa ra những bàn cãi và những phê bình đi ra ngoài những điều ông muốn nói, và bởi thế, đã thất bại trong việc đánh giá những tác phẩm của ông. Bây giờ, sau khi những bàn cãi sôi nổi đã lắng xuống, Albert Camus đã chết, và tác phẩm của ông đã được xếp vào loại những tác phẩm chứa đựng những giá trị thâm sâu và nhân bản nhất của con người (2), người ta mới nhìn kỹ hơn những ý nghĩa mà Camus đã mang đến cùng với từ *phản kháng* trong văn chương ông. Camus đã không dùng từ này theo nghĩa vẫn được chấp nhận. Sự phản kháng của ông không trực tiếp để chống lại cái khát vọng có tính cách lãng mạn để thăng hoa và tiêu diệt những giới hạn ràng buộc con người. Sự phản kháng này nhắm thẳng vào tất cả những âm mưu, những sức cản làm giảm bớt đi cái khả năng của con người trong việc nắm bắt những cơ hội để sống hạnh phúc *trong vòng* những giới hạn ấy. Những kẻ

thù mà Camus vạch mặt và không ngừng chiến đấu để chống lại là tất cả những sức mạnh làm đông cứng, mô-mi-hóa con người, cho dù bất cứ những sức mạnh này ở dưới dạng nào — tinh thần, hay cá nhân, hay định chế — bắt nguồn từ sự vô cảm, mơ ngủ hay từ những mạng lưới chằng chịt của các hệ ý thức, xanh hay đỏ, của thời đại này nhằm trói buộc và cầm bắt tâm-ý-thể con người.(3)

Hãy đọc lại "Hãy cho anh khóc bằng mắt em những cuộc tình duyên Budapest" để thấy sự phản kháng này của Thanh Tâm Tuyền. Hay là đọc bài sau đây:

Ngực anh thủng lỗ đạn tròn
lưỡi lê thấu phổi
tim còn nhẩy đập
nhịp ba nhịp ba nhịp ba
tình yêu tự do mãi mãi
. . . .
núi cao uốn cây rừng
nhịp ba nhịp ba nhịp ba
tình yêu tự do mãi mãi
đất nước ào ào vỗ nhịp
triều biển chập chùng
Hà nội Huế Sài gòn
ôm nhau nức nở
. . . .
nhịp ba
tình yêu
tự do
mãi mãi
tình yêu tự do mãi mãi
tình yêu tự do mãi mãi
tình yêu tự do
mãi mãi anh ơi

(Nhịp ba)

Hoặc sự phản kháng của Thanh Tâm Tuyền trước những bất hạnh, những bất công, những bất túc của lương tâm con người. Trong lời phản kháng này, ta vẫn còn nghe ra một niềm hy vọng.

Một người da đen một khúc hát đen
Bầu trời đen sâu không cùng
Những dòng nước mắt
Xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
Bằng giọng của máu của tủy của hồn bắt đầu ngày tháng
Giữa rừng không lời rừng mãi trống không
. . . .
Vì Blues không xanh vì điệu Blues đen

Trên màu da nức nở
Trong hộp đêm
Bắt đầu chảy máu thầm kín khóc cổ họng mình
Ngón tay cấu lấy ống kèn như một bùa thiêng
. . . .
thế giới va chạm những loài kim réo gọi
Thời gian mềm
không gặp thời gian
Không gian quay thành những vòng kỷ niệm
Rồi một buổi nào Blues hiện về xanh

(Đen)

Và sau đây là một cơn phẫn nộ *gratuit*. Nào ai có biết tôi phẫn nộ gì. Cuộc đời này lúc nào cũng chật hẹp, tù túng, người nhìn người hau háu những móng vuốt giơ ra. Tôi phẫn nộ với tất cả mọi thứ đảo lộn hay đã được sắp xếp để đặt vào thế giới này. Hãy hét lên cho nguôi giận.

Tôi buồn chết như buồn ngủ
dù tôi đang đứng trên bờ sông
nước đen sâu thao thức
tôi hét tên tôi cho nguôi giận
thanh tâm tuyền
đêm ngã xuống khoảng thì thầm tội lỗi...

(Phục Sinh)

Ngôn ngữ của Thanh Tâm Tuyền mạnh và chắc; nhịp điệu sắc gọn ở những bài mang ý phẫn nộ. Trong những bài nói chuyện yêu đương chan chứa, những hình ảnh dịu được đưa vào đã giúp điều chỉnh giọng thơ. Chính Thanh Tâm Tuyền cũng có nói xa gần đến điều này khi bảo thơ tự do *"không gieo vần lối đồng âm đồng thanh, vần của nó là vần ẩn giấu cách xa (có thể đi tới khác âm, nghịch thanh), nhịp điệu của nó là sự phối hợp của một toàn thể không khuôn trong một số câu nhất định khiến cho hơi thơ tự do dễ kéo dài hơn các hơi thơ khác".(4)* Ngoài ra, cũng trong đoạn trình bày về thơ tự do, cũng như về thái độ, cung cách làm thơ của mình, như Võ Phiến đã dẫn trong "Văn học Miền Nam, Tổng Quan" (Văn Nghệ 1986), trong tập "Liên đêm mặt trời tìm thấy", Thanh Tâm Tuyền cũng nhắc đến một thứ nhịp điệu gọi là *nhịp điệu của hình ảnh*, một thứ nhịp điệu khác là *nhịp điệu của ý tưởng*, cả hai thứ này là sự thể hiện của *nhịp điệu của ý thức*.

Tôi nghĩ là Thanh Tâm Tuyền cũng đã quá hào hứng khi nói về những bài thơ những khám phá của mình, nhưng quả thật, như tôi đã nhận xét ở trên, trong những bài có chủ ý rõ là nói về tình yêu nam nữ, tình yêu đôi lứa, Thanh Tâm Tuyền vẫn dùng những nhịp gãy, nhịp trắc trở, những dấu nhấn khác thường so với những thể

thơ cũ. Nhưng những hình ảnh rất đẹp và lạ mới trong những bài thơ này đã làm cho cả bài thơ mềm đi và bay lên như một tiếng chim vào cửa sổ trời mở rộng.

Đọc kỹ, thật sự, ở một số bài người ta vẫn thấy Thanh Tâm Tuyền còn sử dụng những vần hoặc nhịp điệu của thơ cũ. Những bài này không nhiều nhưng vẫn có. Và vẫn rất đáng yêu. Hãy đọc lại năm câu thơ này:

Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu mệt lả.

(Bao giờ)

Vần vẫn còn đấy, mặc dù nhịp điệu có được làm cho sai khác đi. Đoạn thơ sau đây cũng thế, vần vẫn còn đó nhưng nhịp điệu đã được chuyển hóa đi làm cho khác lạ, tạo nên những *syncopes*. Những âm được sử dụng cũng là những âm chỏi, cùng với những nhịp nhấn khác lạ, làm cho bài thơ toát ra một cảm giác buồn bực, dồn nén, bứt rứt. Tất cả những điều đó dọi phóng thành một cảnh buồn, chiếu mãi trong tâm thức người đọc. Những cảnh này được tạo nên bằng những bức ảnh đen trắng hoặc có màu xám xịt. Tiếng lóc cóc của vó ngựa trên đường về huyệt mộ và tiếng kèn harmonica nổi bật lên trong bối cảnh này.

Khi đêm chạy trở lui
Người nào thổi harmonica
Tôi đến bằng mọi cách
Tiếng kèn khóc oà

Mưa bẩn sân ga
Toa đầu hạng ba
Chuyến xe hàng ốm yếu
Thổ mộ con ngựa già

Đường mòn đưa đến huyệt
Đứa trẻ con thổi harmonica
Trong hoàng hôn tóc rối
Tiếng kèn khóc òa...

(Sầu khúc, đoạn 3)

*
* *

Tôi đã yêu thơ, đã làm thơ, và đã đọc thơ của nhiều người. Càng đọc nhiều tôi lại càng yêu nhiều. Càng yêu nhiều, tôi lại cứ muốn đọc mãi. Thơ làm cho ta yêu cuộc sống hơn, thiết tha với sự

sống hơn. Nếu thơ không làm được những điều đó, không gợi lên trong lòng người đọc những tình cảm đó, thơ không đạt đến cứu cánh của nó nữa.

Thơ Thanh Tâm Tuyền cho tôi nhiều cảm xúc. Mỗi lần trở lại với thơ ông, tôi đều tìm ra một nét gì mới mà tôi đã chưa hề thấy trước đó. Bởi những ý tưởng, những hình ảnh Thanh Tâm Tuyền sử dụng thường không nằm trong những ước lệ của tiếng nói hay của lối suy tư hàng ngày, ta thường không nhìn ra được hết cái chân diện mục của chúng. Gần gũi với trường phái thơ siêu thực của Pháp, những hình ảnh mà Thanh Tâm Tuyền sử dụng trong thơ ông cũng, phần nào, có tác dụng của những đường nét trong những bức tranh siêu thực của các họa sĩ thế kỷ 20. Dù sao, nếu nhìn dưới khía cạnh hội họa, tôi nghĩ chúng ta đều thấy rằng những "bức tranh cất tiếng" (5) của Thanh Tâm Tuyền có nhiều nét gần gũi với các bức tranh của những họa sĩ siêu thực lớp sau như Max Ernst, René Magritte, Salvador Dali, Pierre Roy... hơn là với những họa sĩ siêu thực lớp trước như Jean (Hans) Arp (6). Nói về tính chất siêu thực trong văn chương, cũng như trong các thể thái khác, có lẽ không ai có thẩm quyền hơn André Breton. Ông định nghĩa *"tính cách siêu thực là cái tính cách tự động thuần túy xét trên mặt tâm linh, qua đó, nó được diễn tả ra hết sức rõ ràng — bằng chữ viết, hoặc bằng bất cứ một thể thái nào khác — cái tiến trình tư duy thật sự của con người. Đây là tiếng nói của tư tưởng, vượt thoát khỏi sự ràng buộc của lý luận hay của bất cứ một hình thái thẩm mỹ hay đạo đức nào."* Được sáng tạo ra từ những thúc đẩy ở ngoài phạm vi luận lý và lấy chất liệu từ tiềm thức và từ những thị kiến nghệ thuật, các thi sĩ hoặc họa sĩ thuộc trường phái siêu thực đã sáng tạo nên những tác phẩm xuất phát từ những mơ mộng thuần túy của họ về một thế giới mà họ mong ước đạt tới. Tác phẩm của họ không còn nằm trong phạm trù thực tại mà đã bước chân sang một biên địa khác, có những lý tưởng, những ước mơ, và ngay cả những ảo vọng nữa. Đây là những con chim vô hình đập cánh và bay vào cõi vô biên, để rơi lại những tiếng hót vương vất trong cõi trần gian.

Thơ Thanh Tâm Tuyền, ở một số khía cạnh, đã bay nghiêng về những vùng không gian đó. Còn ông, trong chốn trần gian tăm tối và đầy lệ thảm kia, nơi tất cả những tiếng nói bình thương của con người đang bị bóp nghẹt hay bóp méo, nơi những trái tim không còn tiếp tục nhấy đập những nhịp yêu thương cũ, ông sẽ ra sao?

Những câu thơ tiên tri ngày nào có trở về trong đời sống kẻ thi sĩ?

Những giấc ngủ xiềng xích
Cuộc lưu đày thêm xa
Tôi trốn về lẩn lút
Đất đai không tìm ra
Đâu cũng toàn quỷ sứ
Riễu cợt tôi ngây ngô

Cớ sao nhà ngươi khóc
Muốn làm người là điên
Con người thì cô độc
Không phép thuật nhiệm mầu

Tôi khóc mặc tôi khóc
Bầy quỷ nhảy xunh quanh
Tôi khóc hoài tôi khóc
Và chúng nó phát điên

Chúng tước lấy tiếng nói
Giam tôi trong bóng tối.
Tôi khóc không ra lời
Và tôi đi lang thang

Tôi đi tìm tiếng nói
Cho cổ họng của tôi
.....
Tôi nhìn người tuyệt vọng
Tôi nhìn người khẩn cầu
Linh hồn tôi rách nát
Lời nói còn ở đâu
. . . .

(Liên đêm mặt trời tìm thấy,
đoạn 4, tr. 60-62)

*
* *

Thanh Tâm Tuyền, ngay trong những ngày xưa, thời ông còn được tự do làm thơ hạnh-phúc-yêu-thương-phẫn nộ, đã cho thấy ông là một con người đã từng nếm nhiều trái-cây-đau-khổ. Tôi nghĩ là ông đã đọc nhiều, đi nhiều, thấy nhiều, cảm nhiều, mơ mộng nhiều, suy nghĩ nhiều, nhớ thương nhiều... Ông đã sống nhiều và ông đã trải đời sống mình ra thơ. Con người ấy có những lúc ngạo mạn, vô lý, rừng rú nhưng cũng có những lúc sôi nổi, thiết tha, đắm đuối, dịu dàng.

Để tóm kết bài viết này, tôi muốn ghi lại những dòng chữ sau

đây của Rainer Maria Rilke. Người thi sĩ Đức tài hoa và tha thiết ấy đã nói những lời hết sức thật và sống động về thơ, về sự làm thơ: "Người ta phải chờ đợi và gom góp những cảm xúc và sự dịu ngọt của cả một đời dài, có khi cả một đời người, tới lúc đó, ở cuối cuộc gom góp đó, người ta mới có thể viết được mười câu thơ hay. Bởi lẽ, thơ, không phải như người ta tưởng chỉ là những cảm xúc giản dị, mà nó chính là kinh nghiệm.

Để có thể viết được một câu thơ, người ta phải thấy bao nhiêu thành phố, bao nhiêu là người là vật, người ta phải hiểu biết về loài vật, người ta phải cảm được sự sung sướng của con chim bay và biết được những cánh hoa nhỏ bé đã mở mắt chào đón bình minh như thế nào. Người ta phải có khả năng nhớ lại những con đường ở những xứ sở xa xôi mà người ta đã đi qua, những gặp gỡ bất ngờ và những chia tay xa tắp trong trí nhớ. Người ta phải có khả năng nhớ lại được những ngày niên thiếu với những dấu vết khó giải thích, nhớ lại những bậc sinh thành mà người ta đã làm cho đau khổ khi những bậc sinh thành này mang đến cho người ta niềm vui mà người ta không thèm đón bắt, nhớ lại những cơn đau yếu hết sức kỳ lạ bắt đầu bằng một số những thay đổi sâu xa và trầm trọng, nhớ lại những ngày người ta ẩn kín, im lặng trong phòng, nhớ lại những buổi sáng bên bờ biển, những biển hồ sông rạch, nhớ lại những buổi tối lang thang đã bay qua đời người ta rồi bay tuốt lên trời cao với những vì sao (...). Người ta phải có những kỷ niệm về những đêm yêu đương, không đêm nào giống một đêm nào, có những hồi tưởng về những tiếng la hét của phụ nữ trong khi sanh đẻ, và về những người đàn bà nhẹ hẫng, tái nhợt, nằm thiêm thiếp trên giường với em bé ở bên. Nhưng người ta cũng cần phải có kinh nghiệm ở bên cạnh một người đang chết, người ta cần phải có kinh nghiệm ngồi bên cạnh một người đã chết rồi trong một căn phòng có cửa sổ mở tung ra những cơn ồn ào từng chập. Nhưng chỉ có hồi niệm không vẫn chưa đủ. Người ta phải có khả năng để quên chúng đi khi chúng trở nên quá nhiều, quá đầy trong óc người ta, và người ta phải có lòng nhẫn nại để chờ cho đến khi chúng quay trở lại. Bởi vì đấy chưa phải là hồi niệm đâu. Chúng chỉ là hồi niệm khi chúng biến thành máu chảy trong trái tim, trong thân thể người ta, khi chúng trở thành cái nhìn và những điệu bộ, không tên tuổi và không còn có thể tách thoát, phân biệt khỏi chính chúng ta. Chỉ tới lúc đó người ta mới có thể bất ngờ trong một thời khắc hiếm hoi nào đó, viết ra chữ đầu tiên của một câu thơ đang bắt đầu ngoi lên từ trong những vùng âm u mờ mờ sương đục của hồi niệm và chảy tràn ra ngoài." (7)

Thanh Tâm Tuyền đã dâng hiến cho đời nhiều dòng thơ rất đẹp, những câu thơ đau khổ và phẫn nộ và hạnh phúc và thương

yêu của ông làm cho ta chảy nước mắt. Nhưng nếu Thanh Tâm Tuyền chỉ có được mười câu thơ hay, ông cũng xứng đáng cho ta yêu mến và cảm phục, bởi lẽ ông đã sống, đã tân toan trong đời sống, và đã chịu đựng và gìn giữ tất cả để trở nên một thi sĩ.

Hãy choàng vào cổ thi sĩ một vòng hoa và hãy để chàng ngồi giữa chúng ta trong cuộc đời này.

Thi sĩ, hãy cho ta khóc bằng mắt anh những cuộc tình duyên và những đời người khốn khổ!

Bùi Vĩnh Phúc
Huntington Beach, Calif.
13/12/1986.

Chú Thích :

(1) Thật ra, có thể nói tính chất siêu thực thường không dung nạp lý tính. Siêu thực ở ngoài lý trí. Thế nhưng, những đoạn thơ mà nhiều người nghĩ có vẻ "siêu thực" nhất của Thanh Tâm Tuyền lại chứa đựng đầy lý tính. Và hình ảnh trong những bài này thường mang màu sắc ẩn dụ. Xin xem *Liên đêm mặt trời tìm thấy* ở các bài "Hơi thở"; "Thành phố"; Bài không tên, đoạn 10, trang 72; "Sầu khúc", đoạn 5; "Từ chối"; Bài không tên, trang 113-123.

(2) Trong một bài tiểu luận tựa đề là "Camus in America", Serge Doubrovsky đã cho rằng Camus là một nhà văn vĩ đại của nước Mỹ. Và mặc dù Camus đương nhiên là một nhà văn lớn của Pháp, nhìn dưới khía cạnh quần chúng, ông vĩ đại hơn nữa trong lòng người Mỹ. Trường hợp đặc biệt và độc nhất của Camus được tạo ra do một sự liên đối cảm nhận và chia sẻ giữa Camus, tác phẩm của ông và quần chúng Mỹ. Cái chết đột ngột của Camus làm chấn động bất cứ một con người nào có suy tư. Chưa nói đến phản ứng của giới văn học, có nhiều người bình thường đã nước mắt đầm đìa khi nghe tin Camus chết; có những người khác thề nhịn ăn trong nhiều ngày. Trên nước Mỹ, nơi văn chương chỉ được coi là một hoạt động có tính cách phụ thuộc, cái chết của Hemingway và Faulkner không để lại những giọt nước mắt. Chưa nói là một tác giả ngoại quốc, một nhà văn nổi tiếng của Mỹ chết đi cũng không gây xúc động gì lắm trong lòng quần chúng Mỹ cho bằng cái chết của một tay chơi football hồi hưu. Trường hợp Camus là trường hợp đặc biệt và độc nhất. *(Camus in America.* Trích N.R.F., XCVIII (01/02/1901), 292-296, Ellen Conroy Kennedy dịch ra Anh văn).

(3) Xem Germaine Brée, *Introduction to Camus*, Prentice Hall, Inc., 1962.

(4) Xem "Liên đêm mặt trời tìm thấy", 1964.

(5) Chữ của Plutarch (diễn lại ý của Simonides): "Painting is mute

poetry, and poetry a speaking picture", Irving Babbitt, *The New Laokoon*, Boston and New York, 1910.

(6) Những nhà họa sĩ siêu thực đầu tiên, trong nỗ lực diễn tả những kinh nghiệm nội tâm, ở bên ngoài ý thức, đã đi theo con đường sử dụng các kỹ thuật của tâm lý học hiện đại. Sơn hay mực được vẫy đổ trên vải vẽ không có một mục đích để tạo một hình thể rõ rệt nào trong óc người sáng tạo. Những mảnh giấy nhỏ cũng được xé ra và thả xuống mặt tranh, tạo nên những sự kết hợp bất ngờ. Nhà nghệ sĩ siêu thực hy vọng rằng những sự kết hợp bất ngờ đó có thể là chìa khóa mở toang cánh cửa tiềm thức của họ. Những họa sĩ siêu thực lớp sau phát triển tính cách siêu thực theo một kỹ thuật khác. Họ diễn tả lại cái thế giới của những giấc mộng mà họ có qua nỗ lực thực hiện những bức tranh tiến đến độ chính xác và rõ ràng như sự chính xác, rõ nét của một tấm ảnh chụp. Mặc dù có vẻ đứng ở một cực bên kia với những họa sĩ siêu thực đầu tiên trong kỹ thuật sáng tạo, những họa sĩ siêu thực lớp sau này cũng nhấn mạnh rằng hình ảnh trong tranh của họ là những hình ảnh tự phát, tự sinh và có những liên hệ trực tiếp với những kinh nghiệm vô thức của thế giới nội tâm họ.

(7) Rainer Maria Rilke, *The Notebooks of Malte Laurids Brigge*, M.D. Herter Norton dịch ra Anh văn (W.W. Norton & Company, Inc., 1949).

ĐÓN ĐỌC BVP

những tác phẩm sắp được xuất bản của Bùi Vĩnh Phúc.

* NHỮNG CƠN MƯA TRỞ VỀ.

Cuốn sách đầu tay của tác giả, đã tuyệt bản từ 5 năm nay. Cuốn sách viết về những tiếng chim luýt chuýt và những chùm hoa vàng nắng quê hương, về những thiết tha xót xa và đẹp đẽ của tuổi trẻ Việt nam trong khung cảnh trường lớp cũ sau mất nước 1975.

Nội dung được sắp xếp lại và có thêm những bài mới.

* TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG GIÓ TỚI, tiểu luận.

Cuốn sách giới thiệu một số những khuynh hướng nghệ thuật hiện đại và phê bình lý luận văn học. Cuốn sách như một nỗ lực quan sát nghiêm chỉnh và đánh giá một số mặt phát triển tốt đẹp của dòng văn học Việt lưu vong *ngoài nước*.

Xin liên lạc : Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O Box 2301 Westminster, Calif. USA 92683.
Phone : (714) 832. 8445.

Nguyên Lương

đọc thơ Ngu Yên.

*K*hi đọc thơ, tôi vẫn thường có thói quen, cho dù là thơ của ai, viết trong khoảng thời gian, không gian nào, cố đặt mình vào các không gian thời gian đó để cảm nhận những gì mà nhà thơ muốn nói trong tác phẩm của mình. Riêng khi đọc thơ Ngu Yên — tập *Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh* — tôi thấy mình đã hoàn toàn thoát khỏi cái thông lệ đó. Vì cái không gian mà tôi tìm kiếm nó viễn vông, cái thời gian tôi dõi theo không có cái mốc. Nó tràng giang, bàng bạc; nó mập mờ, ẩn hiện; nó chật hẹp, mịt mù... Lúc lên đồi xuống núi, lúc trên xa lộ mênh mông, lúc trong căn phòng chật hẹp. Lúc nó là con sâu hoá bướm, lúc nó là cái bào thai trong bụng mẹ, lúc nó là con chim hót trên cành cao rồi tự nhiên có lúc nó gục trước cổng chùa xin được bố thí cho chút sinh lực để giải thoát mình khỏi cái bản ngã sân si.

Có gì hiện sinh hơn khi ta nghĩ tới ngày tận thế bởi các lò nguyên tử bỗng dưng nổ tung? Có gì thiền hơn khi chót vót trên cây đại thụ ta nằm chơi với đàn chim bới tóc, rỉa tai, rúc mũi?

Cái tầm thường của nhật nguyệt đã bỏ lại đàng sau khi ta theo nhà thơ lên núi châm trà uống với thiên nhiên, để....

"Góp những giọt sương mai trên hoa lá
Ướp trà vào một hốc đá trăm năm"...

Rồi tối về, trong căn phòng chật hẹp thấy rằng:

"Tưởng mình sinh ra để chơi
Sầu lâu mới biết là người vô duyên?"

Trong giấc ngủ mơ màng, ta thấy:

"Bóng tối
Bóng hòa vào vũ trụ

Người một mình run sợ giữa mịt mù
Kiến thức soi không rõ đường quê quán
Người thắp đèn níu kéo bóng âm u."

Cái đau đớn của riêng một người nhiều khi là cái đau chung của một tập thể. Nhưng nhà thơ không cần phải chỉ nói đến chuyện buồn khi mất nước, chuyện xót khi chia ly, chuyện hận trong lao tù, chuyện đau khi vượt thoát... Tất cả ta đã nghe nhiều trong các tác phẩm của gần 12 năm qua. Cái lạ ở đây là Ngu Yên không nhắc đến những chuyện đó một cách cố ý nhưng nó ẩn hiện từ trước và sau — ở mỗi bài thơ: cái xót, cái đau, cái buồn, cái hận nó đã đập vào mắt tôi những cái tát tỉnh người. Tôi không muốn nói đến cái hay, cái dở của thơ Ngu Yên vì đó là việc làm của người bình phẩm, ở đây tôi chỉ muốn nói đến cái cảm của mình khi đọc tập thơ ấy thôi.

Thơ Ngu Yên, tôi thấy nó có cái điên, nhưng không điên như kiểu Bùi Giáng, có cái khùng, nhưng không khùng như Nguyễn Đức Sơn, có cái mỉa mai nhưng không cay cú như kiểu Trần Tế Xương, và thêm nữa có cái nét thiền nhưng không thiền như Viên Linh, Thanh Tâm Tuyền...

Ngu Yên viết tiếp những cái gì mà Cao Tần bỏ dở, những cái mà Dương Bá Trạc trong Hồ Trường chưa viết hết, và cái ngạo mạn của Phùng Quán khi viết văn lên đá, đã phải viết thêm:

"Ta thề đi chân đất
Ta thề mang sự thật
Quyết không mang phù du."

Tôi đọc đi, rồi đọc lại. Đọc trước khi đi ngủ rồi bỗng giật mình thức dậy lúc nửa đêm để thấy:

"Sấp thấy hoang mang
Ngửa thấy ngỡ ngàng
Lật lỡ làng, thấy muộn màng phận ta"...

Đọc thơ, chắc nhiều người cũng như tôi, không thích loại thơ mà chữ nghĩa nghe nặng hơn cảm xúc, ngôn từ có âm mà không có hồn. Còn cái cảnh thì nghĩ đi, nghĩ về không quá hơn một tầm nhìn của một người đứng yên một chỗ. Một chút nhẹ nhàng, mơn trớn, dỗ dành cũng không có trong thơ Ngu Yên cho là bài thơ gởi vợ, gởi con. Nó dành chỗ cho một thứ âm thanh của một cái tát tay vào không khí. Giữa cái chết và cái sống không có làn ranh, cũng như giữa mơ và thật chỉ khác nhau ở một cái chớp mắt.

Thơ Ngu Yên ra đời, dưới mắt nhìn của nhiều người nó như một con thuyền cô đơn trên biển lớn, nó chòng chành, ngụp xuống, trồi lên bởi những đợt sóng. Riêng tôi nó giống như là một cơn bão thổi qua một thành phố đang bình yên mà trong đó lâu nay nhiều mầm cây muốn trồi lên nhưng thiếu ánh sáng bởi bị che

khuất dưới các tàng cây đại thụ. Tôi muốn góp thêm chút gió cho cơn bão kia mạnh hơn để quét bớt đi những lá chắn rườm rà, cho nhiều chồi non có dịp trẩy nụ.

Tôi muốn nói đến cái cô đơn cùng cực khi đã có người đối tượng, tôi đã bắt gặp tác giả khi cho dù đang giữa phố người ta mà vẫn thấy mình như đang ở giữa mịt mù:

"Em hãy giúp anh ăn đời khắc nghiệt
Chấm cho mặn mà
Nuốt cho trơn tru
Thêm ớt sống cho khoái trào nước mắt
Vui lên em
Dù nhậu giữa mịt mù"...

Tôi cũng như tác giả đã bao năm ra chợ rao bán tình tri kỷ, để thấy rằng:

"Sáng xông xáo khắp chợ
Khan giọng mời người mua
Chiều mủi lòng hạ giá
Thiên hạ lìa xa chẳng ai ưa?"...

Nhưng bây giờ thì ta đã gặp nhau, để:

"Ăn lòng còn rướm máu
Cắn tim còn hơi thở
Rung đùi họa bài thơ
Cửa trần gian đã mở"...

Đúng rồi, cửa trần gian đã mở để đón nhận một người lâu nay độc hành, độc thoại. Lại thêm một biến cố trong văn đàn Việt Nam lưu vong nơi mà những cổ nệ, nghi thức đã lại phá vỡ, nơi mà những chấp nhận còn quá nhiều thành kiến, vị kỷ để cho lời nói của cảm nghĩ không được tự nhiên phô bày theo điều mình cảm, đã được lột xác trần truồng. Và thơ đã diễn tả đúng những gì mà kẻ sáng tác muốn nói chứ không phải những gì mà người đọc muốn nghe. Nếu những lời nói ấy mà có vô tình rung đúng băng tần của người muốn nghe thì đó là cái thành công ngoài dự tính của tác giả.

Đọc thơ Ngu Yên tôi biết chắc có nhiều phản ứng khác nơi người đọc. Có người chắc không thích và ném tập thơ vào chồng sách cũ. Có người chắc cất xuống gối nơi đầu giường để tối mai đọc tiếp, và có người — như tôi — đã phải đứng phắc dậy lúc nửa đêm để viết một lá thư gởi cho tác giả để tỏ bày, một lá thư cho nhà xuất bản Văn Nghệ ngợi khen một công trình cho ra đời một tác phẩm giá trị và những cảm nghĩ này gởi đến độc giả xa gần về những điều mà tôi nghĩ mãi không ra, những gì tác giả sẽ viết trong tập thơ kế tiếp. Nhưng tôi biết chắc một điều tác giả sẽ viết như đã diễn tả:

"Vẫn khư khư cầm ly lòng lửng đáy
Hơn nửa đời hai tay múc liên miên
Mặc ta múc, mặc dòng sông vẫn chảy
Hai bên bờ thiên hạ chửi:
"Thằng Điên..."

Vâng, Ngu Yên là một thằng điên trong văn chương Việt Nam....

Nguyên Lương

Ngu Yên

Nguyền yêu em dù cuộc sống hoang đường

Sống và chết chỉ khác nhau hơi thở, sao mà sầu ghê gớm quá phân ly. Sống và chết chỉ cách nhau lớp đất, sao muôn đời chia kẻ ở người đi.

Anh vẫn nhớ một lần mơ thấy chết, nằm khóc ròng thê thảm dưới mồ sâu, đêm bất tận đầy cô đơn sợ hãi, và tiếc thương thêm dằng dặc mối sầu, khi em đến quì bên mồ than khóc, anh dỗ dành tiếng mất giữa hư không, còn gì buồn hơn nhìn em đau khổ, bất lực nằm yên tan nát cõi lòng, anh muốn ngồi dậy chọc em kinh ngạc, cười nói rằng chỉ giả bộ giỡn chơi, còn gì vui hơn người chết sống lại, còn gì quí hơn có nhau trọn đời. Cuối giấc mơ anh sợ mình đã chết, nên vội vàng rán tỉnh giấc chiêm bao, không dám ngủ anh thức luôn đến sáng, nằm ôm em lo sợ chuyện mai sau.

Khủng khiếp quá biết bao giờ chết thật, chỉ chết mơ mà đã lắm bi thương, anh nâng niu từng phút giây sống sót, nguyền yêu em dù cuộc sống hoang đường.

Ngu Yên

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

CHƯƠNG BA: ĐƯỜNG RA BẮC (tiếp theo)

XIV

Trên đường mòn Hồ Chí Minh và quốc lộ I: Nghệ An, Thanh Hoá... Hà Đông.

Cứ như thế, khởi hành vào lúc chiều xuống, và nghỉ đêm vào khoảng hai ba giờ sáng, chúng tôi tiếp tục men theo những con đường đất xuyên qua những làng mạc rải rác trên miền trung du Bắc Trung Việt. Bốn hôm trước chúng tôi rời khỏi địa phận Hương Khê, hôm qua, huyện Đức Thọ, và hôm nay hướng về huyện Nam Đàn, thuộc tỉnh Nghệ An.

Chiều hôm qua, đoàn lữ hành lên đường sớm hơn mọi hôm. Nhờ nghe được một mẩu chuyện giữa các bộ đội và tay giao liên ở trạm nghỉ chân, tôi được biết chúng tôi đang đi qua huyện Đức Thọ, một vùng tương đối trù phú của Hà Tĩnh. Một quãng đường sắt lấp lánh dưới ánh nắng chiều, chạy song song với con đường đất. Anh Lộc bỗng đi chậm lại. Tôi cũng kìm bước chân: Phía trước mặt, một cây cầu sắt bị bom cắt ra làm hai, phần giữa cầu chúi xuống lòng sông, tạo thành một chữ V vĩ đại. Một lần nữa, chúng tôi chứng kiến sự tàn phá của không-quân Mỹ. Tôi đang ngắm chiếc cầu gãy và suy nghĩ về tính cách kiên trì và tác dụng của những vụ không tập có mục đích làm gián đoạn con đường chiến lược hầu ngăn cản hoặc làm chậm trễ công tác di chuyển quân đội và vũ khí từ Bắc vào Nam, thì giọng nói của Hiên vang lên từ phía sau, thúc giục:

— Các anh bước nhanh lên!

Tôi lắng nghe: trong im vắng, không một tiếng động cơ nào vọng lại từ nền trời trong xanh thăm thẳm, và quãng đường trước mặt hiu quạnh không một bóng người. Nhưng tôi chợt hiểu: cán bộ Việt Cộng không muốn chúng tôi mục kích những thiệt hại chiến tranh mà họ phải gánh chịu, cũng như trước đây, trong vùng rừng núi Thừa Thiên, họ không muốn chúng tôi nhìn thấy những thương binh của họ. Che đậy những gì mà họ nghĩ rằng không có lợi cho chế độ đã trở thành một thói quen của cán bộ Việt Cộng. Họ luôn luôn hành động như một cán bộ tuyên truyền, vì họ nhận thấy rõ rằng chế độ mà họ phục vụ chẳng có gì tốt đẹp, và có nhiều mặt cần phải che giấu. Cũng vì vậy họ mang nặng một mặc cảm: họ sợ chúng tôi phát hiện được những khía cạnh xấu xa của chế độ Cộng Sản miền Bắc.

Chúng tôi tiếp tục đi, hướng về phía Nam Đàn. Vừa rảo bước nhanh cho kịp tốc độ chung của đoàn bộ hành, tôi vừa nghĩ đến câu "Bò Đái thất thanh, Nam Đàn sinh thánh" và chí sĩ Phan Bội Châu với tâm sự khôn nguôi trên chiếc thuyền nhỏ trên sông Bến Ngự thuở nào. Tôi cười thầm một mình khi nhớ rằng có kẻ nào đem lời sấm ấy áp dụng cho Hồ Chí Minh. Việt Cộng thường lớn tiếng bài trừ mê tín dị đoan, nhưng khi cần đến, lại lợi dụng mê tín dị đoan hơn ai hết.

Thuần bỗng ra hiệu cho đoàn người dừng lại cạnh bờ sông, không phải để nghỉ ngơi, mà để đợi cho một tốp người từ bờ bên kia vượt hết chiếc cầu tre mong manh. Khi một người gánh tòng teng hai trái mít và mấy món hàng lặt vặt gói trong lá chuối khô bước lên bờ, Hiên gọi giật lại:

— Có hàng gì bán không?

— Có.

Thế là cả đám bộ đội bâu lại quanh người thiếu phụ bán mít, rối rít hỏi mua thuốc lá sợi và mấy quả ổi. Tôi nhìn qua phía bên kia sông: một ngôi nhà ngói, mái đỏ tươi nổi bật lên giữa xóm nhà tranh xám xịt. Tôi buột miệng nói với một bác nông dân đứng gần:

— Ngôi nhà mới đẹp quá!

— Không phải nhà của đồng bào. Nhà của chủ nhiệm hợp tác xã đấy.

Câu trả lời có vẻ bình thường, nhưng giọng nói ngụ ý mỉa mai: chủ nhiệm có tham nhũng mới xây được nếp nhà khang trang như thế.

Cẩn thận từng bước một, chúng tôi chậm rãi lần qua chiếc cầu tre hẹp treo lơ lửng trên dòng nước xanh ngắt, rồi đi dọc theo con đường chạy ngang qua trước một thôn xóm có nhiều nhà ở tập trung ven bờ sông. Đằng trước mặt, vượt lên hẳn trên mấy nếp

tranh thấp lè tè, một tháp chuông cao in những góc cạnh sắc nét lên nền trời chiều. Sau một mảnh sân rộng cỏ mọc um tùm, tọa lạc một ngôi nhà thờ Công giáo cũ kỹ: thời gian và mưa gió đã làm hoen ố và lở lói từng mảng lớp vôi quét bên ngoài. Ở chính giữa sân, một pho tượng đã ngả màu tro đậm đứng lẻ loi giữa khung cảnh điu hiu hoang phế. Vừa rảo bước đi, tôi vừa ngoái nhìn lại, và ngậm ngùi hồi tưởng ngôi giáo đường ở Kỳ Anh năm xưa, được bảo tồn kỹ lưỡng với mảnh sân lát sỏi trắng và hai hàng rào cắt xén ngay ngắn để lộ những đóa tử vi màu hồng nhạt... Bỗng một hồi chuông ngân lên, ảo não. Rồi từ trong nhà thờ, tiếng cầu kinh trầm trầm dâng lên, lan rộng, não nùng trong bóng chiều đã ngả. Một cách chân thành và sâu sắc, tôi cảm thông với những người mộ đạo giữ vững niềm tin, và đang lạc loài trong xứ sở của vô thần. Trên quê hương của họ, họ cũng là những kẻ lưu đày như chúng tôi. Những tiếng chuông vẫn tiếp tục nối nhau ngân vang ra xa, như theo đuổi và tiễn đưa những người đang lặn lội trên con đường phát vãng dài dằng dặc, những hồi chuông gieo rắc tình thương trên mảnh đất của một chế độ luôn luôn cổ xúy và lợi dụng căm thù.

... Rời khỏi Nam Đàn trong một buổi chiều nắng gắt, chúng tôi tiến dần vào địa phận huyện Yên Thành, và đêm nay, nghỉ lại trong trụ sở của một hợp tác xã nông nghiệp. Thao thức khá lâu, trở mình mãi trên võng hẹp đong đưa, tôi không sao tìm được giấc ngủ. Bởi vì Yên Thành là quê hương của ông bạn Võ Thành Minh, và nhớ đến ông, tôi lấy làm ái ngại. Ông vẫn mạnh khi tôi chia tay với ông — nay vĩnh biệt ông — trên dãy Trường Sơn thuộc tỉnh Thừa Thiên. Nhưng đã lớn tuổi, ông có chịu đựng nổi — hay nói theo ngôn ngữ của cán bộ Việt Cộng — có khắc phục được chướng khí của vùng rừng núi ẩm thấp với những cơn mưa dầm không dứt và những ngày âm u vô tận không? Thêm vào đó, ông phải đối phó với thái độ thù nghịch của đối phương, sau vụ vượt ngục không thành, với tình trạng ăn uống kham khổ, không thuốc men... Chúng tôi đi rồi, chắc ông cô đơn lắm. Ông không thông cảm mấy với Đệ, và các tù nhân khác thì rõ ràng muốn xa lánh ông, sau vụ ông bỏ trốn khỏi trại. Trong hoàn cảnh đó, chắc không còn ai giúp đỡ ông trong những lúc ốm đau. Hồi trước, ở trại Hai, có hai em bé hay đỡ đần ông trong những công việc linh tinh. Đó là Mến và Khương, mà chúng tôi gọi đùa là Thương để cùng cặp với Mến.

Khoảng hơn 10 tuổi, Mến bị bắt trong một trường hợp bất ngờ. Em vốn là một em bé chăn trâu ở địa phương. Một buổi chiều mưa lớn, trâu chạy lạc, Mến đi tìm, và không ngờ đến gần khu vực của trại Hai này. Thế là em bị buộc tội cho thám do địch, và được giữ lại từ hơn một năm nay. Cán bộ Việt Cộng có ý định thâm độc tuyên truyền, "giác ngộ" và huấn luyện Mến thành một em bé giao

liên, vì em rất khỏe mạnh, người chắc nịch và rất thông thạo đường sá ngõ ngách trong vùng. Nhưng em vẫn cương quyết, nằng nặc xin trở về với gia đình. Lớn hơn Mến vài ba tuổi, Khương gầy gò, ẻo lả, bị bắt năm trước đây khi em tìm đường tiếp tế cho ba em, một cảnh sát viên bị câu lưu trong một trại cải tạo của Việt Cộng. Em bị buộc tội tiếp tế cho địch chỉ vì lúc đó, em có mang theo một ít thức ăn và vài bộ quần áo. Hằng ngày, Mến và Khương không đi lao động ở ngoài rừng. Hai em phải túc trực bên nhà cán bộ, để cán bộ sai vặt. Những lúc được nghỉ ngơi, các em thường quây quần bên ông Minh để vòi ông bày cho những trò chơi hướng đạo. Nhìn cái cảnh lận đận trẻ già chung một lứa, chúng tôi không khỏi ngậm ngùi và oán hận. Đúng là "trẻ không tha, già cũng bắt". Khi chúng tôi chuyển qua trại Ba, Mến và Khương không cùng đi với chúng tôi.

*
* *

Rời Yên Thành, đoàn người cắt ngang qua Phủ Quỳ, vùng trồng cà phê nổi tiếng của Nghệ An, với những con đường đất đỏ quanh co nổi bật lên giữa những dãy cà phê cành lá um tùm một màu lục đậm. Rồi tiếp tục theo hướng Bắc, chúng tôi tiến dần vào địa phận tỉnh Thanh Hóa.

Đêm nay, chúng tôi nghỉ lại trong một ngôi nhà gỗ khá vững chắc, cất nửa chìm nửa nổi trên mặt một ngọn đồi, như một cái hầm trú ẩn để tránh bom đạn, và được ngăn ra thành những xà lim chật hẹp. Tôi đoán địa điểm này nằm trong ngoại vi của một doanh trại bộ đội. Xung quanh không có làng mạc, chỉ có những lùm cây rậm rạp liên tiếp nhau, lá xanh đen lẫn trong bóng đêm chập chùng. Tôi tìm cách mắc võng theo đường chéo của xà lim, nhưng vì khoảng cách quá ngắn, võng chùng lại, nên rất khó nằm. Vì vậy, tôi ngả lưng ngay trên sàn gỗ, và phải co chân lại mới đủ chỗ.

Sáng sớm, vừa mới thức giấc, tôi đã nghe tiếng Hiên vang lên ở đằng trước ngôi nhà:

— Các anh chuẩn bị. Có y tá đến công tác.

Một lát sau, tiếng nói chuyện xôn xao vọng lại: người y tá lần lượt đến viếng từng xà lim một để khám bệnh cho Weaver, anh Tứ, anh Lộc, và sau cùng tôi nghe tiếng chìa khóa lách cách mở cửa xà lim của tôi. Tôi ngồi đợi trên võng, nhìn ra ngoài. Sau khi mở cửa, Hiên quay trở ra, và một người đứng tuổi, cao gầy hiện ra trong khung cửa hẹp. Bỏ cái xắc trên tay xuống sàn gỗ, anh vỗ vào vai tôi, cúi thấp người, nói rất khẽ:

— Mình cũng ở trong Nam ra đây.

Tôi ngạc nhiên trước cử chỉ và giọng nói thân mật bất thường đó. Nhưng tôi cảnh giác ngay — một phản ứng đã trở thành thói

quen khi gặp đối phương có thái độ vồn vã, dịu ngọt, vuốt ve — và lạnh lùng cởi chiếc áo tù đã cũ để người y tá nghe tim và phổi. Sau khi ôn tồn hỏi tôi mấy câu về tình trạng sức khỏe chung, về việc di chuyển trong mấy ngày gần đây, anh đang định nói gì thêm, thì có tiếng người bước đến gần. Anh bỗng thay đổi thái độ, lấy một giọng khá xẳng:

— Chẳng đau ốm gì cả! Không cần phải dùng thuốc men. Ra đến ngoài ấy, cố gắng lao động cải tạo cho tốt để được hưởng sự khoan hồng của Đảng và Chính Phủ và sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Nhưng không ngờ, khi đứng lên, anh vội vàng dúi vào túi áo tôi một gói nhỏ và về sau mở ra, tôi biết là một gói vi-ta-min B và C lẫn lộn. Ở miền Bắc, thuốc men khan hiếm, cho luôn một gói như thế, thật là hãn hữu. Tôi ngạc nhiên, và thầm cảm ơn người y tá. Nhưng tiếng chân bước ở phía ngoài nghe đã rõ hơn, tôi chỉ kịp ngước mắt nhìn anh ta, và gật đầu. Anh nhìn tôi thông cảm, lặng lẽ mỉm cười, rồi lách ra ngoài.

Nằm co quắp trên võng, tôi cố phân tích và tìm hiểu sự kiện vừa xảy ra. Có lẽ anh ấy bị Việt Cộng bắt trước đây và nay được thu dụng vì có khả năng chuyên môn. Hoặc anh đã từ Nam tập kết ra Bắc sau Hiệp Định Genève, và khi nhận rõ chân tướng của Việt Cộng, đã vỡ mộng, và đâm ra có cảm tình với những tù nhân chính trị như chúng tôi.

*
* *

*L*ần theo hướng Đông Bắc, chúng tôi đã đi xuyên qua Tĩnh Gia, và đang ở trên địa phận huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chúng tôi đã về đến miền xuôi, và quang cảnh thay đổi hẳn: những đồi núi, cây cối um tùm và các thôn xóm thưa thớt đã nhường chỗ cho những cánh đồng bằng phẳng với những làng mạc đông đúc nằm giữa những thửa ruộng lúa hoặc hoa màu xanh tốt hơn. Đối với riêng tôi, Quảng Xương cũng như Kỳ Anh, là một địa danh quen thuộc gợi lên những hình ảnh và tình cảm trong sáng của tuổi hai mươi. Tôi bồi hồi nhớ lại mảnh đất hiền hòa với những vườn cam vàng ối vào dịp cuối năm âm lịch, những rặng dừa cao tươi mát của những ngày hè rực rỡ, và những con phi — một loại mực độc đáo của địa phương — ngọt và dòn của những bữa cơm gia đình ấm cúng. Và làm sao quên được Sầm Sơn? Bờ biển cát trắng bát ngát phi lao, những mỏm núi chạy dài ra tận mép nước xanh ngắt dưới ánh nắng hè huy hoàng... Qua bao nhiêu tang thương, Sầm Sơn có còn giữ được những nét yêu kiều của những ngày xưa cũ? Nhưng sự tương phản giữa quãng đời an vui thơ mộng đã qua và hoàn cảnh lưu đày hiện tại làm cho tôi xót xa thêm

cho số phận của mình. Tôi muốn chia sẻ với Lộc những ký ức và cảm nghĩ chợt đến. Khi dừng chân nghỉ dưới một cây đa rợp bóng, cạnh một cây cầu gỗ, tôi nói với anh:

— Theo như tôi nhớ, anh chưa có dịp viếng thăm nơi phát tích của nhà Nguyễn. Có lẽ ngày mai, ngày kia, chúng ta sẽ đi vào địa hạt Hà Trung.

— Tôi cũng mong như thế, may được thấy vùng Tống Sơn.

Chúng tôi lưu lại địa điểm này đã được một hôm, và tối nay Thuần cho biết sáng mai cả đoàn sẽ đi xe hơi ra Hà Nội:

— Các anh biết không, Mỹ đã ngưng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra, nên từ đây ra thủ đô, lộ trình rất an toàn.

Có lẽ đây là giai đoạn chót của cuộc hành trình gian lao vất vả kéo dài gần hai tháng trời. Chưa biết những gì sẽ chờ đợi chúng tôi trong những ngày sắp tới, nhưng ít ra, chúng tôi sẽ đến một nơi tương đối ổn định. Trong lúc Weaver thắc mắc không biết sẽ xử dụng loại xe gì — có lẽ anh đã ngán những quân xa thiếu hẳn tiện nghi — thì anh Lộc muốn biết về Hà Nội, con người và khung cảnh của đất nghìn năm văn vật. Anh muốn kiểm điểm lại những hiểu biết thu lượm được về thành phố này qua sách vở, báo chí và nhắc đến hồ Gươm, hồ Tây, con đường Cổ Ngư, các phố hàng Khay, hàng Đào, hàng Bông... với ít nhiều háo hức. Anh Tứ vuốt, và gấp đi gấp lại mãi bộ quần áo duy nhất một cách rất cẩn thận, và hình như anh cố kéo dài thời gian làm công việc đó để trầm ngâm suy nghĩ. Tôi biết rằng do công vụ, anh đã qua lại Hà Nội nhiều lần, ngoài thời gian anh theo học ở tư thục Thăng Long. Chắc anh đang âm thầm ôn lại những ký ức của một thời xa xưa. Mấy tay bộ đội ồn ào thảo luận về hoạt động của họ trong những ngày sắp tới: thăm viếng bà con, bạn bè, tham dự các cuộc vui giải trí... Thuần và Hiên tỏ vẻ hài lòng vì nhiệm vụ sắp hoàn thành, và giai đoạn khó khăn đã được mỹ mãn vượt qua. Thuần cởi mở:

— Trong những tình thế gay go nhất, có lần tôi có ý định cho các anh đi nhờ xe Chữ Thập Đỏ để được an toàn.

Thế nghĩa là Việt Cộng định lợi dụng xe Hồng Thập Tự để tránh bom đạn của Mỹ, vì biết chắc những máy bay Mỹ không đánh vào những chiếc xe mang dấu Hồng Thập Tự to tướng mà có lần chúng tôi gặp trên đường đi.

Sáng nay, chúng tôi khởi hành vào khoảng 9 giờ sáng, trên một chiếc command car của ngành Công An, do Nga chế tạo, trông giống chiếc Jeep nhưng rộng và dài hơn. Chỉ nửa giờ sau, chiếc xe rẽ vào một con đường nhựa khá rộng. Căn cứ vào các cột cây số bên lề, tôi biết đó là quốc lộ 1, và ngạc nhiên nhận thấy con đường quan trọng này bị hư hỏng khá nhiều mà không được sửa chữa. Ở nhiều chỗ, lớp nhựa và đá trên mặt đã trôi mất, để lộ những ổ gà

nham nhở. Nhưng chiếc command car duy trì được một tốc độ cao hơn tốc độ của những cam nhông ì ạch trong đêm tối, trên những đoạn đường lồi lõm vì bom đạn trước đây. Bỏ lại sau lưng tỉnh lỵ Thanh Hóa còn phơi bày những dấu vết tàn phá của chiến tranh, chạy dọc theo quốc lộ 1, song song với thiết lộ xuyên Việt, chúng tôi lần lượt vượt qua Ninh Bình, Nam Định, rồi Phủ Lý, Hưng Yên... Thỉnh thoảng, chạy ngược chiều với chúng tôi, những chiếc quân xa bịt kín nối đuôi nhau hướng về phía Nam. Có lẽ đó là những chuyến công voa chở vũ khí đạn dược tiếp tế cho chiến trường miền Nam. Nhưng không phải lúc nào Việt Cộng cũng có thể sử dụng quân xa trên con đường huyết mạch này. Hai tuần trước đây, khi nghỉ lại trên bờ một con sông rộng, chúng tôi đã gặp một toán bộ đội đi bộ. Chiếc cầu sắt đã bị đánh sập, họ phải vượt sông trên một chiếc cầu tạm bằng gỗ, và nghe họ chào hỏi mấy tay bộ đội áp tải chúng tôi, chúng tôi biết họ đang tiến vào Nam. Những vụ oanh tạc liên tục của không quân Mỹ không ngăn cản được cuộc chuyển quân của Việt Cộng, mà chỉ làm trì hoãn nó mà thôi.

Vào khoảng 3 giờ chiều, chiếc xe bỗng ngừng lại bên đường, rồi rẽ vào một bãi đất trống khá rộng, cỏ mọc lưa thưa, giống như một sân bay dã chiến hoang phế. Thuần và Hiên mở còng tay cho chúng tôi, chiếc còng mà Việt Cộng gọi là còng số 8:

— Chúng ta nghỉ lại đây để ăn cơm chiều.

Chúng tôi nhanh chóng ăn xong nắm cơm bọc trong một miếng lá chuối tươi, rồi lặng lẽ ngồi nhìn cánh đồng trải dài phía bên kia đường, dưới ánh nắng nửa chiều. Tôi đang nhớ đến gia đình, lo ngại cho cuộc sống của vợ con tôi, và nghĩ đến miền Nam xa xôi, thì Weaver chợt nghiêng đầu về phía tôi:

— Anh có tin tức gì về hội nghị Ba Lê không?

— Cũng như anh, tôi không có tin tức gì cả. Nhưng tôi đoán rằng Mỹ ngưng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra Bắc vì muốn tạo một không khí thuận lợi cho cuộc hòa đàm.

— Tôi đồng ý với anh. Và chúng ta vẫn còn hi vọng.

Không xa chúng tôi, dưới bóng chiếc xe, Thuần, Hiên và đám bộ đội cũng đã ăn xong, đang hút thuốc lào và nói chuyện gẫu, thỉnh thoảng phá lên cười ầm ĩ. Trong bóng chiều ngả dài trên bãi cỏ, chúng tôi chờ đợi giờ lên đường. Weaver có vẻ sốt ruột:

— Đến lúc nào mới lại ra đi?

Không ai trả lời anh vì không ai biết tại sao phải nghỉ lại ở đây lâu như thế này. Một lúc sau, anh Lộc dè dặt nêu một giả thuyết:

— Hay có việc gì xảy ra chăng? Xe không hư, lộ trình an toàn...

Anh Tứ nhận xét:

— Có lẽ không có gì quan trọng xảy ra đâu. Họ bình chân như vại thế...

Thực vậy, đám cán bộ, bộ đội vẫn mải mê cười nói, như không để ý đến thời gian đang trôi qua. Mãi đến lúc nắng tắt, Thuần mới gọi chúng tôi lên xe.

Ngồi trên chiếc quân xa đang tiến về phía Hà Nội, tôi nhớ lại những lần ra Bắc trước đây. Lần đầu tiên, tôi từ Huế đi Hà Nội bằng xe lửa, với tâm trạng hồ hởi của một học sinh sắp bước vào ngưỡng cửa đại học, và mang theo trong hành lý những ước mơ tươi đẹp của tuổi trẻ. Lần thứ hai, tôi trở lại Hà Nội để phục vụ tại bộ Quốc Gia Giáo Dục của chính phủ quốc gia Việt Nam được thành lập lần đầu tiên vào năm 1948. Hồi đó, đất nước không bị ngăn cách thành hai miền bởi một dòng sông bên bờ vĩ tuyến, mà bị chia ra thành từng vùng không ranh giới rõ rệt, thuộc hai phe Quốc Cộng đối nghịch nhau. Và đến nay, đúng 20 năm sau, tôi lại ra Bắc, hai tay bị còng, trong tư thế của một tù nhân chính trị với niềm tủi hổ của một kẻ bại trận nhất thời, bị bắt tại chiến địa. Suy nghĩ về những biến chuyển lớn lao của đất nước, và về những thăng trầm của cuộc sống cá nhân, tôi cố ấn định cho mình một thái độ thích hợp với hoàn cảnh mới.

Trời đã tối hẳn. Chiếc xe rẽ vào một con đường hẹp, có nhà cửa san sát, và ngừng lại trước một cái cổng gạch kiên cố. Trong ánh sáng lù mù của một ngọn đèn dầu, mấy người mặc thường phục thấp thoáng đi lại. Tấm cửa sắt nặng nề mở ra, và chiếc xe tiến vào trong sân. Thuần liên lạc với một người cán bộ, rồi đưa chúng tôi vào ngồi đợi trong một căn phòng hẹp. Chỉ một lát sau, hai người mà tôi đoán là công an viên, bước vào phòng và hướng dẫn chúng tôi đi. Thuần, Hiên và đám bộ đội đã biến đâu mất. Họ đã ra đi không một lời từ biệt. Tất nhiên, chúng tôi không chờ đợi một cuộc chia tay như thường lệ, nhưng cử chỉ vô tình của họ giúp cho tôi hiểu thêm tác phong của người cán bộ Việt Cộng.

Trong bóng tối dày đặc, một trong hai người cán bộ hướng dẫn, một xâu chìa khóa kêu lách cách ở tay, dừng lại dặn dò:

— Tôi đi trước. Anh nào đi sau tôi nắm vai áo tôi, và người đi sau nữa nắm vai áo người đi trước. Gần đây thôi.

Mò mẫm bước đi trong bóng đêm, trên những lối hẹp quanh co giữa những bức tường cao, vượt qua ba lớp cổng khóa kín, tôi chợt hiểu tại sao các cán bộ Việt Cộng nghỉ chân lâu như thế tại bãi đất trống chiều nay.

Họ không muốn chúng tôi biết địa điểm giam giữ, cách bố trí của trại cải tạo và các ngõ ngách trong khu vực này.

Một tia sáng le lói phía trước mặt: một cây đèn bão treo dưới một mái hiên dài yếu ớt chiếu vào mấy tấm cửa màu xám đậm. Có

lẽ đó là những xà lim nằm sát nhau. Nhưng người cán bộ không dẫn chúng tôi vào nơi có ánh đèn mà lại rẽ ra đằng sau, lần bước đi trong một ngõ hẻm tối om độ 20 thước nữa mới dừng lại, bấm đèn pin, mở một cánh cửa và bảo tôi bước vào. Quay đầu nhìn lại, tôi không thấy bóng dáng các anh Lộc. Tứ và Weaver ở đâu nữa. Họ đã rẽ vào những xà lim khác lúc nào tôi không hay biết.

Ánh đèn pin soi vào một tấm ván kê sát tường, dọc theo chiều dài của cái xà lim dài hai thước, rộng một thước. Ánh đèn quay một vòng và ngừng lại ở góc tường phía trước, trên một cái bô màu trắng đã tróc lớp men, bụi bám dầy, giống như những cái bô thường dùng trong các bệnh viện. Giọng người cán bộ lạnh lùng dội lên trong căn buồng hẹp:

— Anh dùng bô để đi tiêu, đi tiểu. Sáng mai, tôi sẽ mở cửa cho anh làm vệ sinh cá nhân.

Trong xà lim chỉ có thế. Người cán bộ bước ra, đóng cửa lại, và bóp ổ khóa ở phía ngoài. Một tiếng "cách" sắc và gọn. Trong bóng tối, tôi đặt cái xách tay xuống nền gạch, cởi đôi kính cận thị, cẩn thận đặt nó dưới gầm tấm ván, rồi ngả lưng xuống. Tôi định thần, cố lắng nghe những tiếng động bên ngoài. Các xà lim bên trái, bên phải đều im lìm, không biết có người ở hay không. Một lát sau, tiếng người nói lao xao và bước chân đi vội từ ngoài bức tường vọng lại. Có lẽ bên kia tường là một ngõ hẻm khác. Đó là những âm thanh, những biểu hiệu duy nhất và ngắn ngủi của sự sống, đêm nay, tại khu vực này. Nằm bất động, tôi gối đầu lên hai bàn tay xếp lên nhau, tự nhủ:

— Một cuộc sống mới bắt đầu.

(còn tiếp kỳ sau)

Đồng bào khắp nơi hãy đón mua một tác phẩm đặc biệt sắp phát hành :

QUÊ HƯƠNG NƯỚC MẮT

** Tuyển tập văn thơ, ghi lại một phần đời sinh hoạt văn hóa sôi nổi suốt 20 năm (1966-1986) của Thi sĩ kiêm chủ báo QUỐC NAM.*

** Cơ sở văn hóa Đông Phương xuất bản. Giá 7 Mỹ kim.*

L/L **ĐÔNG PHƯƠNG FOUNDATION**
P.O.BOX 306, San Jose, CA 95103-0306 USA

Giới thiệu sách mới nhận được.

NGỌN HẢI ĐĂNG MÙ

Tập truyện ngắn của nhà văn Mai Thảo, gồm 14 truyện ngắn tác giả viết tại hải ngoại, do Làng Văn xuất bản năm 1987, dày 200 trang. Giá 10 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc để mua sách : Nhà XB Làng Văn
61 Driftwood Ave, Unit 10, Downsview, Ont, M3 N. 2 M 3
Canada.

KỶ NIỆM VỚI MỴ ÁNH

Truyện vừa (trung thiên tiểu thuyết) của Lê thị Huệ, lấy khung cảnh là Việt Nam những ngày cuối cùng trước khi VNCH sụp đổ. Tác phẩm thứ nhì của Lê thị Huệ được nhà XB Lũy Tre Xanh San Jose xuất bản năm 1987. Sách dày 96 trang, giá 6 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc : P O Box 1943 San Jose, CA. 95109 USA.

CỎ BIẾC

Tập thơ của Cung Vũ, bút hiệu của Nguyễn Hữu Nghĩa người chủ trương tờ Làng Văn, Canada. Đây là thi phẩm thứ hai được xuất bản của Cung Vũ, sau tập Hồng Trần in năm 1985. Có thể nói đây là một công trình nghệ thuật gồm đủ thi hoạ nhạc. Sách dày 92 trang, do Làng Văn xuất bản. Giá 7 Mỹ kim.

ĂN KHẾ TRẢ VÀNG

Truyện cổ viết lại, lời của Cung Vũ, minh hoạ của hoạ sĩ Vi Vi, do Làng Văn xuất bản năm 1987. Đặc biệt có phần giải thích các chữ khó để các em chưa sành tiếng Việt dễ dàng tra cứu. Sách dày 64 trang, giá 4 Mỹ kim.

CẬU BÉ VÀ HOA MAI

Tập truyện ngắn của Phan Tấn Hải, gồm 12 truyện ngắn do cây bút nòng cốt của tạp chí Nhân Văn viết, và nhà xuất bản Nhân Văn ấn hành năm 1987. Sách dày 202 trang, giá 7 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc : Nhân Văn
P O Box 21638 San Jose, CA. 95151 USA

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI

Truyện dài của Lê Tất Điều, tác phẩm từng đoạt giải tiểu thuyết của Trung tâm Văn bút Việt Nam, do nhà Văn Nghệ tái bản năm 1987. Sách dày 152 trang, giá 7 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc : Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster CA. 92683 USA.
Phone : (714) 832 8445

CUỘC CHIẾN TÀN CHƯA ?

Tập chuyện của Nguyễn Đức Lập, do Hoa Gấm xuất bản tại Orange County năm 1987, gồm 14 truyện ngắn tác giả viết về đời sống những người dân lam lũ ở một ấp quê sau 1975. Sách dày 200 trang. Giá 8 Mỹ kim.

NHỮNG ĐÊM KHÔNG NGỦ

Tập thơ của Nguyễn Đức Lập, do Hoa Gấm xuất bản và phát hành cùng lúc với tập chuyện Cuộc chiến tàn chưa, gồm 21 bài thơ in trên giấy xanh dày. Sách dày 64 trang, giá 5 Mỹ kim.

TRUYỆN NGẮN I

của Võ Phiến, tập thứ hai trong Võ Phiến Toàn Tập (gồm tất cả 18 cuốn), gồm 13 truyện ngắn đặc sắc Võ Phiến viết trước 1975. Sách dày 320 trang, do nhà Văn Nghệ xuất bản năm 1987. Giá 13 Mỹ kim.

XUÔI DÒNG

Tập truyện ngắn thứ nhì Nguyễn Mộng Giác viết và cho xuất bản tại hải ngoại, ngoài bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động. Sách do nhà Văn Nghệ xuất bản, dày 176 trang. Giá 7 Mỹ kim.

TRONG THỜI CHINH CHIẾN

Truyện dài của Đỗ Quốc Anh Thư, do Nguyễn Dũng San Jose xuất bản năm 1987. Tác giả là một cựu sĩ quan không quân, đã từng cho in cuốn Nửa Đường Gãy Cánh năm 1985. Sách dày 260 trang. Giá 8 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc : Nguyễn Dũng
147 Sweetberry Ct, San Jose, CA. 95136 USA.

NỬA CHỢ NỬA QUÊ

Truyện dài của Hồ Trường An, do nhà Lạc Hồng ở Thụy sĩ xuất bản. Khung cảnh truyện là vùng ngoại ô Vĩnh Long quê ngoại của tác giả, vào những năm thanh bình đầu thời đệ nhất Cộng hoà. Sách dày 203 trang, đặc biệt chỉ biếu chứ không bán. Muốn có sách, liên lạc về Lạc Hồng , Postfach 161
9014 St. Gallen. Suisse. Switzerland.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Tiễn bạn vừa quen, Đôi khi (thơ PQH), Cuộn chỉ rối (truyện NND), Bên nay bờ (truyện CP), Độc hành, Bên tờ giấy trắng (thơ CP), Tương ngộ (thơ ĐPQ), Những cảm nghĩ xuôi dòng (của NVS), Ngày gặp lại (truyện VN), Từ cổ của dân tộc Việt (khảo cứu của SNXS), Sinh nhật 50 trên đất người (thơ HL), Đời mật ngọt, Tình nâu (thơ HXT), Câu chuyện của thầy Hương Quản (truyện NND), Hành trạng (thơ ĐPQ), Vấn đề giải phóng phụ nữ trong văn chương nữ giới (của HST), Đọc CB của CV (bài của ĐHĐ).

Xin cảm tạ lòng ưu ái của quí văn hữu. Bài nào đăng được, trừ

thơ, chúng tôi sẽ xin liên lạc bằng thư riêng hay bằng điện thoại để quí vị đừng gửi cho báo khác. Văn Học không nhận đăng những bài đã đăng trên báo khác, trừ trường hợp do nhu cầu chủ đề, chính Toà soạn quyết định đăng lại một bài đã đăng

HỘP THƯ

Nhắn tin chung cho các văn hữu xa gần : Văn Học dự định thực hiện thật công phu hai số báo chủ đề :

* *Văn nghiệp nhà văn Bình Nguyên Lộc*

Ra vào đầu tháng 7 năm 1987.

* *Văn nghiệp nhà văn Vũ Khắc Khoan*

Ra vào đầu tháng 9 năm 1987, nhân ngày giỗ đầu của nhà văn Vũ Khắc Khoan.

Hai số báo trên sẽ là dịp cho các nhà nghiên cứu phê bình văn học và các bạn văn có dịp nhìn lại toàn bộ sự nghiệp của hai nhà văn quá cố . Văn Học mong nhận được bài vở đóng góp của quí văn hữu xa gần, để hai số báo nói trên được phong phú, đa dạng.

Cáo lỗi của Nguyễn Văn : Trong mấy số Văn Học gần đây, Nguyễn Văn người phụ trách mục Thời sự Văn học Nghệ thuật vì quá bận sinh kế nên không làm tròn trách nhiệm Ban chủ biên giao cho. Ngay trên số này, mãi giờ chót Nguyễn Văn vẫn chưa có bài nộp kịp thời. Xin nhận lỗi với một số bạn đọc đã gửi lời trách, và xin hứa từ số sau, Nguyễn Văn sẽ làm việc đều đặn hơn.

Bạn VTN, San Jose: Mục *Điểm Sách* theo mong ước của Văn Học là mục thường xuyên để giới thiệu và góp ý với bạn đọc về những tác phẩm cần mua hay cần tìm đọc. Nhưng người phụ trách không đủ tiền mua tất cả các sách vừa xuất bản, chỉ mượn những sách tác giả gửi tặng Toà soạn Văn Học, nên tầm nhìn không đầy đủ. Thêm vào đó, "phê bình" dù sơ lược đến đâu vẫn là một việc "đáng ngại", nên tới kỳ đem báo đi in, người được giao phần điểm sách vẫn bặt tăm. Mong bạn thông cảm !!.

Lưu ý các bạn mua dài hạn : Trên nhãn ghi địa chỉ bạn đọc, có hàng số trên cùng, ví dụ : 121. 3 - 14 , có nghĩa là trên danh sách độc giả dài hạn lưu tại Toà báo, bạn đọc ấy có số thứ tự 121, và mua dài hạn từ số 3 đến số 14.

Vì vậy, khi nào thấy số báo bạn vừa nhận sắp hay đã hết hạn, xin các bạn gửi tiền tái gia hạn ngay cho Toà soạn.

Kể từ số 1 Văn Học Nghệ Thuật bộ mới ra ngày 1.5.1985 cho đến Văn Học số 15 này , Ban Chủ biên và Quản lý đã vui buồn với các bạn được tròn hai năm.

Do vật giá mỗi năm mỗi lên, và bưu phí cũng tăng cao, nên tháng 5 năm ngoái, Văn Học bắt buộc phải tăng giá báo từ 2 Mỹ kim lên 2.50 Mỹ kim. Dù giá báo tăng, nhưng Văn Học cũng đã

tăng từ 120 trang lên 144 trang, thành thử suốt một năm qua, tháng nào Ban quản lý cũng phải vất vả chạy tiền bù lỗ cho Văn Học.

Vì vậy, kể từ tháng 5.1987, **tức là từ số 16** ,giá biểu mua dài hạn và giá bán lẻ tại các hiệu sách xin được điều chỉnh như sau :

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada(Gửi hạng 4)

Sáu tháng..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

Mua từng số qua bưu điện và giá bán tại hiệu sách :

Mỗi số 3 MK.

Nếu muốn báo gửi theo bưu phí hạng nhất trong vùng Bắc Mỹ (Hoa Kỳ, Canada) :

Xin thêm 1 MK cho mỗi số báo.

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu :

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu :

Sáu tháng, gửi tàu thủy..... 21 MK
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng gửi máy bay..... 40 MK
Một năm gửi máy bay..... 80 MK

ĐÓN ĐỌC
THƯ KHÔNG NGƯỜI NHẬN
của HOÀNG KHỞI PHONG
sẽ xuất bản vào dịp Xuân Đinh Mão

LÁ THƯ NGỎ GỬI CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

Kính gửi các văn nhân, nghệ sĩ, và ký giả Việt Nam ,
Kính gửi toàn thể cộng đồng Việt Nam,

Chúng tôi hân hạnh báo cáo cùng quí vị một tin văn hoá quan trọng cho mùa Xuân 1987 :

Viện Đại học University of California, Irvine đã thỏa thuận việc thành lập một Việt Nam Văn Khố, và bắt đầu thu nhận những tài liệu lịch sử, văn hoá, xã hội, chính trị,v..v...liên hệ đến cộng đồng Việt Nam, và việc ra đi của trên một triệu người Việt sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Quyết định của Viện Đại học đã được chính thức thông báo trong một văn thư phổ biến cho báo chí Việt Mỹ gần đây (bản sao đính kèm).

Chúng tôi muốn đặc biệt ghi nhận nơi đây hoạt động tích cực của hai nhà văn Võ Phiến và Lê Tất Điều, trong mấy năm qua đã gợi ý, lưu tâm, cố vấn, và khuyến khích chúng tôi trong việc thực hiện Văn khố này. Chúng tôi cũng ghi công những nhân vật cộng đồng khác đã kín đáo âm thầm hoạt động theo những giải pháp khác nhau, hỗ trợ cho việc thành lập Văn khố Việt Nam. Sự đóng góp trực tiếp hay gián tiếp của quí vị đã giúp đỡ rất nhiều trong việc điều đình và tổ chức với các viên chức đại học liên hệ đến việc thiết lập Văn Khố Việt Nam bây giờ.

Việt Nam Văn Khố có một tầm quan trọng đặc biệt, để ghi lại biến cố lịch sử vĩ đại liên hệ đến sự ra đi của hơn một triệu người Việt sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Hơn một triệu người đã bất chấp những thống khổ bao la về tinh thần cũng như thể xác, những tổn thất ghê gớm về nhân mạng trên bể cả, hay trong những rừng già ranh giới các quốc gia lân cận. Phần đông đã vượt qua hàng vạn dặm để đến lập nghiệp tại Hoa Kỳ và bao quốc gia khác khắp năm châu.

Sự kiện lịch sử này chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng không nhỏ trong đời sống Mỹ quốc, và lịch sử thế giới. Riêng đối với cộng đồng Việt Nam, biến cố bi hùng này sẽ mãi mãi giữ một tầm quan trọng lớn lao về mọi phương diện của đời sống con người.

Không một ai trong số di dân Việt Nam không muốn giữ các dấu tích của cuộc vượt thoát thập tử nhất sinh vì tự do này. Hơn mười năm đã qua. Trong lớp di cư đầu tiên, số người từ giã cõi đời mỗi lúc một nhiều, mang theo những thiên ký ức vô giá; và trong số văn hoá phẩm đem theo từ cố quốc, những kỷ vật mang dấu vết cuộc di

cư, một phần đã thất lạc dần dần qua các cuộc đổi dời cư ngụ nơi quê mới. Những mất mát xót ruột như thế đang tiếp tục.

Bây giờ Việt Nam Văn Khố đã được thiết lập tại Đại học University of California , Irvine, và bắt đầu sinh hoạt cho việc bảo tồn cho tương lai những tài liệu lịch sử, xã hội, nhân sinh quí báu của người Việt tự do.

Một lần nữa, chúng tôi loan tin này, và mong mỏi được quí vị trong văn giới, cũng như được toàn thể cộng đồng Việt Nam cùng nhau góp tay làm Văn Khố được phong phú bằng cách gửi đến những tài liệu sau đây :

* Những thư từ, hình ảnh, kỷ vật, tư liệu về cuộc di cư tị nạn của người Việt Nam từ sau ngày 30.4.75, kể cả những tài liệu liên hệ đến lý do cuộc di cư như những hình thức bách hại của chế độ mới ở Việt Nam.

* Những văn hoá phẩm ra đời trước 1975 hiện đang bị hủy diệt tại Việt Nam, kể cả những bản thảo, những ghi chú, thư từ...chưa xuất bản của các học giả, văn nghệ sĩ cũng như của toàn thể cộng đồng.

* Những chứng tích đánh dấu các hoạt động của lớp di dân Việt Nam đầu tiên tại Hoa Kỳ; các loại sách báo, phim ảnh, hoạ, nhạc...,kể cả những thứ thành hình trên đường tị nạn tại các trại tạm trú tại Á châu.

Một khi gây dựng được một sưu tập đáng kể, Việt Nam Văn Khố sẽ hy vọng cung cấp một nguồn hứng khởi cho những công trình sáng tác văn học nghệ thuật xứng đáng với những quả cảm và hy sinh vì tự do của người Việt Nam , cũng như cho những công trình nghiên cứu về sinh hoạt của chúng ta trong xã hội Hoa Kỳ hiện đại v..v...

Đó là chưa nói đến giá trị tâm lý, giá trị tinh thần của Văn Khố với cộng đồng di dân Việt Nam đối với các thế hệ mai sau tìm về nguồn gốc.

Chúng tôi chân thành chờ mong sự hưởng ứng của quí vị.

Nay kính :

Ngày 22 tháng 2 năm 1987

Bác sĩ Vũ Đình Minh,
Giáo sư. Y khoa Đại học

Bác sĩ Stuart M. Krassner,
Khoa trưởng. Y khoa Đại học.

Tiến sĩ James Dunning,
Văn phòng Viện trưởng.

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM
TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.
Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

BÁC SĨ
HUỲNH HỮU CỬU

Diplomate American Board of Ophthalmology

*** TRỊ BỊNH MẮT**
*** GIẢI PHẪU MẮT**
*** LÀM KIẾNG**
*** SOFT CONTACT LENS**

9559 BOLSA AVE., SUITE B
WESTMINSTER, CA 92683
Góc Bushard trên lầu Bolsa Mini Mall
ĐT: (714) 531-9401

GIỜ LÀM VIỆC:
9:30 sáng đến 5:30 chiều
Nghỉ sáng Thứ Tư và Chủ Nhật

XIN LẤY HẸN TRƯỚC
(Thứ bảy đến 3 giờ chiều)

NHẬN MEDICAL
VÀ BẢO HIỂM

BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF OBSTETRICS & GYNECOLOGY
F . A . C . O . G

* *Fellow of American College of Obstetrics and Gynecology*
* *Văn bằng chuyên môn sản phụ khoa Hoa Kỳ*
* *Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu đại học sản phụ khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và USC Women Hospital, Los Angeles.*
* *Bác sĩ chuyên môn sản phụ khoa hành nghề tư đầu tiên tại California.*
* *Giảng huấn viên tại UCI Medical Center, Khu sản phụ khoa.*

Với sự cộng tác đặc biệt của nữ bác sĩ :
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
Diplomate American Board of Family Practice
Tốt nghiệp chuyên môn Y khoa Gia đình tại UCI

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

Thăm thai và đỡ đẻ. Bệnh đàn bà. Huyết trắng. Kế hoạch hoá gia đình : Cột hoặc đốt ống dẫn trứng. Kinh nguyệt bất thường. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn. Giải phẫu bệnh phụ nữ. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Truy tầm và chữa trị ung thư cổ tử cung...

Phòng mạch tại :
14536 Brookhurst Street, Phòng 101
(Góc Brookhurst và Hazard)
Westminster, CA 92683

ĐIỆN THOẠI : (714) 531 5505

Giờ khám bệnh : Thứ hai đến thứ sáu : 10.00 đến 6.00
Thứ bảy : 9.30 đến 2.00 PM
Nghỉ thứ tư và Chủ nhật . Xin vui lòng lấy hẹn

ĐÃ PHáT HÀNH KHẮP NƠI :

NGƯỜI CĂM THÙ RUỒI

tập truyện ngắn của nhà văn
NGUYỄN XUÂN QUANG
do Người Việt xuất bản
14841 Moran Street
westminster CA 92683 USA
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles

304 S Broadway St # 534

Los Angeles, CA, 90013

(Góc Broadway và đường số 3rd, Downtown)

(213) 621. 7622

Mở cửa cuối tuần theo hẹn

Văn phòng Garden Grove

9872 Chapman Ave, Suite 200

Garden Grove, CA, 92 641

(Góc Chapman và Brookhurst)

(714) 537. 8771

Chúng tôi mở cửa ngày thứ Bảy

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Án mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*

** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học.....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

HỢP LƯU

truyện dài của Hồ Trường An

176 trang. Giá 7 Mỹ kim

Hồ Trường An nhìn xuống cái nhạt nhẽo (của cuộc sống thường nhật), nhìn với tất cả tâm hồn mình. Và quả nhiên không uổng công. Một cái nhìn trìu mến nồng nàn như thế, chiếu vào một xác chết tưởng cũng có thể khiến xác chết trở nên hồng hào sống động, cựa quậy được, huống hồ là xuống cuộc sống thường nhật của những cặp nam nữ đang yêu nhau.

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC

tập truyện của Phan thị Trọng Tuyến

250 trang. Giá 10 Mỹ kim.

...Truyện của chị Phan thật nhiều vẻ. Chị viết về tâm lý người già, về cuộc sống giới trẻ; chị viết về sinh hoạt xã hội bên nhà, về đời sinh viên du học hải ngoại; chị viết truyện tâm tình ái ân, lại viết về những vấn đề triết lý, chính trị; trong truyện của chị có nghệ sĩ, có trí thức, lại có những người nhà quê ngây ngô lú lẩn, có trẻ con mũi dãi lòng thòng nghèo đói ỏng eo; chị viết những chuyện thương tâm đứt ruột, lại viết những chuyện khôi hài nhẹ nhõm v.v...

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ.

tập truyện của Mai Kim Ngọc

248 trang. Giá 10 Mỹ kim.

Không phải ai cũng kể được chuyện lành, vẽ được cảnh đẹp, nói được lời nhân hoà. Đã mấy thập niên qua, chúng ta luôn phải chiến đấu, sống trong thù hằn; ít ai giữ được lòng khoan thứ, tin tưởng ở cuộc đời, tác phẩm của chúng ta phần lớn chứa đựng đau thương, hằn học. Mai Kim Ngọc đến từ một cảnh sống khác; nghệ thuật của ông thổi một luồng gió mới vào bầu không khí văn chương của chúng ta. Một luồng gió mát mẻ, thật dễ chịu. Đời đẹp ra, và tác phẩm văn chương trông cũng thấy dễ mến hơn.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA

Phone : (714) 832 8445

Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

in tại NVPRINTING (714) 897-3628

NHỮNG SÁCH VỪA XUẤT BẢN
CỦA NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

XUỐI DÒNG

tập truyện của Nguyễn Mộng Giác

176 trang. Giá 7 Mỹ kim

Tập truyện ngắn thứ nhì Nguyễn Mộng Giác viết và cho xuất bản tại hải ngoại, sau tập truyện đầu *Ngựa Nản Chân Bon* đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, phải tái bản đến lần thứ nhì trong vòng hai năm. XUỐI DÒNG tập hợp 13 truyện ngắn tác giả viết từ trại tị nạn Kuku Nam Dương cho đến ngày nay. Từ truyện đầu *Đêm Cuối Năm* lấy khung cảnh là tối giao thừa trên một đảo tị nạn hoang vắng cho đến truyện cuối *Xuôi Dòng* lấy khung cảnh ngày cuối năm tại một thương xá Hoa Kỳ tấp nập, tuy khung cảnh có khác, nhưng 13 truyện ngắn là 13 tiếng thở dài. Những tiếng thở dài nhẹ, nhưng sâu, như hầu hết các truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác.

TRUYỆN NGẮN I

Tập truyện của Võ Phiến

320 trang. Giá 13 Mỹ kim

* Từ Nguyễn Bá Học đến Tự Lực văn đoàn, tiểu thuyết Việt nam tiến từ phôi thai đến chỗ hoàn chỉnh một hình thức cổ điển. Từ 1954 về sau, tiểu thuyết Việt nam phá vỡ khuôn khổ cổ điển với những tìm tòi không ngừng. — TRUYỆN NGẮN I vừa phản ảnh những diễn biến của một thời tiểu thuyết phá thể, vừa tiêu biểu cho những nét Việt nam truyền thống không suy suyển trước phong trào thời-thượng tiểu-thuyết-mới. Nó không "mới" theo kỹ thuật Tây phương xa lạ, nó không cũ theo nề nếp tiền chiến.

Trong TRUYỆN NGẮN I : Những xôn xao của thời thế, những băn khoăn ý thức hệ, những nhân vật Việt Nam đến tận cùng xương tủy cốt cách, một khung cảnh Việt nam đến từng ngọn lá gốc cây, một xã hội Việt nam đến tận cùng ngõ hẻm hang cùng.

Cuốn thứ ba trong bộ Toàn Tập của Võ Phiến :

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI

truyện dài của Lê Tất Điều

152 trang. Giá 7 Mỹ kim.

Một đứa trẻ hồn nhiên yêu đời : Một quả mìn nổ dưới con tàu đang chạy. Thế là đứa trẻ thành ra côi cút mù loà. Thế là "Đêm dài một đời". Một trẻ mù giữa bao nhiêu trẻ mù khác, cả một thế giới những kẻ vô tội bất hạnh dưới cái nhìn chan hoà nhân ái của một tác giả luôn luôn nghiêng xuống nhìn cảnh đời hẩm hiu trong xã hội.

(xem tiếp bìa trong)

Giá 2$50 M.K.